



Tranh mực nho, Bùi Xuân Phái

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

Thời sự & những vấn đề

- | | |
|-------------------------------|------------------|
| 1 Sau cái chết của ông Đặng | Phong Quang |
| 4 Tin tức | H.V. |
| 7 Quê Hương @net | La Văn Lâm |
| 9 Lá thư đầu năm | Nguyễn Khắc Viện |
| 10 Tiếng Pháp ở Việt Nam | Hoàng Ngọc Liêm |
| 12 Euro : tiền tệ duy nhất... | |

Chứng từ

- | | |
|--|-------------|
| 17 Đêm giữa ban ngày (<i>hồi ký</i>) | Vũ Thư Hiên |
|--|-------------|

Văn hóa & khoa học & nghệ thuật

- | | |
|---|--------------|
| 23 Một mùa lãng man...(<i>đọc sách</i>) | Nguyễn Thắng |
| 25 Thầy (<i>chuyện kể</i>) | Thiên Nam |
| 28 Ánh sáng của cái không thấy | Lý Sơn |
| 29 Nhong nhong cưỡi ngựa... | Nguyễn Dư |

Sau cái chết của ông Đặng Tiểu Bình

Ông già, tro bụi và biển cả

Ra đời khi thế kỷ này mới 4 tuổi, lìa trần bốn năm trước khi nó tròn trăm năm, ông Đặng Tiểu Bình quả là một nhân vật kiệt xuất của lịch sử Trung Quốc hiện đại. Ông không có hào quang của người sáng lập như Mao Trạch Đông, nhưng bù lại, cuộc đời ba chìm bảy nổi *không tiền lệ* và sự nghiệp mấy chục năm qua của ông chứng tỏ Đặng Tiểu Bình là người có bản lĩnh cao cường, và một tầm nhìn vượt hẳn các đồng sự lẩn đẩn thủ của mình.

Có một điều mà “*người cầm lái tí hon*” tỏ ra hơn hẳn “*người cầm lái vĩ đại*” là ông Đặng đã thành công trong cả cái chết, ít nhất trên hai điểm. Một là ông đã sắp xếp được những người thay thế (tất nhiên mọi sự đã không diễn ra suôn sẻ lắm đâu : số phận của hai ông Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương còn đó) để tiếp tục đường lối chính trị mà ông đã vạch ra : mọi nhà quan sát đều đồng ý với nhau rằng trước mắt, sẽ không có một sự đảo lộn nào về nhân sự và chính trị như đã xảy ra năm 1976 sau khi Mao lìa đời. Hai là, ông Đặng đã sắp đặt lễ tang của ông cũng tỉ mỉ, thăm thuý và có bản lĩnh như ông đã chuẩn bị sự kế tục chính trị. Thân thể được “*hiến*” cho khoa học (một cách tượng trưng, tất nhiên là thế), rồi thi hài được hỏa táng. Tro bụi sẽ không rải trên đất nước Trung Hoa (như Chu Ân Lai) mà rắc trên “*biển cả Trung Quốc*”.

Đúng theo ý muốn của người chết, chính quyền Bắc Kinh đã tổ chức tang lễ với những nghi thức tối thiểu. Ngoại trừ số người được sắp đặt đứng bên đường ngày đưa đám, mọi cuộc tụ tập quá ba người đều bị nghiêm cấm, ở Bắc Kinh cũng như trên toàn quốc. Thận trọng là phải : cuộc đời *lên voi xuống chó* của ông Đặng đã gắn liền, ít nhất hai lần, với đám tang (Chu Ân Lai và Hồ Diệu Bang). Và trong tai của các ông Giang Trạch Dân, Lý Bằng... chắc còn vang lên, chúa chát, những tiếng chai vỡ ở đại học xá và đường phố Bắc Kinh sau vụ đổ máu Thiên An Môn 1989 (sinh viên và người dân Trung Hoa đập vỡ *chai lọ nhỏ* (*tiểu bình*) để vạch rõ trách nhiệm của họ Đặng. Người ta cũng không quên : năm 1978, chính ông Đặng đã nhờ *Bức tường Dân*

(xem tiếp trang 8)

MAISON DES ARTS EUROPE ASIE

20 rue Greneta 75002 PARIS Tel/fax 01 42 33 40 30
ouvert du mardi au samedi de 10h30 à 19h30
le dimanche et le lundi de 15h30 à 19h00
Métro : Réaumur-Sébastopol

PROGRAMME DE MARS 97

EXPOSITION

ARTS PLASTIQUES : " Regard vert "
exposition de peinture de JANG Jung-yeun (Corée)
du 5 mars (vernissage à 19h) au 5 avril 97

ARTS ARTISANIAUX :
« Objets d'art ou objets du quotidien ? »,
exposition permanente (céramique, bois laqué, bambou...)

CINÉMA

CINEMA DU DIMANCHE

Tous les dimanches à 17h : cycle du cinéma vietnamien.
2 mars : *Campagne dévastée* (Hông Sênh, 1980).
9 mars : *Quand viendra le dixième mois* (Dang Nhật Minh, 1984)
16 mars : *17e parallèle jour et nuit* (Hai Ninh, 1973)
23 mars : *Tempêtes* (Nguyễn Manh Lân, 1989)
30 mars : *Promesse d'au-revoir* (Trần Vũ, 1974)

LIVRE

Samedi 15 mars à 16h : présentation de " Femme du Vietnam, visages d'hier et de demain ". La photographe Christine PICTET raconte le destin des femmes qu'elle a rencontrées sur la route de son voyage au Vietnam. La soirée se terminera avec la projection du film de Dang Nhat Minh *Quand viendra le dixième mois*.

Compagnie EA SOLA

au Théâtre de la Ville, place du Châtelet, PARIS 4

il a été une fois

création 1977 de Ea Sola

spectacle de la Compagnie Ea Sola, en co-production avec Le Théâtre de la Ville (Paris), Le Kunsten Festival des Arts (Bruxelles), Het Muziektheater (Amsterdam)

les 21, 23, 24, 25 et 26 mai 1997

Au Vietnam la légende de Âu Cơ raconte la création du monde, d'un prince et d'une princesse qui, après leur rencontre mettent au monde cent enfants.

Il a été une fois commence là où la légende de Âu Cơ se termine : quand le prince a annoncé la séparation, son désir de retourner au royaume des eaux, emportant avec lui cinquante enfants et laissant à Âu Cơ les cinquante autres.

Sur scène, seuls les enfants sont là, entre frères et sœurs, après l'annonce de la séparation. La musique du Sud et le chant du Tài Tử du Sud Vietnam sont présents, non en tant que collage ou support de la pièce, mais comme une âme musicale née d'un même ensemble de matière : de la légende d'une famille brisée, clamant l'amour...

Réservation : THÉÂTRE DE LA VILLE (Paris)
Tél : 01 48 87 54 42, Fax : 01 48 87 81 15

Bạn đọc viết cho chúng tôi

Tu và Tu

Trong bài Giác mơ Xuân (*Diễn Đàn số Tết, 60*), Phong Quang có kể một câu chuyện. So với chuyện tôi được nghe thì version của Phong Quang thiếu một đoạn, nay tôi xin kể version tôi đã được nghe :

Trên thương giới, cụ Hồ và linh mục Martin Luther King gặp nhau. Mục sư King nói : " *I have a dream* " (Tôi ấp ú một giấc mơ). Cụ Hồ đáp : " *I have a dream too* " (Tôi cũng ấp ú một giấc mơ). Mục sư King nghe không rõ, mới hỏi lại. Một nhân vật quan trọng khác, đứng cạnh cụ Hồ, " *sợ Bác mệt* ", nên " *thay Bác* " mà trả lời : " *I have a Dream Two* " (Tôi có chiếc xe Drim II).

Theo tôi, version tôi đã được nghe có phần sát với sự thật, dù là sự thật hư cấu. Xin kể ra, không chừng góp được một phần làm giảm sự hiểu lầm đã quá chồng chất.

D. C. (vùng Paris, Pháp)

Vài lời góp ý với Diễn Đàn

Trước hết thành thật cảm ơn sự hy sinh " làm chùa " của các bạn trong ban biên tập và kỹ thuật để bảo đảm báo ra đều đặn, mang lại cho độc giả những tin tức nóng hổi nhất về Việt Nam. Các bạn mong độc giả góp ý kiến, tôi nghĩ ít

Đặt mua sách

Cuốn *Người Việt Nam ở Pháp (từ 1940 đến 1954)* của ông Đặng Văn Long sẽ phát hành đầu năm 1997. Hơn 800 trang, có hình ảnh. Sủ biên niêm, căn cứ vào tài liệu của các tổ chức *Tổng Uỷ ban đại diện Việt Nam*, *Trung ương Chiến binh*, *Trung ương Công binh*, *Trung ương hiệp đoàn...* Giá bán : 150 F.

Có thể đặt mua trước với giá 120 F bằng cách gửi séc cho tác giả :

Đặng Văn Long
3, Square de la Libération,
93100 MONTREUIL
CCP 2154821 PARIS

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG
opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.

Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h
après-midi 14 h 30 à 19 h 00
(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 01 45 66 93 27
Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

người muốn viết bài góp ý kiến, nên tổ chức một buổi gặp gỡ với độc giả, có lẽ sẽ được nhiều ý kiến bổ ích. Nếu cần, độc giả tham dự có thể tham gia chi phí thuê phòng. Vì DĐ không phải là một tổ chức chính trị hay hội đoàn, nên tổ chức những buổi gặp gỡ thân mật với độc giả, chẳng hạn mỗi năm một lần.

DĐ nhắm giới độc giả chủ yếu "trí thức" ở Pháp và hải ngoại. Tôi rất tiếc báo không được phổ biến ở trong nước, để làm nhịp cầu trao đổi. "Trung thực" nhận xét về hiện tình Việt Nam, cũng như những sự việc xảy ra trong các xã hội "tự bản tiên tiến" mà chúng ta đang sống (*nằm trong chǎn mới biết chǎn có rận*) phải làm cho chúng ta *khiêm tốn* trước những vấn đề vô cùng nan giải: chống tham nhũng, thông tin hoàn cầu và tự do báo chí, kinh tế toàn cầu, đầu tư ngoại quốc, cải tổ giáo dục để đáp ứng kinh tế thị trường... bao nhiêu vấn đề đang được tranh cãi ở ngay bên Pháp này. Chúng ta nên tránh thái độ chỉ trích "cho sướng miệng" hay kiểu "y' a qu'à" ...

Ngoài ra, phải công nhận trên địa hạt văn học văn nghệ nói chung, ở Pháp báo DĐ có nhiều khả năng nhất. Tôi nghĩ cộng đồng tại Pháp cần có một tập san văn hoá văn nghệ. Tôi xin đề nghị mỗi năm ra hai số đặc biệt *Diễn Đàn Văn Nghệ* gồm bài vở về văn học, văn nghệ, nghiên cứu lịch sử và sáng tác, viết bằng tiếng Việt và tiếng Pháp, để cho thế hệ 2 cũng như các bạn Pháp nghiên cứu Việt học có thể tham gia. Làm sao tài trợ? Tôi nghĩ có thể yêu cầu người viết bài cũng đóng góp tài chính (một số tạp chí chuyên môn như y học cũng làm như vậy).

Vũ Văn Huân (Lyon, Pháp)

dính chính: Trong số 60 (Xuân Đinh Sửu) :

- Cuối bài *Lá thư Hà Nội* của Hoàng Tiến (tr.11, cột 2), xin đọc là *năm 1996* (thay vì 1966).
- Tác giả bài *Ta dây trâu dây* (cuối tr.43) là *Nguyễn Thắng* (như đã in ở đầu bài).

Trong số 59 (tr.16), bài *Điểm sách* của Phan Huy Đường, đoạn đầu, dòng 3, thay vì *Collège de France*, xin đọc là *Collège International de Philosophie*.

Xin bạn đọc vui lòng lượng thứ.

Récital DANG THAI SON

au Ve Festival International "Les Nuits Pianistiques" d'Aix-en-Provence

Théâtre Municipal du Jeu de Paume
17 rue de l'Opéra, 13100 AIX en Provence
mardi 15 avril 1997, à 20h45

Frédéric CHOPIN

Barcarolle en fa dièse majeur, op. 60 ; 4 *Mazurkas*, op. 24 ;
3 *Mazurkas*, op. 50 ; *Andante spianato et Grande Polonoise brillante* en mi bémol majeur, op. 22 ; *Quatre Scherzi* : n° 1 en si mineur, op. 20, n° 2 en si bémol mineur, op. 31, n° 3 en do dièse mineur, op. 39, n° 4 en mi majeur, op. 54

Réservations :

Théâtre municipal du Jeu de Paume (04 42 38 07 39),
Office du Tourisme d'Aix-en-Provence (04 42 16 11 61)

Giá biếu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :

1/8 trang : 180 F

1/4 trang : 300 F

1/2 trang : 550 F

1 trang : 1000 F

(giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %)

Đăng liên tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %

từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, tòa soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên
Địa chỉ
.....
.....
.....

Điện thoại :

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ứng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ :
DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 65 USD để tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi money order 65 USD để tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Úc** : money order 65 USD để tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD / năm, séc để tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa,

1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về tòa soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Uberweisung)

DIEN DAN - FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : BLZ 752 500 00)

Tin tức Tin tức

Lao động cường bách ?

Theo AFP ngày 11.2, trong một bài trả lời Thông tấn xã Việt Nam được công bố cùng ngày, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã kêu gọi một cuộc “động viên toàn dân” vào công cuộc xây dựng cơ sở hạ tầng cho đất nước. Theo AFP, tuy không nói trắng ra, ông Kiệt làm cho người ta có thể hiểu rằng cuộc “động viên” này cũng sẽ có tính cách bắt buộc như trong thời chiến, khi ông tuyên bố :

“Mỗi người dân phải tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước, vào công cuộc xây dựng cơ sở hạ tầng cho công nghiệp hoá”, và “Nhà nước sẽ ban hành pháp lệnh để bảo đảm công bằng (trong cuộc động viên)”.

Những công trình cần được khẩn trương thực hiện, theo ông, bao gồm hệ thống đường giao thông các cấp, các công trình thuỷ lợi, xây cất trường học, bệnh xá. Nhắc lại những công trình lớn được hoàn thành trong chiến tranh nhờ cuộc tổng động viên toàn dân, như công trình đường Trường Sơn, hệ thống hầm Củ Chi..., ông Kiệt cảnh báo “Nước ta đang đứng trước hai lựa chọn, hoặc phát triển dựa vào sức dân, hoặc tụt hậu, phụ thuộc vào nước ngoài”. (Những câu nói trong ngoặc trên đây dịch từ bản tin tiếng Pháp của AFP).

Khi tờ báo này lên khuôn, chúng tôi chưa nhận được toàn văn bài phỏng vấn bằng tiếng Việt của thủ tướng để có thể xác nhận cách hiểu của AFP. Điều hiển nhiên là các nhà đầu tư nước ngoài cho tới nay rất ngại đi vào các lĩnh vực cơ sở hạ tầng, vì tiền đầu tư sẽ rất chậm mang lại lợi nhuận, mà tương lai chưa biết ra sao. Do đó, dựa vào sức dân để phát triển là một ý đã được các nhà lãnh đạo Việt Nam nhấn mạnh từ nhiều năm nay. Song, người ta khó có thể tin rằng nhà nước Việt Nam muốn áp dụng trở lại những hình thức cường bách lao động như đi đào mương làm thủy lợi những năm còn mồ ma hợp tác xã nông nghiệp ở miền bắc, hoặc những năm đầu sau giải phóng ở miền nam. Phải chăng, cách phát biểu của ông Kiệt, với những lời dẫn về thời kỳ chiến tranh đã làm cho một số cộng tác viên của AFP hiểu “huy động sức dân” trong nghĩa “động viên” nêu trên kia? Xin đợi hồi sau xem tiếp !

Quan hệ Việt - Mỹ

Cuộc điều trần trước Tiểu ban đối ngoại Thượng nghị viện Hoa Kỳ của cựu nghị sĩ Douglas Peterson, người được tổng thống Clinton bổ nhiệm làm đại sứ ở Việt Nam, bắt đầu từ giữa tháng 2, vẫn chưa ngã ngũ. Vấn đề mắc míu không phải vì các thượng nghị sĩ đối kháng với ông Peterson, mà vì áp lực của những thế lực bảo thủ chưa nuốt trôi thất bại ở Việt Nam vẫn còn đè nặng lên những thượng nghị sĩ đảng Cộng Hòa, phe đa số trong thượng nghị viện.

Mặt khác, cuộc thương lượng về một hiệp ước thương mại

giữa hai nước, bị hoãn lại năm ngoái vì cuộc bầu cử tổng thống Mỹ, chưa được định ngày nối lại. Quy chế tối huệ quốc, cho phép hàng Việt Nam xuất sang Mỹ được hưởng những thuế suất như hàng của những nước khác, và việc Việt Nam gia nhập Tổ chức mậu dịch thế giới (WTO) phụ thuộc vào hiệp ước này.

Tuy nhiên, các mối quan hệ khác giữa hai nước vẫn tiếp tục được triển khai. Tân bộ trưởng tài chính Nguyễn Sinh Hùng đã sang thăm chính thức nước Mỹ một tuần từ 24.1 đến 1.2 vừa qua. Sau khi đã gặp bộ trưởng ngân khố Robert Rubin và nhiều quan chức của chính phủ và quốc hội Mỹ, cũng như của Quỹ Tiền tệ Quốc tế và Ngân hàng Thế giới ở Washington, ông Hùng đã đi New York thăm Wall Street và làm việc với giới tài chính, ngân hàng ở đây, như với ông William McDonough, chủ tịch Ngân hàng dự trữ liên bang ở New York và với các quan chức cao cấp của Citybank. Sau đó, ông đã tham dự một hội thảo về Việt Nam ở trường đại học Harvard, Boston.

Mặt khác, theo Reuter ngày 19.2, quan hệ hợp tác quân sự Việt - Mỹ cũng đã tiến lên một bước, với việc Mỹ tiếp đón một phái đoàn quân sự Việt Nam gồm 5 đại tá đến thăm Hawaï và Washington, không chỉ để làm việc về các vấn đề POW/MIA, mà là để thảo luận về “những vấn đề chiến lược cả hai bên đều quan tâm”. Một trong những chủ đề là việc Việt Nam cho phép hay không cho phép các tàu quân sự Mỹ trên Thái Bình Dương dừng một hay nhiều cảng của Việt Nam làm trạm nghỉ chân, sửa chữa tàu.

Mới đây (17.1) Bộ Năng lượng Mỹ đã tiết lộ một công vụ bí mật đã được gửi sang Việt Nam năm 75, trong những ngày cuối cùng của chính quyền Sài Gòn, nhằm lấy lại số plutonium mà Mỹ đã đưa vào Việt Nam năm 1962, nhưng đã thất bại. Số plutonium, 80 g, đã được gửi sang cho chính phủ Nam Việt Nam lúc bấy giờ để sử dụng trong chương trình “Nguyên tử vì hòa bình”, song thực ra loại plutonium thuộc vào cấp vũ khí, nghĩa là có thể sử dụng để làm một trái bom thô sơ.

Ngay ngày hôm sau, bộ ngoại giao VN xác nhận VN có giữ số plutonium Mỹ để lại, hiện số plutonium này được giữ ở viện Nghiên cứu Nguyên tử Đà Lạt trong những điều kiện kỹ thuật an toàn bình thường và đã được báo cáo cho Cơ Quan Nguyên tử Lực Quốc Tế (IAEA) như các thoả hiệp quốc tế đòi hỏi. Theo bộ ngoại giao Mỹ thì số này thấp hơn nhiều so với số lượng mà Mỹ để lại. Tuy không cho biết Việt nam đã đặt bao nhiêu plutonium dưới sự giám sát an toàn của IAEA, song theo những chuyên viên sự chênh lệch với số 80 g chỉ là sự sai sót trong đo lường.

Tổng thống Argentina thăm Việt Nam

Tổng thống Carlos Menem, vị nguyên thủ đầu tiên của một nước Mỹ La tinh tới thăm Việt Nam, đã đặt chân tới Hà Nội ngày 17.2.1997. Chủ tịch Lê Đức Anh vắng mặt vì lý do sức khoẻ, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã nhân danh Việt Nam nghênh đón ông theo đúng nghi thức dành cho các nguyên thủ nhà nước. Cùng đi với ông Menem, ngoài các bộ trưởng ngoại giao, kinh tế, tư pháp, còn có tổng tư lệnh lực lượng Argentina và một đoàn 40 doanh nhân đại diện cho những

công ty lớn nhất của Argentina về các lãnh vực công nghiệp thực phẩm, dầu mỏ, luyện kim, xây cất nhà cửa và ngân hàng. Đây là cũng là cuộc tiếp xúc đầu tiên ở cấp thượng đỉnh giữa hai nhà nước. Sau Hà Nội, ông Menem cũng sẽ tới thăm Thái Lan và Singapore, chứng minh ý chí của Argentina muốn đặt chân lên vùng châu Á này, trong bối cảnh một nền kinh tế đang toàn cầu hoá, và với những lợi thế chính trị của cuộc bang giao “ Nam - Nam ”, theo phát biểu của một nhà ngoại giao Argentina. Trong chương trình của chuyến đi, tổng thống Menem cũng sẽ tiếp kiến với tổng bí thư Đỗ Mười, ký kết hai văn bản hợp tác song phương, một về công nghiệp thực phẩm và một về khoa học và công nghệ. Tổng thống Menem cũng sẽ khánh thành toà đại sứ Argentina ở Hà Nội ngày 18.2 trước khi rời Việt Nam. Trong năm qua, kim ngạch mậu dịch giữa hai nước đã tăng lên tới 11 triệu đôla, từ 200 000 đôla năm 1995. Một mặt hàng Argentina nhắm tăng cường xuất sang Việt Nam là thịt bò, với khoảng 600 tấn cho năm nay. (AFP 15, 17.2.1997)

TIN NGẮN

- Trong một bài phỏng vấn trên báo Tuổi Trẻ, tháng 2 vừa qua, chủ tịch quốc hội Nông Đức Mạnh cho rằng cần tiến tới thực hiện “ quyền làm chủ trực tiếp của dân ”. Ông đề xuất trưng cầu ý kiến của dân đối với những điều sửa đổi hiến pháp và một số luật.

- Phát biểu tại hội nghị Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tháng giêng vừa qua, tổng bí thư đảng cộng sản Đỗ Mười đã nêu chủ trương bảo đảm và khuyến khích hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội. Ông cho rằng các hội khoa học và kỹ thuật “ có khả năng phát huy tối đa tinh thần dân chủ và khoa học, loại trừ tính cục bộ, địa phương, có đủ trình độ và lợi thế đưa ra những ý kiến tư vấn, phản biện, giám định khách quan, vô tư, công bằng với thái độ thẳng thắn và xây dựng ”.

- Phát biểu trong hội nghị đầu năm của chính phủ với lãnh đạo của 61 tỉnh, thành, phó thủ tướng Phan Văn Khải cho rằng : “ Cần làm rõ hơn quan hệ của cơ chế thị trường với các mặt trái của xã hội để điều chỉnh. Tuy nhiên không được qui tội cho cơ chế thị trường. Không thể quay lại cơ chế cũ mà phải tạo môi trường, yếu tố mới cho nó phát triển ”.

- Theo một nghiên cứu của Viện nghiên cứu xuất khẩu của Izrael, các nhà kinh doanh Do Thái có rất nhiều tiềm năng đầu tư vào những hoạt động kinh tế ở Việt Nam. Những doanh số 180 triệu đôla trong ngành công nghiệp thực phẩm, 160 triệu trong ngành viễn thông và 300 triệu cho các trang bị cơ sở vật chất, là những ước tính mà, theo Viện, các nhà kinh doanh Do Thái có thể đạt được ở Việt Nam.

- Việt Nam và Trung Quốc đã thỏa thuận tăng cường kiểm soát vùng biên giới “ để hạn chế các tệ nạn xã hội ” như nạn trộm cướp, buôn bán vũ khí, mại dâm và nhất là luồng nhập cư bất hợp pháp vào các tỉnh biên giới Trung Quốc từ phía Việt Nam.

- Từ đầu năm nay, chính phủ đã quyết định điều chỉnh lương tối thiểu của công chức từ 120 000 đồng/tháng lên 144 000 đồng /tháng. Trợ cấp đối với những đối tượng có

công với cách mạng tăng từ 144 000 đồng/tháng lên 200 000 đồng/tháng.

- Bộ trưởng phụ trách môi trường trong chính phủ Pháp, bà Corinne Lepage đã tới thăm Hà Nội 4 ngày cùng với một đoàn doanh nghiệp trong các lĩnh vực xử lý nước, chất thải, năng lượng và bảo vệ vùng biển.

- Nhà văn Duyên Anh, tên thật là Vũ Mộng Long, vừa từ trần sau một cơn bệnh ung thư, thọ 61 tuổi. Duyên Anh là tác giả của khoảng 50 cuốn tiểu thuyết khá nổi tiếng trước năm 1975 ở Sài Gòn. Năm 76, ông bị bắt đi “ cải tạo ”, 5 năm sau mới được trả tự do nhờ sự can thiệp của các tổ chức Amnesty International và Pen Club. Ông vượt biển tới Pháp và sống ở đây từ năm 1983. Năm 1988, trong một chuyến sang Los Angeles, ông bị 4 kẻ “ ân oán giang hồ ” hành hung tới tét liệt, mất cả khả năng sử dụng tay phải để viết.

- Theo số liệu tháng giêng 1997, chỉ số giá cả ở Thành phố Hồ Chí Minh đã giảm 0,23 % mặc dù là tháng cận Tết. Giá lương thực giảm 1,77 % trong khi giá dịch vụ tăng 1,1 %.

- Theo số liệu của tổng cục thống kê công bố đầu năm 1997, tỷ lệ đàn ông goá vợ ở Việt Nam là 2,2 %, trong khi tỷ lệ đàn bà goá chồng lên đến 10,7 %, tức gấp 5 lần.

- Người Việt Nam đầu tiên tới Nam Cực là một phụ nữ, cô Trần Thị Minh Hồng, 24 tuổi, phóng viên của báo Vietnam Investment Review. Cô Hồng là một trong 35 thành viên thuộc 25 quốc gia được tổ chức UNESCO tuyển chọn tham gia chuyến thám hiểm này và đã đặt chân đến Nam Cực ngày 19.1.1997.

- Khoảng 60 xưởng hoá chất và lò nung gạch bị đóng cửa vì vi phạm luật môi trường và 820 hằng khác phải trả tất cả 45 000 đô la tiền phạt vì những phạm pháp tương tự. Ngoài ra 400 công ty khác bị bắt buộc phải làm lại hệ thống thải phế liệu. Trong trên 3100 xưởng bị kiểm soát, 40 xưởng bị bắt buộc phải dời ra khỏi những khu cư ngụ. Tháng giêng vừa qua một công ty Đài Loan phải ngưng thải phế liệu ra vùng khơi Việt Nam. Điều tra cho thấy hằng này đã gây những thiệt hại trầm trọng cho môi trường.

- Hơn 20 bức tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái bị thiêu huỷ khi nhà của cố họa sĩ bị cháy ngày 11.2, vì bị chập dây điện. Cho đến năm 1988 lúc ông mất, căn nhà này được ông dùng làm phòng vẽ, và hiện nay gia đình ông vẫn cư ngụ tại đây.

- “ Tôi đã hết bệnh và sức khoẻ khá lên ”. Đó là thông tin duy nhất về tình hình sức khoẻ của chủ tịch nước Lê Đức Anh được báo chí Việt Nam đưa ra nhân dịp Tết, sau ba tháng im lặng dù nhiều nguồn tin quốc tế đã cho biết ông Anh bị bệnh nặng, có lúc phải đưa sang Singapore chữa chạy (xem DĐ số trước).

- Diễn đàn Á - Âu, tụ họp 10 nước châu Á (7 nước ASEAN, Nhật, Hàn Quốc và Trung Quốc) và 15 nước Liên hiệp châu Âu, để bàn thảo – ở cấp bộ trưởng – về những vấn đề chính trị, đã họp kỳ đầu ở Singapore giữa tháng 2 vừa qua. Những bất đồng về các vấn đề dân chủ, quyền con người, một lần nữa được đưa lên bàn mổ nhưng chưa có hy vọng gì đi tới đồng thuận trong một tương lai gần.

Tamexco : “ phẫn nộ của tảng băng ” ?

Phiên tòa sơ thẩm Thành phố Hồ Chí Minh ngày 1.2 đã tuyên án tử hình 4 phạm nhân chính trong vụ án tham ô ở công ty Tamexco : các ông Phạm Huy Phước (giám đốc Tamexco), Lê Minh Hải (giám đốc công ty Dolphin), Trần Quang Vinh (giám đốc công ty Bình Giả) và Lê Đức Cảnh (trưởng phòng công chứng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Một người khác bị án tù chung thân : ông Lê Văn Phúc, em rể Phạm Huy Phước, giám đốc công ty Minh Hưng. Trong số 15 đồng phạm khác, bốn quan chức cao cấp ngành ngân hàng lãnh án tù 3 đến 14 năm tù về tội “ cố ý làm trái quy định nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng ” là các ông Nguyễn Mạnh Thuý (tổng giám đốc Vietcombank), Nguyễn Văn Dẽ (tổng giám đốc Vietcombank tiếp theo ông Thuý), Nguyễn Duy Lộ (phó tổng giám đốc Vietcombank) và Trần Linh (phó tổng giám đốc ngân hàng First Vinabank). Hai phạm nhân khác bị 3 năm tù về tội... đánh bạc !

Bản án dường như nghiêm khắc, song không che dấu được điều nổi bật của phiên tòa xét xử này là : ngoài trưởng hợp Lê Đức Cảnh, không có quan chức nào, trong hàng mấy trăm người đã nhận hối lộ của Tamexco, bị đưa ra trước vành móng ngựa ... Nhằm trấn an dư luận, công tố viên Trần Kim Tiến đã khẳng định rằng 20 bị cáo nói trên “ chỉ là khúc đuôi, là phần nỗi của tảng băng, và vụ án Tamexco chỉ mới bắt đầu : các cơ quan pháp luật sẽ tiếp tục làm việc để có thể đưa ra ánh sáng những bóng đèn còn lại ”. Tuy nhiên, phiên tòa vừa qua làm cho người ta có thể ngờ vực lời tuyên bố của đại diện viện kiểm sát. Trong các sự kiện báo chí đã được phép ghi lại, có những điều không thể không gây lo ngại.

1) Tamexco là một doanh nghiệp của Ban tài chính quản trị Thành ủy đảng cộng sản uỷ quyền quản lý cho quận uỷ Tân Bình song, như kế toán trưởng Ngô Văn Hổ xác nhận, không có sự kiểm tra nào về kế toán cũng không có duyệt quyết toán – có nghĩa là một cơ sở kinh tài của đảng đứng trên và đứng ngoài luật pháp. Luật sư Đỗ Hữu Cảnh (bào chữa cho ông Nguyễn Duy Lộ) : “ Tại sao Ban tài chính quản trị Thành ủy quản lý một đơn vị lớn như vậy mấy năm liền không quyết toán ? Ban tài chính quản trị có trách nhiệm gì không ? Và pháp luật có quan tâm đến trách nhiệm của cơ quan này không ? ” Viện kiểm sát không trả lời. Luật sư Nguyễn Phương Danh (bào chữa cho ông Phạm Huy Phước) : “ Vụ Tamexco không thể xảy ra được nếu nó không bị đặt trong một môi trường mà sự quản lý về mặt nhà nước bị buông lỏng, sự vô trách nhiệm đạt tới đỉnh cao ”. Lời đáp của viện kiểm sát : “ Luật sư đang bào chữa hay đang kết tội ? Ai đã vô trách nhiệm đến đỉnh cao ? ”. (!)

Đối với các cơ quan chủ quản của Tamexco, bản cáo trạng của viện kiểm sát đề nghị xử lý bằng các hình thức “ kỷ luật đảng ” và “ kỷ luật hành chính ” ... (!). Và trong bản luận tội, Ban tài chính quản trị Thành ủy chỉ bị qui “ trách nhiệm dân sự ”, liên đới với các bị cáo bồi thường 327 tỉ đồng cho các ngân hàng.

2) Tòa án kết tội ông Phạm Huy Phước chiếm đoạt trên 144 tỉ đồng đồng thời gây thiệt hại 144 tỉ đồng (tổng cộng gần 289 tỉ đồng – hơn 26 triệu đôla). Theo luật sư Nguyễn Phương Danh, công tác điều tra đã không đầy đủ khiếu cho không có cơ sở khoa học để kết luận về mức tham ô cũng như thiệt hại. Chẳng hạn, khoản tiền 174 000 đô la mà ông Phạm Huy

Phước khai đã hối lộ cho một số quan chức có địa chỉ chính xác nhưng vì cho rằng không có bằng chứng, cơ quan điều tra đã buộc ông Phước tham ô tất cả khoản tiền này. Kế toán trưởng Ngô Văn Hổ, người được ông Phước giao nhiều nhiệm vụ “ bồi dưỡng ” quan chức ngân hàng, phân trần : “ Tiền hối lộ làm sao có biên nhận, bằng chứng ... ”. Theo những lời khai của ông Phước, tiền Tamexco biếu xén quá cắp và chu cấp cho các chuyến du lịch ở nước ngoài của cán bộ viên chức và nhà báo lên đến hơn 2 triệu đô la.

3) Đối với quan chức ngân hàng, tòa án kết tội ông Nguyễn Văn Dẽ gây thiệt hại 2 triệu đô la, ông Nguyễn Mạnh Thuý 2,9 triệu đô la, ông Nguyễn Duy Lộ 13 triệu đô la, ông Trần Linh 12,5 triệu đô la. Trong khi người cho phép Vietcombank và First Vinabank bảo lãnh Tamexco vay vượt mức qui định và đảo hạn trái phép, là phó thống đốc Ngân hàng nhà nước Chu Văn Nguyễn, được triệu tập đến tòa nhưng không ở trong hàng ngũ bị cáo. Các cơ quan tố tụng cho biết chỉ “ dù thời gian ” truy tố bốn người trên, còn “ chỗ dựa ” của họ là ông Nguyễn thì không !

4) Nguyên phó chủ tịch UBND TP.HCM, bà Lê Thị Vân, cũng được triệu tập đến tòa để giải thích việc bà mua một xe du lịch của Tamexco trị giá hơn 30 000 đô la mà “ không có biên nhận trả tiền ”. Bà Lê Thị Vân : “ Tôi chỉ làm chủ tịch uỷ ban quận (Tân Bình), không có quyền lực gì đối với Tamexco là cơ sở kinh tế của đảng, Phạm Huy Phước không có gì phải hối lộ tôi ”. Bà Vân quên rằng bà cũng là phó bí thư quận uỷ ... Trong khi đó, ông Lê Văn Phúc đã bị tòa kết án tù chung thân vì một số hành vi trong đó cũng có việc mua xe của Tamexco mà không chứng minh được là đã trả tiền. Nhưng đối với ông Phúc, các cơ quan tố tụng cho là tham ô, còn đối với bà Vân thì họ xem là “ quan hệ dân sự ” !

Hai tuần sau phiên tòa, 15 trên số 20 bị cáo, trong đó có 4 người bị tuyên án tử hình, đã chống án, kịp thời hạn luật pháp cho phép. (Tuổi Trẻ 23, 28, 30.1 và 15.2 ; Lao Động 23.1 và 2.2, AFP 17.2)

Vụ án Trần Xuân Hoa : 2 tử hình, 1 chung thân

Hai ngày trước phiên tòa Tamexco, tòa án nhân dân TP HCM đã kết thúc xét xử sơ thẩm “ vụ án Trần Xuân Hoa ”, một vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân và nhà nước lớn nhất cho tới nay, với tổng số tiền lên tới 4,822 triệu đôla, 82,288 tỉ đồng và 852 lượng vàng. Theo bản cáo trạng của viện kiểm sát, một “ thương vụ ” của Trần Xuân Hoa, nguyên giám đốc công ty Quyết Thắng, để lại nhiều nạn nhân nhất là vụ một lô hàng 11 000 tấn phân hoá học Mỹ trị giá gần 2,5 triệu đôla được thế chấp tại ngân hàng Sài Gòn Công thương, song vẫn được bán lại cho nhiều khách hàng khác – với khối lượng tổng cộng 20 000 tấn ! Cả hai tờ báo Tuổi Trẻ 16.1.1997 và Lao Động 18.1.1997 kể lại chuyện này đều không cho biết sự việc đã xảy ra trong thời gian nào, ngoài tin Trần Xuân Hoa đã trốn ra nước ngoài ngày 26.10.1994 !

Can phạm chủ chốt không bị xử vắng mặt, tòa đã tuyên án tử hình đối với 2 đồng phạm chính là các ông Phạm Minh Tổng, thành viên hội đồng quản trị Quyết Thắng, em ruột của Trần Xuân Hoa, và Nguyễn Ngọc Tân, phó giám đốc Công ty Kho vận miền Nam. Một bị cáo khác bị án tù chung thân : ông Phạm Đức Huy, phó giám đốc xí nghiệp dịch vụ vận tải thuộc Công ty Kho vận miền Nam.

Quê hương @ Net

Tạp chí của Uỷ ban về người Việt Nam ở nước ngoài có lẽ là tờ báo đầu tiên ở trong nước được đưa lên “mạng nhện” của Internet (gọi tắt : Net), từ đầu năm nay. Địa chỉ :

<http://home.vnd.net/quehuong/quehuong.html>

Một cỗ găng đắng khích lệ tuy rằng cả về nội dung lẫn hình thức, số báo Xuân Đinh Sửu này chẳng có gì khuyến khích người tờ mờ đi trên Net bỏ thì giờ xem xét kỹ hơn những thông điệp mà nhà nước muốn gửi tới người Việt ở nước ngoài, thông qua tờ báo. Vả chăng, nếu không có cùng những chương trình, phần mềm của người xuất bản, bạn sẽ khó lòng đi xa hơn, dù rất muốn. Chẳng hạn, trên máy (Sun) của kẻ viết tin này, bạn có thể đọc một đề tựa sau đây trên mục lục của số báo :

Vn bññ míi vØ chÝnh s, ch ®èi víi ng-éi ViÓt Nam è n-íc ngoµi

Một đề tựa với hơn chục từ, không đến nỗi khó “giải mã” lắm (*Văn bản mới về chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài*), song ai đủ can đảm để đọc cả bài như thế ? Vấn đề chuẩn hoá các mã dấu tiếng Việt để có thể truyền đi trên hệ thống viễn thông khắp thế giới, cho phép người đọc dùng những máy điện tử với các hệ mềm khác nhau – nhưng cùng tôn trọng chuẩn đó – đều đọc được, thật là một bài toán nan giải ! Trong khi chờ đợi, phải chăng những người xuất bản các trang tiếng Việt trên Net cần chỉ dẫn cho người đọc biết cách để đọc mình !

Về nội dung, ngoài văn bản nói trên, số báo còn gồm Thiếp chúc Tết của Chủ tịch nước Lê Đức Anh, bài phát biểu của bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm tại cuộc gặp mặt với kiều bào nhân dịp Tết Đinh Sửu, các bài về “Một vài thành tựu kinh tế năm 1996”, “Một số chỉ tiêu kinh tế năm 1997”, và ca khúc “Hà Nội mùa xuân” của nhạc sĩ Văn Ký. Ca khúc do ca sĩ Ngọc Ánh (?) trình bày, có thể nghe được nếu bạn có hệ mềm thích ứng (RealAudio Player) trên máy.

Việc đưa tờ **Quê Hương** lên Net có vẻ như nằm trong một kế hoạch vận động mới, nhằm thu hút nhiều hơn những đóng góp của Việt kiều. Phát biểu tại một hội nghị về Khoa học và công nghệ tại Hà Nội ngày 17.2, tổng bí thư Đỗ Mười đã kêu gọi các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài giúp đất nước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế của mình. Trước đó vài ngày, Uỷ ban thường vụ quốc hội đã quyết định bãi bỏ một sắc thuế đánh vào tiền và quà của Việt kiều gửi về cho thân nhân trong nước. Sắc thuế này được thiết lập năm ngoái, đã đẩy các khoản tiền nói trên ra khỏi hệ thống ngân hàng, sang những con đường không chính thức !

Quê Hương dĩ nhiên không phải là tờ báo tiếng Việt đầu tiên được đưa lên mạng Internet. Ở nước ngoài, quen với những công nghệ thông tin hiện đại, nhiều tổ chức Việt kiều đã có địa chỉ điện tử từ nhiều năm nay, và nhiều diễn đàn thảo luận trên lưới về các vấn đề Việt Nam đã ra đời (như

Vnforum, Vietnet – bằng tiếng Anh –...). Ở California, bạn có thể đọc cả một trang Web⁽¹⁾ về phở ! Những tờ báo lớn của người Việt ở Mỹ đã “lên lưới” từ một hai năm nay. Như tờ **Thế Kỷ 21**, với địa chỉ : <http://kicon.com/theky21>. Hoặc tờ **Hợp Lưu**, với địa chỉ : <http://kicon.com/hopluu>. Song, đáng kể hơn cả vẫn là tờ **Văn học Nghệ Thuật e-magazine** (viết tắt : VHNT) , được xuất bản hoàn toàn trên Net, tụ họp khá nhiều cây bút trẻ ở Mỹ và tới cuối năm 1996 đã ra được hơn 250 số. Mới đây một tuyển tập bài của hơn 70 tác giả trên VHNT, mang tên **Văn học Nghệ Thuật liên mạng** vừa được xuất bản trên giấy (dày 350 trang, giá bán 7\$ tại Mỹ và 11\$ ngoài Mỹ).

Văn học Nghệ Thuật e-magazine do nhà văn Phạm Chi Lan làm chủ biên, ghi rõ ngay trên trang đầu là một “*Diễn đàn dành cho văn học nghệ thuật trên mạng thông tin, vì văn học nghệ thuật và chỉ văn học nghệ thuật mà thôi*”. Địa chỉ e-mail : vhnt@saomai.org, và địa chỉ mạng (Web) : <http://demthu.saomai.org/~vhnt>. Tờ báo dùng cách bô dấu “theo lối hoán chuyển Vietnet VIQR của hệ thống VISCII”. Chẳng hạn, bài thơ **Kỷ niệm đàn bà** của Dương Tường (1963), được đăng lại trong số 254 (13.12.96) như sau (trích) :

Ky? nie^m dda`n ba`	(Kỷ niệm đàn bà
Qua? ca` ddo^c du+o+c	Quả cà độc được
Nhi.p ca^u O^ Thu+o+c	Nhip cầu Ô Thuốc
To^i xanh em xanh	Tôi xanh em xanh
Ca'i nho+' cu~ng xanh	Cái nhỏ cũng xanh
Ca'i ho+'n cu~ng xanh	Cái hòn cũng xanh....)

Liệu những diễn đàn như Vnforum, Vietnet, hay VHNT hay vài bản tin chống cộng này lửa truyền trên Net có thể làm rung chuyển chế độ hiện nay ? Những lời tuyên bố của nhiều nhân vật trong chính quyền, những bài báo trên các tờ **Công an**, **Quân đội nhân dân** v.v... hình như muốn làm cho mọi người tin như thế, để dễ bề chấp nhận những hạn chế, cấm đoán sử dụng phương tiện thông tin hiện đại đối với người dân trong nước. Chịu thiệt thòi nhất dĩ nhiên là giới trí thức không được tự do sử dụng nó để tạo và giữ liên hệ với bạn đồng nghiệp trên thế giới, có được những thông tin hiện đại, một cách nhanh và rẻ hơn rất nhiều những con đường khác. Chính sách của chính quyền đối với Internet cũng như các chính sách đối với mọi phương tiện truyền thông khác, mang nặng một nhược điểm cơ bản : lòng nghi kỵ đối với người dân, đặc biệt đối với trí thức, nói chi tới Việt kiều. Rất tiếc, việc đưa tờ **Quê Hương** lên lưới chưa mang lại thông điệp cụ thể nào về một sự giải tỏa lòng nghi kỵ tai hại đó.

H.V.

(1) Web, hay WWW (World Wide Web), dịch nghĩa đen là mạng nhện toàn cầu, là tên gọi của một hệ mềm cơ bản của mạng viễn thông Internet. Khác với các hệ mềm chỉ cho phép nhận và gửi thư điện tử (e-mail), bạn có thể viết một trang Web và để trên máy điện tử của mình, ai muốn đọc chỉ cần nối máy của họ vào mạng, tìm đến địa chỉ mạng của bạn rồi mở ra mà đọc. Một số cơ sở khoa học ở Hà Nội đã được phép có địa chỉ để nhận và gửi e-mail, nhưng họ không được nối vào Internet trong nghĩa hoàn chỉnh, ở chỗ là họ không đọc được các trang Web trên thế giới. Còn dấu @ dùng trên tựa đề bài này là một ký hiệu dùng trong các địa chỉ điện tử.

Ông già, tro bụi...

(tiếp theo trang 1)

chủ mà củng cố quyền lực, và cũng chính ông Đặng đã đàn áp phong trào đó (Nguy Kinh Sinh nay vẫn ở trong tù). Đó là không nói tới vai trò trực tiếp của ông trong đợt đàn áp Trăm hoa năm 1957 (cho dù lúc đó, ông thừa lệnh họ Mao).

Nhắm mắt lại, họ Đặng có thể hài lòng là đã thành công hơn chủ tịch Mao về nhiều mặt. Hài lòng mà không thỏa mãn, vì chưa kể tới Đài Loan, *giấc mộng con* của ông là “*ngày 1.7.1997, tôi Hồng Kông, dù phải ngồi trong xe lăn bánh, để ôm hôn mảnh đất của Tổ quốc*” đã không thực hiện được. Hồng Kông chưa trở về chủ quyền của Trung Quốc, nhưng lời cam kết của ông Đặng khi ký hiệp nghị với bà Thatcher “*một nước, hai hệ thống*” đã bị Bắc Kinh bội ước ngay từ khi ông còn sống : hội đồng dân cử đầu tiên của Hồng Kông đã bị họ thay thế, báo hiệu những sự không chế khác về các quyền tự do dân chủ.

Cái quan định luận. Ông Đặng chết rồi, người ta có thể đánh giá công tội của ông một cách khách quan. Song, đó trước hết là công việc của người Trung Quốc.

Ở đây và bây giờ, chỉ xin đứng từ giác độ Việt Nam, và rộng hơn, Đông Nam Á, để nhìn lại con người vừa dời khỏi chính trường Bắc Kinh.

Khách quan mà nói, đối với Việt Nam, cái nhìn, chủ trương và hành động của Đặng Tiểu Bình là trung thành kế tục quan điểm của Mao Trạch Đông.

Trong thập niên 60, trước khi bị thất sủng trong “*dại cách mạng văn hóa vô sản*” ông Đặng, ở cương vị tổng bí thư Đảng cộng sản Trung Quốc, đã thi hành chính sách “*dánh Mỹ tới người Việt Nam cuối cùng*”. Cùng năm 1965, khi Mao bắn tiếng cho tổng thống Johnson (qua miệng nhà báo Edgar Snow) là “*người không dụng tới ta, ta không dụng tới người*” thì ông Đặng đề nghị 1,5 tỷ đô la viện trợ cho Việt Nam dân chủ cộng hòa ngay khi kháng chiến Việt Nam khốc từ mọi sự chi viện của Liên Xô. Nếu như năm 1972, ông Đặng hoàn toàn không có trách nhiệm trong cái bắt tay “*dài nhất lịch sử*” giữa Mao và Nixon (lúc đó ông đang phải *lao cải* trong một nhà trường 7.5), thì bảy năm sau, ông đã vượt cả Mao trong cuộc Mỹ du tháng 1.79 — cố vấn Z. Brzezinski của tổng thống Carter kể lại trong hồi ký rằng : « *Cuộc thảo luận của Đặng với chúng tôi về kế hoạch hành quân của Trung Quốc chống Việt Nam (...) là một sự biểu lộ về quyền* »

Tin buồn

Chúng tôi được tin :

– Bà quả phụ Vũ Văn Huyền, nhũ danh Nguyễn Thị Thuận, đã tạ thế tại Palaiseau (Pháp) ngày 13.2.97, thọ 83 tuổi.

Diễn đàn xin thành thực chia buồn cùng các bạn Vũ Hải Long, Vũ Hải Hồng và toàn thể tang quyến.

– Nghệ sĩ Hữu Phước đã từ trần ngày 21.2.97 tại Lognes (Pháp) sau một cơn trọng bệnh.

Diễn đàn xin thành thực chia buồn cùng Hương Thanh và toàn thể tang quyến.

lực chính trị trần trụi nhất mà tôi được chứng kiến trong suốt bốn năm ở Bạch cung”. Sự liên tục Mao-Đặng được thể hiện nhất quán trong việc sử dụng Pol Pot và chính sách đối với Việt Nam : khi hữu hảo cùng cực cũng như lúc giao tranh quyết liệt, hay trong thời kỳ bình thường hoá và hợp tác có mức độ như hiện nay, đều nhằm mục đích chế ngự Việt Nam, bành trướng xuống Đông Nam Á.

Do một sự tình cờ, người trẻ tuổi nhất trong Ban thường vụ và Bộ chính trị Trung ương DCSVN, ông Nguyễn Tấn Dũng, tới thăm Bắc Kinh một ngày trước khi ông Đặng từ trần, hội đàm với đồng sự trẻ tuổi Hu Jintao (Hồ Cẩm Đào ?) nhiều buổi, và gặp chủ tịch Giang Trạch Dân một ngày sau khi ông Đặng lìa đời. Đằng sau sự giao hảo ấy, là một sự đe dặt thận trọng. Như báo chí quốc tế nhận xét, bức điện chia buồn ký tên 4 nhà lãnh đạo đảng và chính quyền Việt Nam là chỉ vừa vắn矮 lể, tương phản với nội dung nồng thắm trong bức điện của thủ tướng Thái Lan. Song nói chung, phản ứng của các nước Đông Nam Á là kính nhoi viễn chi.

Cũng như các nhà Trung Quốc học, có lẽ các nhà lãnh đạo quốc gia ở Đông Nam Á đều không chờ đợi sẽ có những cuộc đảo lộn lớn ở Bắc Kinh, ít nhất trong tương lai trước mắt. Nhưng vốn đã quan tâm về mối nguy mà Trung Quốc luôn luôn đặt ra cho khu vực này, họ không thể không quan ngại trước mọi động thái ở Trung Nam Hải. Bởi vì, nước Trung Hoa của thời kỳ sau Đặng đang thai nghén những mâu thuẫn lớn, ngoài những tranh giành quyền bính ở chóp bu : mâu thuẫn giữa những tỉnh duyên hải và một vài thành phố nội địa, phát triển nhanh, với số đông các tỉnh khác, lạc hậu và khó có triển vọng phát triển ; sự chênh lệch có xu hướng ngày càng sâu xa giữa các thành thị và nông thôn (mấy năm qua, nhiều cuộc biểu tình và đấu tranh của nông dân đã liên tiếp nổ ra, media phương Tây không nói tới, nhưng giới Trung quốc học theo dõi khá sát) ; nghiêm trọng hơn, là mâu thuẫn giữa nhà nước trung ương Hán tộc và các dân tộc tuy gọi là thiểu số, song vẫn là đa số ở các tỉnh biên cương (đặc biệt là vụ xung đột đẫm máu vừa qua ở Tân Cương).

Đạt Lai Lạt Ma có đủ an nhiên (và hóm hỉnh) để chúc lành cho ông Đặng Tiểu Bình đầu thai kiếp sau được nhiều quả phúc. Các nhà lãnh đạo Đông Nam Á phải lo nhiều việc trần thế hơn, tất phải chuẩn bị mọi khả năng. Một nước Trung Hoa ổn định và mạnh lên vẫn sẽ không từ bỏ giấc mơ không chế Biển Nam. Một nước Trung Hoa chia năm sẻ bảy, thì tướng quân nào muôn bá chủ tất cũng sẽ giương cao ngọn cờ bành trướng để thu phục nhân tâm. Đằng nào, thì Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam không may lại nằm ở vị trí sát đất sát biển, cũng phải xử lý mối hiểm họa trong một cảnh quan quốc tế phức tạp. Bất luận thế nào, mọi đối sách của Đông Nam Á tất phải dựa trên sự hợp tác, cùng phát triển, và một chính sách ngoại giao đa phương, đa dạng.

Sau lễ hỏa táng, bình tro của ông Đặng sẽ được mang ra biển để gửi sóng nước đại dương. Di chúc ông Đặng nói rõ : vùng biển Trung Quốc. Có người cho rằng tro bụi của ông sẽ được rải ngoài khơi Hồng Kông. Có lạc quan quá không, khi chúng ta biết rằng trong não trạng của ông và những người kế tục, lãnh hải Trung Quốc lan rộng đến sát bờ biển Philipin, Indonesia, Brunei và Việt Nam ?

Phong Quang

Lá thư đầu năm

La Văn Lâm

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 1 năm 1997

Kính gửi các nhà nghiên cứu thuộc Trung tâm
Khoa học Xã hội và Nhân văn

Nhân dịp Năm Mới, tôi gửi lời chào kính trọng đến quý ông và cho phép tôi nêu một số ý để cùng nhau trao đổi nhằm tìm ra con đường sáng cho công cuộc đổi mới xây dựng **dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.**

1. Qua hơn nửa thế kỷ tôi theo đảng mácxít, sau thành công to lớn trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, sau nhiều thất bại trong xây dựng kinh tế suốt nhiều thập kỷ, sau mấy năm đổi mới trong kinh tế thị trường với cái quốc nạn tham nhũng ngày càng phát triển, tôi có suy nghĩ về CHỦ NGHĨA MÁC. Học thuyết mácxít là sản phẩm của giữa thế kỷ XIX. K. Marx (1818-1883) cùng F. Engels (1820-1895) đã chứng kiến cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất xảy ra ở nước Anh (1760-1820) với than đá làm năng lượng đã biến nước này thành cường quốc kinh tế số 1 của thế giới vào cuối thế kỷ XIX.

Đặc điểm của thời kỳ ra đời học thuyết Mác là : (a) chủ nghĩa tư bản đã tích luỹ của cải ban đầu một cách tàn ác tại nước Anh ; (b) sự nghèo đói gắn liền với công nghiệp hoá ồ ạt tạo ra cảnh bóc lột tàn nhẫn cả ở nông thôn lẫn thành thị làm cho Marx thấy chỉ có lối ra duy nhất cho loài người là “ *Vô sản toàn thế giới, liên hiệp lại !* ”.

Từ đó Marx đề ra : động lực của lịch sử loài người là *đấu tranh giai cấp* và *giai cấp vô sản*, nếu được tổ chức trên bình diện quốc tế, nhất định sẽ làm chủ những tư liệu sản xuất và trao đổi để thực hiện một xã hội cộng sản. Từ đó giai cấp vô sản phải giành được chính quyền và giữ chính quyền bằng *chuyên chính vô sản*.

Nhân quan của Marx bị hạn chế trong điều kiện chủ nghĩa tư bản ở Anh mới phát triển, còn thô thiển. Marx thấy giai cấp vô sản chỉ còn con đường bạo lực cách mạng, được thì được tất cả, mất thì chỉ mất xiềng xích (...).

Có thể nói chủ nghĩa Mác đã làm kinh thiên động địa cả loài người trên hành tinh này gần suốt thế kỷ XX.

Theo tôi, nếu sau khi có được chính quyền, các nước xã hội chủ nghĩa điều hành đất nước mình một cách *dân chủ*, không dùng chuyên chính vô sản một cách độc ác, thì không có sự tan rã hệ thống xã hội chủ nghĩa như hiện nay. Tôi nghĩ thêm : chuẩn bị vào thế kỷ XXI, các nước đang quá nhiều khó khăn về kinh tế và tài chính, cần phải dân chủ hoá đời sống kinh tế, chính trị xã hội mới mong thoát khỏi khủng hoảng nặng nề hiện nay.

2. Đối với nước Việt Nam ta, tôi càng thấm thía về hai vấn đề :

a/ Trở về *dân tộc*. Suốt mấy chục năm, ta cứ châm bẩm : đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản, kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã làm nòng cốt (trong điều kiện lực lượng sản xuất gần như lạc hậu ở thời kỳ phong kiến hay tiền tư bản chủ nghĩa...).

Thời kỳ dài qua, ai động tới chủ nghĩa Mác Lê-nin, ai đòi xem lại chủ nghĩa xã hội là cái gì ra sao để định hướng đúng hơn, tức thì bị đập, thậm chí bị bỏ tù, có trường hợp bị ám sát. Nay giờ phải bớt nghĩ theo kiểu cũ : giải phóng giai cấp, giải phóng loài người trong đó có dân tộc.

Nay cần nghĩ lại : cái gì có lợi cho dân tộc, cho dân cho nước, thí dụ *kinh tế thị trường*, tự do sản xuất, kinh doanh, làm giàu trong vòng pháp luật cho phép, cái đó là đúng và cần phải làm.

Mà muốn làm tốt, phải triệt để

b) DÂN CHỦ. Triết lý dân chủ và dân chủ thực sự chứ không được dân chủ hình thức, không được dùng từ “ dân chủ có lãnh đạo ” để bóp méo dân chủ. (...) Nay nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước, nhất là trên lãnh vực kinh tế, vô cùng phức tạp. Cần phải có trí tuệ của toàn dân, nhất là những người trí thức. Thế mà đảng ta lại trù dập những người trí thức chân chính. Tôi bỏ qua những sai lầm trong chấn chỉnh tổ chức, chính phong, chính đảng thời kỳ còn kháng chiến, cải cách ruộng đất, Nhân văn Giai phẩm, vụ án “ xét lại chống đảng ”, cải tạo không đúng đắn trong nông nghiệp, trong công thương nghiệp ở cả hai miền ; tôi chỉ nhắc lại mấy vụ bắt giam đây các anh Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, Hà Sĩ Phu, Hồng Hà, Nguyễn Kiến Giang. Tôi cho là đảng làm sai, dựa vào chuyện vật mà khùng bố đồng chí rất tốt của mình. Tôi nghĩ các đồng chí này chủ yếu là muốn góp ý cho đảng trong việc : trở về với dân tộc trên cơ sở triệt để dân chủ (...).

Tôi muốn đề cập hôm nay vấn đề nóng bỏng của cả dân tộc : *quốc nạn tham nhũng*. Hồi ai tham nhũng ? Phải nói đó là những người có chức có quyền. Mà ai mới có chức có quyền ? Phải nói gần 100 % là những người đảng viên ĐCSVN. Tôi gởi Trung tâm bản sao thơ tôi ngày 5.11.96 đã gửi ông Chủ tịch Quốc hội và ông Thủ tướng về vấn đề chống tham nhũng⁽¹⁾.

Tôi mong quý vị tiếp sức với Quốc hội và Chính phủ bằng cách trao đổi nội dung thơ của tôi.

La Văn Lâm (*)

(1) Trong thư này, tác giả nêu 3 “ cực ” tham nhũng : *các ngân hàng quốc doanh*, *các xí nghiệp quốc doanh*, và *chính quyền các cấp*, nên “ phải đổi mới về chính trị để xây dựng một Nhà nước Pháp quyền đúng theo chuẩn mực một nước dân chủ ”.

(*) Tức La Văn Liêm (Liêm là chữ Lâm phát âm theo tiếng Triều Châu), sinh năm 1909 tại Bạc Liêu, kỹ sư kinh tế về hưu. Nguyên chỉ huy trưởng các lực lượng Công an Xung phong Sài-gòn Chợ-lớn (hồi đánh Pháp), chỉ huy trưởng các lực lượng trinh sát vũ trang an ninh T4 (Đặc khu Sài-gòn, hồi đánh Mỹ), phân viện trưởng (Miền Nam) Viện nghiên cứu kinh tế tiền tệ thuộc Ngân hàng nhà nước trung ương (75-81).

Tiếng Pháp ở Việt Nam : ảo tưởng và triển vọng

Nguyễn Khắc Viện

LTS. Dưới đây là bản dịch bài tham luận của bác sĩ Nguyễn Khắc Viện đã được đọc trong cuộc hội thảo 11&12-1-1997 do Hội Hữu nghị Pháp-Việt tổ chức tại Paris, chuẩn bị cuộc họp tối cao những nước sử dụng tiếng Pháp sẽ họp trung tuần tháng 11 tại Hà Nội. Tác giả viết bài này từ tháng 9, trước khi sức khoẻ của ông suy yếu hẳn đi. Nhân dịp đầu năm, cùng với bạn bè trên thế giới, chúng tôi gửi tới ông những tình cảm chân thành nhất.

Nghĩ rằng đông đảo người Việt Nam sẽ học tiếng Pháp và ngôn ngữ này sẽ trở thành phương tiện truyền thông quốc tế đặc biệt quan trọng ở Việt Nam là cả một ảo tưởng. Hiện nay, trong các lãnh vực du lịch, thương mại, ngoại giao, kĩ thuật tiên tiến, tiếng Anh chiếm ưu thế tuyệt đối và là môn học được dạy gần như bắt buộc. Trong vài năm nữa, ngôn ngữ duy nhất có thể tranh chỗ đứng hàng đầu với tiếng Anh sẽ là tiếng Trung Quốc. Phần lớn số học sinh tiểu học hiện được người ta tìm cách nhét vào não những kiến thức sơ đẳng về tiếng Pháp sẽ thôi học thứ tiếng này. Tiếng Pháp sẽ chỉ còn được dùng ở mức độ đại học trong một vài bộ môn nhờ sự đầu tư đáng kể của vài xí nghiệp lớn của Pháp : quản lý kinh tế, y khoa...

Tương lai tiếng Pháp ở Việt Nam hoàn toàn mù mịt, nên chỉ có những người tiếc nuối quá khứ hay những học giả uyên bác, cắt đứt với thực tế lịch sử mới ra công xét đến triển vọng nào đó của tiếng Pháp. Nhưng chúng ta có thể lạc quan hơn nếu chúng ta biết vượt lên trên những quyền lợi kinh tế hay địa lý - chính trị. Cho phép tôi được khẳng định lại ở đây ý kiến mà tôi đã phát biểu ở sú quán Pháp tại Hà Nội trong dịp nhận Giải Thưởng Lớn của Cộng đồng nói tiếng Pháp :

« Tự chúng sự phát triển các trao đổi thương mại cũng như sự phát triển của du lịch không đủ để bảo đảm cho sự xuất hiện của một kỷ nguyên thông cảm... hiểu biết nhau giữa các dân tộc và các nước. Các trao đổi kinh tế chỉ tạo ra những tiền đề ; chỉ có sự thâm nhập lẫn nhau đích thực về văn hoá mới cho phép xây dựng những nền tảng bền vững. Bởi vì chỉ có các sản phẩm văn hoá mới mang dấu hiệu của sự đặc thù không thể thay thế được của một dân tộc. Khi tôi dùng một máy điện toán hiện đại nhất hay một chiếc xe ô tô đẹp, tôi không cần biết chúng là của Pháp hay của Nhật, vì các sản phẩm kỹ thuật này phải nói là có tính liên quốc gia như các xí nghiệp sản xuất ra chúng và nhờ thế trở thành hùng cường và thu lợi nhuận.

« Nhưng khi một người Việt Nam thưởng thức tập thơ Fleurs du Mal, đắm say trước một bức tranh của Gauguin, đam mê những tác phẩm của Marcel Proust, chính nước Pháp đã hiện diện trong đó, với những thị hiếu và những màu sắc, với quá khứ và những triết vọng của mình, chính nhân dân Pháp đã hiện ra trong đó với cảm tính và thiên tài của mình. Không phải ước thuộc địa, cũng không phải sự cạnh tranh và sự chạy đua theo lợi nhuận can thiệp vào quan hệ giữa hai dân tộc, mà chính là sự truyền thông do các tác phẩm lớn tạo ra mà không gặp một trở ngại nào.

« Các tác phẩm đẹp và các ý tưởng lớn ».

Các kiệt tác văn học, các ý tưởng độc đáo chứa đựng trong các lý thuyết, các công trình về khoa học xã hội đều mang tính đặc thù dân tộc, và một khi được truyền bá vào trong một nước khác, sẽ từ từ hội nhập vào nền văn hoá của nước đó, tạo ra những ràng buộc bền vững giữa hai dân tộc. Vài người nghĩ rằng có thể đào tạo hàng chục nghìn người Việt Nam có khả năng đọc trực tiếp những kiệt tác văn học và khoa học xã hội của Pháp. Nhưng tôi xin đặt câu hỏi đơn giản này : bao nhiêu người Pháp đọc được nguyên tác của Dostoevsky hay Vygotski ? Tôi không nói đến những tác phẩm của Trung Quốc hay Nhật Bản.

« Đừng tưởng rằng đa số người Việt Nam lãnh hội trực tiếp được các sách Pháp. Việc dịch tất cả những tác phẩm này sang tiếng Việt là vô cùng cần thiết như là sự trung gian không thể thiếu được. Nếu tiểu thuyết Việt Nam, thơ Việt Nam, tư tưởng lịch sử hay triết học Việt Nam đã tìm được nguồn cảm hứng mới qua tiếp xúc với văn hoá Pháp và thế giới, chính là nhờ sự lao động âm thầm, nhẫn耐 của những nhà dịch thuật dam mê, đúng là những học giả uyên bác không những đã tích luỹ được những hiểu biết sâu sắc về tiếng Pháp mà còn có khả năng sử dụng điêu luyện tiếng Việt. Các tác phẩm của Balzac, Victor Hugo, Baudelaire, Verlaine được dịch một cách xuất sắc, được tái bản nhiều lần, sẽ trở thành bộ phận gắn chặt với nền tảng văn hoá Việt Nam, trong khi đó cây cầu Long Biên chắc chắn ít lâu nữa sẽ thành một đống sắt vụn ».

Trong bức tranh nói trên còn thiếu những bản dịch tốt tác phẩm của Durkheim, Henri Wallon, Marcel Mauss, Pierre Bourdieu, Françoise Dolto nếu chỉ liệt kê những tác giả nổi tiếng nhất. Nhiều lý do cắt nghĩa sự thiếu sót quan trọng này. Nếu những bản dịch tốt tác phẩm văn học có nhiều độc giả, thì ngược lại những sách về khoa học xã hội rất khó bán nên không nhà xuất bản nào chịu in và vì vậy không trả công được cho người dịch. Hơn nữa, dịch loại sách sau rất khó vì ngôn ngữ được dùng trong khoa học nhân văn chứa đầy những thuật ngữ, những ám chỉ lịch sử, văn học, tôn giáo và ngay cả về thời sự chính trị quốc gia, vì nó nỗ lực gắn chặt với thực tế đầy những nhấp nhằng, lưỡng trì (*ambivalences*), mâu thuẫn. Trước hết, cần phải hiểu tác phẩm, nắm bắt được hết những sắc thái, những tinh túng của một ngôn ngữ tinh vi, của một thuật ngữ trừu tượng thường chứa đầy những từ mới, ngay cả những từ phản quy tắc (*barbarismes*).

Sau đó còn phải viết lại hay trình bày lại bằng tiếng Việt, một ngôn ngữ rất khác tiếng Pháp, một ngôn ngữ thuộc nền văn hoá cổ xưa, phong phú và tinh vi, với vốn văn hoá dân

gian và nhiều tầng trầm tích do nhiều chủ thuyết khác nhau đã lắng xuống : Khổng giáo, Phật giáo, Thiên chúa giáo, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa Mác..., tình trạng đó làm cho một dịch giả có lương tâm có thể mất nhiều ngày (và nhiều đêm thức trắng) để tìm cách dịch một từ hay một thành ngữ dù chỉ đọc đáo chút ít. Riêng tôi, tôi thích viết thẳng bằng tiếng Việt hay tiếng Pháp hơn là dịch.

Nếu một dịch giả tìm cách tránh né khó khăn, văn bản có thể bị cắt xén, đầy những từ, những câu phản nghĩa và vô nghĩa. Một cuộc gặp gỡ Pháp-Việt có thể đơn thuần trở nên một cuộc đối thoại giữa những người diếc. Nếu không có những nhà dịch thuật có chất lượng cao, các sách và tạp chí do bạn bè gửi rất tốn kém từ Pháp sẽ mục nát trong các thư viện hay chỉ được đôi ba người đọc.

Từ ngày thành lập (1989), Trung tâm nghiên cứu tâm lý, cũng gọi là Tổ chức N-T, đã đào tạo được một đội ngũ gồm chừng mươi người dịch tiếng Pháp chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm nhờ nhiều năm sử dụng tiếng Pháp (ít nhất hai mươi năm), viết và nói rất thông thạo tiếng Việt, nhằm soạn thảo, dịch một số sách và văn bản tiếng Pháp về tâm lý học, tâm thần học, nhân loại học. Kết quả là Trung tâm đã xuất bản được một số từ điển, giáo trình, chuyên khảo, thông báo, giúp cho các sinh viên và các nhà nghiên cứu làm quen với các công trình của các tác giả Pháp và nhờ thế học thêm về tâm lý học, tâm thần học thông qua tiếng Việt. Cho đến hiện nay, chưa có một phân khoa đại học hay một viện nghiên cứu nào tập hợp được một đội ngũ như thế hay làm được những công việc tương tự. Bởi vì cần có được những người có trình độ cao và nhất là hiểu rõ ý nghĩa của công việc nên chịu nhận những món tiền thù lao khiêm tốn cho một việc làm có chất lượng hay chấp nhận tu nghiệp thường xuyên. Tóm lại họ lao động kiên nhẫn và công phu vô cùng ; họ đúng là những con chim lạ trong thời buổi kinh tế thị trường.

Một câu hỏi ám ảnh tôi hoài : những con chim lạ này, hầu hết đã trên dưới bảy mươi, liệu có còn đủ thì giờ để hoàn thành, từ đây đến vài năm nữa, một công trình có chất lượng nhằm làm bàn đạp cho các thế hệ sau và đào tạo được một số người trẻ có khả năng tiếp tục công việc của họ. Hay phải chăng họ sẽ biến mất đi, vĩnh viễn, như những vật hoá thạch của một thời đã qua, vì tiếng Pháp đã bị xếp xuống hạng những kỷ niệm lịch sử ?

Chúng tôi lạc quan vì, dù đã làm việc với những phương tiện khiêm tốn và giữa sự thờ ơ của mọi người, chúng tôi đã đóng được vai trò của những người mở đường, đạt đến những kết quả được các nhân vật và tổ chức có thẩm quyền đánh giá cao và đã thu hút được một số người trẻ đã không nản lòng trước viễn tượng phải học tập chuyên cần trong ít ra hai mươi năm để trở thành những người dịch có chất lượng về khoa học xã hội, mặc dù họ biết rõ mươi mươi là không thể dành được phú quý bằng con đường này.

Tuy nhiên *last but not the least* (xin lại phải dùng thành ngữ tiếng Anh này) xin cho phép tôi đưa ra nhận xét sau đây.

Tôi là người niên trưởng của nhóm nhưng cũng là người chạy tiên tích cực nhất. Tôi có sứ mạng tìm cho ra mỗi năm

50.000 quan Pháp để bộ máy có thể chạy đều. Cho đến hôm nay, tôi đã xoay sở được dù phải tham gia tích cực vào các sinh hoạt ngôn ngữ học của nhóm. Với tuổi tác, càng ngày tôi càng thấy khó đảm đương hai nhiệm vụ trên.

Thế mà sinh hoạt của N-T mỗi năm lại phát triển thêm, nên rất khó tìm ra cho đủ tiền trang trải mọi chi phí : tiền mua giấy, tiền in mỗi ngày một cao, tiền thù lao cho những người biên soạn, dịch thuật, tiền học bổng cho những người trẻ trỏ nên không đáng kể do lạm phát.

Liệu N-T có tìm ra đủ bạn bè ủng hộ tài chính cần thiết ?

Với những dữ kiện đã nêu ra trên đây, chúng tôi đã thử phác họa triển vọng của tiếng Pháp ở Việt Nam vào cuối thế kỷ này.

1. Tiếng Pháp chủ yếu sẽ không phải là một ngôn ngữ giao lưu quốc tế trong các sinh hoạt du lịch, thương mại, ngay cả ngoại giao, nhưng là một công cụ trao đổi văn hoá, cảm thông văn hoá giữa nhân dân Việt Nam và những người nói tiếng Pháp ở các nước khác.

2. Về các lĩnh vực kỹ thuật, tiếng Pháp sẽ được một thiểu số người trong một vài ngành như y-sinh học, nông học, truyền thông... sử dụng ; về kinh tế, sẽ còn có một vài hòn đảo nhỏ nhờ sự đầu tư đáng kể của một số công ty lớn của Pháp. Trong tất cả các lĩnh vực này, cạnh tranh với tiếng Anh là một thách đố đầy khó khăn. Dầu sao đi nữa thì việc sử dụng tiếng Pháp cũng sẽ không có tác động sâu xa và bền vững trên văn hoá Việt Nam, và do đó nước Pháp sẽ ít hiện diện ở Việt Nam.

3. Để cho sự hiện diện của Pháp ở Việt Nam cũng như sự hiện diện của Việt Nam trong các nước nói tiếng Pháp — sự hiện diện hoàn toàn không có ý định lấy dân tộc nào làm trung tâm — được thực sự sâu sắc và bền vững, cần phải hình thành những đội ngũ người dịch có chất lượng cao về khoa học nhân văn và văn học.

Trong năm có tổ chức Hội nghị thượng đỉnh Cộng đồng nói tiếng Pháp, chắc chắn sẽ có nhiều bài diễn văn lớn, nhiều cuộc tiếp tân sang trọng, nhiều cuộc triển lãm nghệ thuật độc đáo, hàng mấy trăm học bổng được cấp trong một số khu vực. Phải chăng ta có thể hy vọng rằng các vị trách nhiệm chính phủ cũng như các tổ chức phi chính phủ tham gia Hội nghị sẽ đề ra một chính sách quan trọng về việc đào tạo những nhà dịch thuật có chất lượng cao ?

Trên cơ sở của một sự tuyển chọn gắt gao, của một chương trình dài hạn, ta có thể dự kiến một dự án như thế sẽ thành công mà không quá tốn kém về tài chính : chắc chắn sẽ ít tốn hơn những chi phí cho một văn phòng phối hợp hay những chuyến đi về giữa Pháp và Việt Nam của nhiều phái đoàn với những mục tiêu không được định rõ hay nhiều cuộc hội thảo sẽ không để lại một dấu vết nào.

Phải chăng ta có thể hy vọng là người ta sẽ không để cho các nhà dịch thuật tì mỉ công phu của chúng ta sống hoài bằng hy vọng và nước lũ.

Hà Nội 9-1996
Nguyễn Khắc Việt

EURO : **TIỀN TỆ DUY NHẤT, TƯ DUY ĐỘC NHẤT**

LTS : Cách đây đúng một năm, trong không gian công cộng ở Pháp đã xuất hiện “*Lời kêu gọi của các nhà kinh tế nhằm thoát ra khỏi tư duy độc nhất*”. Đến nay, lời kêu gọi đã thu thập chữ ký của hơn ba trăm nhà kinh tế Pháp. Chủ tịch của phong trào “chống lại tư duy độc nhất” này là một nhà kinh tế trẻ tuổi gốc Việt, Hoàng Ngọc Liêm, giảng dạy và nghiên cứu tại trường đại học Paris I. Tác giả của quyển sách *Salaire et Emploi. Une critique de la pensée unique* (*Tiền công và nhân dụng. Một phê phán tư duy độc nhất*, Nxb Syros, Paris 1996) và đồng tác giả của tài liệu *Cinq leviers pour l'emploi* (*Năm đòn bẩy nhân dụng*, Đặc san *Scénarios de la mondialisation*, Le Monde Diplomatique tháng 11.1996), anh đã nhận trả lời phỏng vấn của Diễn Đàn về một chủ đề thời sự của châu Âu : tiền tệ duy nhất và tư duy độc nhất. Riêng các chú thích là của tòa soạn.

ĐĐ : Sau khi các nước trong Liên hiệp châu Âu ký kết với nhau hiệp định ẩn định Dublin cuối năm 1996 vừa qua, quá trình tiến tới một tiền tệ duy nhất dường như không có thể đảo ngược : theo dự kiến, đồng Euro sẽ bắt đầu vận hành ngày 1.1.1999. Châu Âu có thể chờ đợi gì từ công cuộc thống nhất tiền tệ đang được thực hiện theo những tiêu chuẩn của hiệp ước Maastricht ?

HNL : Xây dựng cộng đồng các nước châu Âu (1), lẽ ra, là để có thể phối hợp chính sách kinh tế của các nước thành viên nhằm khởi động lại tăng trưởng và nhân dụng. Chí ít, đó

là cách nhìn của những nước châu Âu phía Nam — trong đó có Pháp — vào đầu những năm 80. Lúc ấy, mọi chính sách tái khởi động kinh tế thông qua cầu (*demande*) tiến hành chỉ trong một nước đều vấp phải khung cảnh quốc tế hoá trong đó những nước khác đã chọn lựa tiến hành một chính sách thắt lưng buộc bụng theo quan điểm kinh tế chính thống của chủ nghĩa tự do (2). Và trong những điều kiện đó, hiệu ứng của chính sách tái khởi động tiến hành chỉ trong một nước là đào sâu thâm hụt về ngân sách nhà nước và về cán cân ngoại thương của nước đó. Xây dựng một cộng đồng châu Âu chính là tạo điều kiện chuyển hóa chính sách kinh tế của các nước

(1) **Cộng đồng châu Âu.** Quá trình hội nhập của các nước Tây Âu khởi đi từ Hiệp ước Roma 1957 thiết lập Cộng đồng kinh tế châu Âu (*Communauté économique européenne*) nhằm xây dựng một “thị trường chung” thực hiện tự do lưu thông cho hàng hoá (bãi bỏ hàng rào thuế quan giữa các nước thành viên). Tiếp theo đó là Định ước duy nhất châu Âu 1986 (*Acte unique européen*) nhằm xây dựng một “thị trường duy nhất” trong đó không những hàng hoá mà cả dịch vụ, vốn và con người được chuyển dịch tự do (bãi bỏ những biên giới nội bộ giữa các nước thành viên). Từ năm 1992, với hiệp ước Maastricht, Cộng đồng châu Âu trở thành Liên hiệp châu Âu (*Union européenne*) xây dựng trên nền tảng của một tiền tệ duy nhất (đồng Euro).

Khởi đầu năm 1957 với sáu thành viên (Pháp, Đức, Ý, Bỉ, Hà Lan, Luxembourg), năm 1986 Cộng đồng châu Âu gồm 12 nước (thêm Anh, Irlande, Đan Mạch, Hy Lạp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha) và từ đầu năm 1995 đã đón nhận 3 thành viên mới (Áo, Phần Lan, Thụy Điển). Trên cơ sở số liệu năm 1994, 15 nước Liên hiệp châu Âu tập hợp 375 triệu dân có mức tổng sản lượng quốc nội (GDP) tính theo đầu người, với phương pháp so sánh sức mua (PPP), là 16 ngàn đô la (Hoa Kỳ : 261 triệu dân, 23 ngàn đô la/người).

(2) **Chủ nghĩa tự do** (*libéralisme*). Triết lý xã hội hình thành vào cuối thế kỷ thứ 17 ở châu Âu nhằm phản ứng lại chế độ nhà nước chuyên chế. Nó khẳng định nền tảng tự nhiên của mọi xã hội là tự do cá nhân, quyền tự chủ của con

người cá thể. Song cần phân biệt chủ nghĩa tự do trong lĩnh vực chính trị và trong lĩnh vực kinh tế. Học thuyết tự do chính trị dựa trên cơ sở nhà nước thừa nhận các quyền tự do chính trị của công dân (quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cư trú và di lại, tự do ngôn luận và báo chí, tự do hội họp và lập hội, tự do bầu cử và ứng cử...), và đặt vấn đề thiết lập một nhà nước pháp quyền, tôn trọng dân chủ và tính đa nguyên trong xã hội. Học thuyết tự do kinh tế dựa trên cơ sở nhà nước thừa nhận các quyền tự do kinh tế của người dân (quyền tư hữu, tự do hợp đồng, tự do kinh doanh, tự do lao động, tự do cạnh tranh...), và đặt vấn đề thiết lập một thị trường tự do, có khả năng tự điều tiết và cân bằng các lợi ích cá thể.

Điều cần nhận xét là chủ nghĩa tự do chính trị và chủ nghĩa tự do kinh tế không nhất thiết trùng hợp hoặc ăn khớp với nhau : thực tế cho thấy có những chế độ chính trị chuyên chế vận dụng những chính sách kinh tế tự do chủ nghĩa ; và ngược lại, có những chế độ dân chủ tự do đa nguyên từ chối phô thắc nền kinh tế cho thị trường tự do điều tiết. Cũng do tính hai mặt này của chủ nghĩa tự do mà tính từ “*liberal*” không mang cùng ý nghĩa ở hai bên Bắc Đại tây dương : ở Hoa Kỳ, từ “*liberal*” thường chỉ những người có lập trường chính trị thiên tả, bênh vực tính đa nguyên trong tự do dân chủ ; trong khi ở Pháp, từ “*libéral*” thường chỉ những người có lập trường chính trị thiên hữu, cổ vũ cho thị trường tự do.

(3) **Hệ thống tiền tệ châu Âu** (1979). Cơ chế ổn định hối đoái giữa các tiền tệ của những nước thành viên cộng đồng châu Âu. Theo đó, tỉ giá đồng tiền mỗi nước chỉ được phép dao động trong khoảng tối đa 2,25 % trên hay dưới một trục do cộng đồng quy định bằng đồng Ecu (rổ tiền tệ dùng làm đơn vị tính toán). Đợt đầu cơ lớn của các thị trường tài chính năm 1993 đã buộc Anh, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Irlande phải phá giá tiền tệ : hai nước đầu phải rút ra khỏi hệ thống tiền tệ châu Âu, còn bốn nước sau chỉ giữ chân lại được trong hệ thống này nhờ khoảng dao động của hối suất được mở rộng đến 15 %.

(4) **Hiệp ước Maastricht** (1992). Hiệp ước thiết chế Liên hiệp châu Âu trên hai bình diện, Liên hiệp kinh tế và tiền tệ (*Union économique et monétaire*) và Liên hiệp chính trị (*Union politique*). Trên bình diện kinh tế và tiền tệ, mục tiêu trung tâm là thiết lập, chậm nhất vào đầu năm 1999, một tiền tệ duy nhất giao cho một ngân hàng trung ương châu Âu quản lý. Trên bình diện chính trị, hai mục tiêu chính là thiết lập một chính sách ngoại giao và an ninh chung, và điều hoà pháp chế trong lĩnh vực xã hội nhằm hình thành châu Âu xã hội (*Europe sociale*).

Thực tiễn của hiệp ước Maastricht những năm qua cho thấy châu Âu hiện thực hầu như chỉ tập trung vào châu Âu tiền tệ, việc xây dựng châu Âu chính trị và nhất là châu Âu xã hội đến nay vẫn chưa đi tới đâu.

(5) **Những tiêu chuẩn hội tụ của Maastricht**. Để được tham gia tiền tệ duy nhất, mỗi nước thành viên Liên hiệp châu Âu phải hội đủ sáu điều kiện : 1) Thâm hụt công cộng, bao gồm thâm hụt của ngân sách nhà nước và thâm hụt của các quỹ bảo hiểm xã hội, không được vượt 3 % của GDP ; 2) Nợ công không được vượt 60 % của GDP ; 3) Lạm phát không được vượt 1,5 % so với chỉ số bình quân tăng giá của ba nước thành viên có mức lạm phát thấp nhất ; 4) Lãi suất dài hạn không được vượt 2 % so với lãi suất bình quân của ba nước có mức lạm phát thấp nhất ; 5) Tỉ giá hối đoái không được biến động ngoài khung qui định ở trong hệ thống tiền tệ châu Âu, chính phủ không được phép phá giá tiền tệ ; 6) Ngân hàng trung ương phải độc lập đối với chính phủ và không được phép tài trợ những thâm hụt công cộng.

Điều cần nhận xét là công cuộc hội tụ kinh tế của Maastricht có tính thuần tiền tệ, chỉ quan tâm ổn định các biến số kinh tế danh nghĩa như chỉ số giá cả hay hối suất, và hoàn toàn không nói đến những biến số kinh tế thực là tỉ lệ tăng trưởng GDP hay tỉ lệ thất nghiệp. Việc tách rời kinh tế tiền tệ với kinh tế hiện thực là đặc điểm lý luận của thuyết duy tiền tệ và, nói chung, của các trường phái kinh tế tự do chủ nghĩa.

thành viên theo phương thức hiệp thương tăng trưởng và dành ưu tiên cho nhân dụng. Trong một kịch bản lý tưởng, cộng đồng châu Âu cho phép dung hoà hiệu ứng về cung (giảm chi phí giao dịch trong nội bộ cộng đồng, giảm chi phí sản xuất theo quy mô) và hiệu ứng về cầu (mở rộng thị trường tiêu thụ).

Một tiền tệ duy nhất sẽ mang đến cho châu Âu hai loại lợi ích. Đầu tiên, nó chấm dứt trong nội bộ cộng đồng những quyết định phá giá tiền tệ có tính dây chuyền nhằm mục đích cạnh tranh giữa các nước thành viên với nhau. Đồng thời, nó chấm dứt những hoạt động đầu cơ tiền tệ ở bên trong hệ thống tiền tệ châu Âu (3) : trong tình trạng hiện nay, thị trường tài chính có xu thế trừng phạt các nước có chính sách kinh tế không phù hợp với quyền lợi của nó bằng cách chuyển dịch vốn ra khỏi những nước đó, gây ra những cuộc khủng hoảng hối đoái (điều này đã xảy ra cho nước Pháp từ năm 1981 đến năm 1983).

Điều trước tiên cần nhận xét ở đây là : những người theo chủ nghĩa tự do kinh tế thường chống chế độ tỉ giá hối đoái cố định và do đó chống lại cơ chế tiền tệ duy nhất châu Âu. Họ cho rằng hối suất phải linh hoạt bởi vì nó phản ánh tương quan mậu dịch thật sự giữa các nền kinh tế, và là sự thừa nhận thành tích tương đối của mỗi nền kinh tế thông qua những chuyển dịch hàng hóa và vốn.

Cho nên phải xét hiệp ước Maastricht (4) như là kết quả của sự thoả hiệp giữa những người chủ trương khởi động lại tăng trưởng theo kiểu Keynes (chính phủ những nước Nam Âu vào đầu những 80) và những người chủ trương chính thống trong lãnh vực tiền tệ và ngân sách đúng theo các nguyên lý tự do chủ nghĩa về chính sách kinh tế (các chính phủ ủng hộ quan điểm của ngân hàng trung ương Đức Bundesbank).

Ngày hôm nay, chủ nghĩa tự do đã giành phần ưu thế trong thỏa hiệp nói trên. Những tiêu chuẩn của hiệp ước Maastricht (5) và của hiệp định ổn định Dublin (6) không những đề ra các mục tiêu về chính sách kinh tế theo hướng tự do chủ nghĩa mà còn qui định các công cụ để thực hiện những mục tiêu đó. Từ nay, trọng lượng của nhà nước, của những chỉ tiêu công cộng sẽ có giới hạn : nợ công phải tôn trọng tiêu chuẩn 3 % GDP (tổng sản lượng quốc nội), chính phủ nào vượt qua mức này sẽ phải chịu hình phạt tài chính. Còn chính sách tiền tệ thì chỉ có một mục tiêu duy nhất là chế ngự lạm phát : nhiệm vụ tiến hành chính sách tiền tệ này được trao cho các ngân hàng trung ương “ độc lập ” đối với các chính phủ — hầu tránh cho những người nắm chính quyền sự cảm động ấn hành giấy bạc để lấy lòng cử tri.

Trong tinh thần Maastricht, những mục tiêu nói trên sẽ cho phép khởi động lại tăng trưởng qua con đường giảm thuế. Đồng thời, lãi suất sẽ giảm mà không gây phản ứng đầu cơ chống lại tiền tệ của các nước châu Âu, bởi vì đó là chính sách kinh tế duy nhất mà các thị trường tài chính chuẩn y.

Song song, để giải quyết nạn thất nghiệp các nền kinh tế châu Âu còn phải tiến hành cải tạo thị trường lao động trong “ cơ cấu ” của nó. Bởi vì, theo quan điểm kinh tế tự do chủ nghĩa, nạn thất nghiệp xuất phát từ những quy chế lao động thái quá (thương lượng tập thể, tiền lương tối thiểu, trợ cấp thất nghiệp...) làm cho tiền công và nhân dụng không thể tự điều tiết và cân bằng với nhau trên thị trường lao động.

Nói một cách khái quát, đó là khuôn mẫu (*matrice*) chính sách kinh tế mà các nước hiện nay muốn tham gia công cuộc thống nhất tiền tệ Maastricht đã chấp nhận với nhau.

ĐĐ : Theo quan điểm mà anh bảo vệ, thì đi theo hướng Maastricht này, các nền kinh tế của cộng đồng châu Âu thay vì “ hội tụ theo hướng đi tăng trưởng ” thì tự giam mình trong “ một vòng luẩn quẩn suy thoái ”. Lý do là các tiêu chuẩn hội tụ duy tiền tệ trong hiệp ước Maastricht đang vô hiệu hóa các chính sách kinh tế ...

HNL : Chính sách kinh tế của hiệp ước Maastricht không phải không có lô gích của nó trong một lựa chọn về xã hội đi theo chủ nghĩa tự do kinh tế. Nhưng điều khổn khổ cho học thuyết tự do kinh tế là : nếu bỏ mặc nó, thì trường tò ra bất lực. Đó là một bài học lịch sử thời đại mà Keynes đã vạch ra : trong bối cảnh kinh tế mang tính chất bất trắc (*incertitude*), những nhà doanh nghiệp đâu có lý do gì để mà thuê thêm lao động, dù cho những người lao động làm thuê có chịu giảm lương (7). Đây cũng là hiện trạng của các nền kinh tế châu Âu ngày hôm nay : hạ thấp tiền công, giảm thiểu thâm hụt ngân sách đều là vô ích. Mức lãi suất không có lý do để giảm, và các nhà doanh nghiệp đâu có lý do gì để mà đầu tư nếu không có một sự thay đổi triệt để trong chính sách kinh tế. Hiện trạng này, cuối cùng, nuôi dưỡng một vòng luẩn quẩn : một chính sách tiền công và ngân sách có tính thắt lưng buộc bụng càng bóp nghẹt tăng trưởng, đào sâu thêm các thâm hụt công cộng khi thuế thu vào càng giảm ...

Hơn thế nữa, khi được tiến hành đồng bộ ở quy mô châu Âu, chính sách kinh tế nói trên đã đưa các nước vào một thế tăng trưởng theo nhịp độ chậm, một cách lâu dài, xen kẽ với những lúc suy thoái trầm trọng chưa từng có từ sau thế chiến thứ hai. Và không có gì bảo đảm rằng các nước thuộc “ hạt nhân cứng ” (Đức, Pháp, Bỉ-Hà-Lục — Ý chỉ được lãnh đạo Bundesbank dành cho một chỗ dự khuyễn) sẽ đạt được các chỉ tiêu hội tụ của Maastricht, đặc biệt là chỉ tiêu thâm hụt ngân sách không được vượt 3 % GDP.

Vả lại, ngay trong trường hợp các nước thuộc “ hạt nhân cứng ” này quyết định bỏ qua tiêu chuẩn ngân sách nói trên để có thể thiết lập tiền tệ duy nhất vào đầu năm 1999 thì việc xây dựng một chính sách kinh tế châu Âu có khả năng khởi động lại tăng trưởng và khắc phục thất nghiệp vẫn bị bỏ ngỏ. Bởi vì nó đòi hỏi những qui tắc chế độ hiện nay hoàn toàn vắng mặt : chẳng hạn, muốn tiến hành một chính sách châu Âu về đầu tư vào những công trình xây dựng lớn không thể không có những qui tắc kiểm tra chính trị (tức là kiểm tra của công dân) trên ngân sách cộng đồng và trên các ngân hàng trung ương — điều mà chủ nghĩa duy tiền tệ không thể quan niệm.

ĐĐ : Đối với những người ủng hộ hiệp ước Maastricht, không có một lựa chọn nào khác, trong nghĩa đây là lựa chọn duy nhất đáp ứng sự tin tưởng các thị trường tài chính — một ràng buộc mà không một chính sách kinh tế nào ngày hôm nay có thể vượt ra được. Luận điểm mà anh bảo vệ là : có một chính sách thay thế. “ Đặt lại con trâu trước cái cày ”, chính sách này nhằm đưa châu Âu thoát ra khỏi hoảng theo một “ hướng cao ” thay vì

“ hướng thấp ” hiện nay của hiệp ước Maastricht. Đối lập với chọn lựa Maastricht, anh khẳng định rằng thống nhất chính trị phải làm tiền đề cho thống nhất tiền tệ chứ không phải ngược lại. Liệu con đường thống nhất châu Âu mà anh đề ra có còn tính khả thi hay không ? Phải chăng, như người ta thường nói, vấn đâ đóng thuyền ?

(6) **Hiệp định ổn định Dublin** (1996). Kỷ luật ngân sách mà mỗi nước thành viên đồng Euro cam kết sẽ tôn trọng. Theo đó, khi thâm hụt công cộng vượt 3 % GDP, nước thành viên sẽ phải nộp cho cộng đồng những khoản tiền phạt nặng, từ 0,2 đến 0,5 % GDP — trừ trường hợp nền kinh tế suy thoái nghiêm trọng (GDP giảm sút trên 2 %).

(7) **Học thuyết Keynes và nguyên lý bất trắc** (*incertitude*) : Keynes xây dựng học thuyết của ông vào những năm 1930 (thời kỳ đại suy thoái của chủ nghĩa tư bản) nhằm phản bác lý luận của trường phái tân cổ điển (đại biểu cho chủ nghĩa tự do kinh tế) theo đó nền kinh tế thị trường có khả năng tự điều tiết và thực hiện cân bằng chung, trong đó có cân bằng trên thị trường lao động, tức toàn dụng (*plein emploi*) : vì vậy mà, theo quan điểm chính thống, nếu vận động tự do, nền kinh tế thị trường không thể có nạn thất nghiệp. Phân tích của Keynes cho rằng, khi các nhà doanh nghiệp tối đa hoá lợi nhuận, nền kinh tế thị trường quả đạt tới cân bằng, nhưng đó là cân bằng khiếm dụng (*sous emploi*) : cho nên thất nghiệp là trạng thái bình thường của nền kinh tế. Luận điểm của Keynes cho rằng toàn dụng không phải là kết quả của sự vận động tự nhiên của nền kinh tế thị trường mà là một lựa chọn về xã hội có tính chất chính trị.

Học thuyết Keynes khởi đi từ sự nhận diện nguyên lý bất trắc trong hoạt động kinh tế thị trường : một tính chất bất trắc mà Keynes gọi là “ triết để ”, không phải tính bất trắc có xác suất (như khi chúng ta đánh cuộc trong một trò chơi xổ số) mà là một tính bất trắc vô xác suất (như khi chúng ta đánh cuộc về mức lãi suất trong tương lai 10 năm tới), nói lên một thực tại kinh tế đơn giản là chúng ta không có cơ sở khách quan nào để tính toán một cách khoa học xác suất của những điều có thể xảy ra trong một tương lai dài hạn. Chính tính chất bất trắc trong hoạt động tiền liệu này buộc các tác nhân kinh tế phải giữ một phần tài sản của họ dưới dạng tiền tệ : mức độ ưu chuộng thanh khoản (*préférence pour la liquidité*) biểu hiện mức độ ngờ vực của các tác nhân kinh tế đối với tương lai mà bản thân họ tiên liệu. Trong một tình trạng khủng hoảng kinh tế, mức độ bất trắc càng tăng thì lãi suất — tức là giá phải trả để giữ thanh khoản hay là hiệu suất đồng vốn cho vay — càng lên cao, trong khi hiệu suất đồng vốn đầu tư (*efficacité marginale du capital*) lại thấp kém vì những tiên liệu bi quan của các nhà doanh nghiệp. Trong bối cảnh ấy, thay vì đầu tư và tăng nhân dụng thì nhà doanh nghiệp chuyển vốn sang hoạt động đầu cơ, mua bán chứng khoán để kiếm lời trên các thị trường tài chính.

HNL : Ván đã đóng thuyền đâu ! Như tôi đã có trình bày ở trên, ngay dù cho châu Âu có thiết lập một tiền tệ duy nhất đi nữa thì việc quản lý nó theo những tiêu chuẩn hiện hành sẽ tiếp tục nuôi dưỡng nạn thất nghiệp, sự loại trừ (ra ngoài lề) xã hội và những căng thẳng xã hội. Cho nên cuộc tranh luận về một “ chính sách khác ” sẽ tiếp tục tồn tại và không thể không trôi dạt trở lại. Có khác chăng đối với bây giờ là các vấn đề sẽ được đặt ra ở qui mô của châu Âu.

Trong cuộc tranh luận hiện nay, có một điều buồn cười là những người theo chủ nghĩa tự do kinh tế sử dụng một lý lẽ rút ra từ Keynes để bảo vệ lập trường của họ : đó là lý lẽ về tính chất bất trắc của thị trường tài chính. Và, căn cứ vào tính bất trắc này, họ biện luận rằng không thể thay đổi chính sách kinh tế.

Theo phân tích của Keynes, tính thực tại của kinh tế thị trường đã là bất trắc thì lãi suất có tính vô định (*indéterminé*). Trong những điều kiện đó, các ngân hàng trung ương ấn định lãi suất một cách quy ước (*conventionnel*) theo cái mà họ nghĩ là chuẩn mực mà các thị trường tài chính yêu cầu. Còn trên thị trường tài chính thì các tác nhân quyết định hoạt động mua bán chứng khoán tùy theo chính sách kinh tế mà họ tiên liệu trong mỗi nước. Kết luận của Keynes hoàn toàn ngược lại với khuyến cáo tự do kinh tế chủ nghĩa : trong một bối cảnh bất trắc, sự tự do lưu thông của đồng vốn không có khả năng dẫn tới mức lãi suất cân bằng cho phép khởi động lại đầu tư. Lãi suất có thể đứng lại ở một mức cao một cách lâu dài.

Cho nên, trong một công cuộc xây dựng cộng đồng Âu mà ưu tiên là tăng trưởng và nhân dụng thì những chuyển dịch về vốn phải bị đánh thuế, nếu không nói là vốn chuyển dịch phải được kiểm soát. Với một tiền tệ duy nhất, châu Âu tất nhiên tránh được những hoạt động đầu cơ tiền tệ giữa các thành viên cộng đồng. Song, dù có thống nhất tiền tệ, hai vấn đề vẫn bị bỏ ngỏ : thị trường tài chính vẫn không có thiết chế kiểm tra ; hiệp định ổn định Dublin vẫn vô hiệu hoá những công cụ kinh tế vĩ mô cho phép tác động lên nhân dụng. Và, trong những điều kiện không còn biến động về hối suất trong nội bộ cộng đồng, lại chưa có di động thật sự về lao động giữa các nước thành viên, cũng như thiếu hẳn một ngân sách cộng đồng, thì mỗi khi xảy ra mất cân bằng mậu dịch ở trong cộng đồng, các nước sẽ không còn giải pháp nào khác hơn là linh hoạt giá cả và tiền lương. Hay nói cách khác : không có con đường nào ngoài chủ nghĩa tự do kinh tế.

Khẳng định có một “ chính sách khác ” tức là nói tới sự chạm trán không thể tránh được với một số quyền lợi, đặc biệt là quyền lợi của những hoạt động tài chính — trong nhiều năm qua đã hưởng lợi nhiều (nhờ đồng tiền mạnh, lãi suất thực dương). Tính cận thị và dễ bay biến (*volatilité*) của thị trường tài chính phải được vạch rõ : mùa hè 1993, chẳng hạn, các thị trường tài chính đã không ngần ngại đầu cơ chống lại công cuộc thống nhất tiền tệ, tách đồng Franc ra khỏi đồng Mark, mặc dù chính sách kinh tế của chính phủ Pháp hoàn toàn đáp ứng chuẩn mực của các thị trường này. Phục tùng một thực thể thiếu lý tính đến thế là một sự từ

nhiệm chính trị — hậu quả tất yếu của quyết định phi quy chế hóa (*déréglementation*) các thị trường tài chính.

Một sự thay đổi chính sách kinh tế, chí ít, phải đặt vấn đề đánh thuế từ gốc các chuyển dịch vốn giữa các nước trong cộng đồng châu Âu (khoản thu thuế này có thể đưa vào một ngân sách cộng đồng và tạo thành một quỹ bù trừ những mất cân đối giữa các địa phương). Dù không phủ định năng lực khích động của nền kinh tế thị trường, bước ngoặt về chính sách kinh tế này đòi hỏi một sự thay đổi về tương quan lực lượng giữa các giai cấp xã hội, và sự hình thành ở qui mô châu Âu của những quy tắc về thể chế (chính trị và xã hội) nhằm thuần hóa các thị trường.

“ Đặt lại con trâu trước cái cày ” có nghĩa là tiến hành một chính sách kinh tế trái ngược với chính sách của châu Âu hiện nay mà ba cột trụ là : thắt buộc tiền tệ, thắt buộc ngân sách và linh hoạt hóa thị trường lao động. Chính sách hiện hành không thích ứng với nhiệm vụ khắc phục thất nghiệp vì ba cột trụ nói trên đang chống đỡ một phép phân phối thu nhập lệch lạc. Phép phân phối này gây nên hai vấn đề là điểm gốc của cuộc khủng hoảng nhân dụng ở châu Âu.

Một mặt, phép phân phối thu nhập hiện hành là khởi điểm của tình trạng *cầu suy*. Chính sách ba “ thắt buộc ” (ngân sách, tiền tệ, tiền lương) làm cho chi tiêu công cộng và tư nhân bị giới hạn, đơn đặt hàng cho các doanh nghiệp giảm sút. Cho nên, dù có tiếp tục hạ bớt những “ đóng góp xã hội ” (đóng góp của người thuê lao động vào các quỹ bảo hiểm xã hội) và qua đó chi phí về lao động thì các doanh nghiệp không phải vì vậy mà sẽ tăng mức nhân dụng.

Mặt khác, ý muốn duy trì phép phân phối thu nhập hiện hành đang ngăn chặn xu thế giảm thời gian lao động và tăng tiền lương theo giờ khi năng suất lao động không ngừng được nâng cao. Mức cầu của các hộ gia đình khiêm hụt là vì vậy. Có thể quan niệm việc phân phối những gia tăng năng suất lao động theo một phép khác là : giảm thời gian lao động xuống 32 giờ/tuần mà không trừ tiền lương với mục đích tạo thêm những việc làm ổn định.

Ngoài ra, giáo điều về thắt buộc ngân sách làm cho ngân sách nhà nước và các dịch vụ công cộng không thể đóng vai trò khởi động tăng trưởng. Hiệu ứng của đầu tư công cộng không phải làm cho nợ công bùng lên, mà đó là bối khuyếng những do dự của vốn tư nhân trong các khu vực không sinh ra lãi hoặc thuộc về cơ sở hạ tầng cần thiết cho tăng trưởng (y tế, nhà ở “ xã hội ” cho thuê hoặc bán với giá hạ, giáo dục, giao thông công cộng...). Mức tăng trưởng này sẽ cho phép đáp ứng nhu cầu xã hội do tình trạng thất nghiệp và loại trừ xã hội sinh ra, đồng thời sẽ khơi lại hoạt động của những khu vực kinh tế đang suy thoái. Kết quả là nhân dụng sẽ được cải thiện, số người đóng góp vào các ngân sách nhà nước và bảo hiểm xã hội sẽ tăng, và cuối cùng thâm hụt công cộng sẽ giảm.

Đối lập hoàn toàn với chính sách kinh tế hiện hành tại châu Âu, một chính sách nhân dụng phải kết hợp cả ba phương thức tái khởi động — ngân sách, tiền tệ, tiền lương — và khơi lại xu hướng giảm thời gian lao động. Chính sách

này sẽ đạt kết quả tối đa khi nó được tiến hành đồng thời và đồng bộ trong các nước Liên hiệp châu Âu. Để được như vậy, phải xét lại nội dung của hiệp định ổn định Dublin đang giới hạn mọi thâm hụt ngân sách bằng hình phạt tài chính ; phải bãi bỏ qui định cấm các ngân hàng trung ương không được tài trợ những chương trình đầu tư công cộng ; phải chấm dứt công cuộc phi quy chế hóa những dịch vụ công cộng mà hậu quả là tạo nên tình trạng bất bình đẳng trong sử dụng các dịch vụ đó.

Tiến tới việc cộng đồng đánh thuế những vốn đầu cơ cũng như việc công dân kiểm tra sự phân phối thu nhập và phân bổ nguồn lực đều là những sự lựa chọn về xã hội. Lựa chọn này đòi hỏi phải thiếp lập những qui tắc thể chế thích ứng. Đầu tiên, cần xét lại quy chế độc lập của các ngân hàng trung ương và cho phép những ngân hàng này tài trợ các chương trình tái khởi động kinh tế. Đồng thời, cần thiết lập những qui tắc chính trị về quyết định cộng đồng để xác định mục tiêu và phương tiện của một chính sách đầu tư vào những công trình lớn. Cuối cùng, cần xây dựng một hệ thống quan hệ xã hội châu Âu cho phép tiến hành thương lượng tập thể việc phân phối những gia tăng năng suất (dưới dạng tăng tiền công hoặc giảm thời gian lao động). Điều này có nghĩa là phải xét lại nguyên tắc “bổ trợ” (*subsidiarité*) hiện áp dụng trong “châu Âu xã hội” mà hậu quả là cộng đồng châu Âu tiếp tục duy trì những chênh lệch quốc gia trong việc xác định các chuẩn mực về lao động và tiền công (8).

DĐ : Anh gắn liền công cuộc hội nhập tiền tệ theo hiệp ước Maastricht với sự khẳng định của một “tư duy độc nhất” trong lý luận kinh tế. Song, từ ít lâu nay, “chống tư duy độc nhất” đường như đã trở thành một lối nói thời thượng của nhiều nhà chính trị thuộc mọi phe phái. Đối với anh, với tính cách người đứng đầu “Lời kêu gọi của các nhà kinh tế nhằm thoát ra khỏi tư duy độc nhất”, nội dung của tư duy độc nhất là gì ? Và thế nào là phê phán tư duy độc nhất ?

HNL : “Tư duy độc nhất” chỉ là một cách khác để nói lên điều mà Marx đã từng gọi là “hệ tư tưởng thống trị”. Nếu chính sách kinh tế hiện hành được xem là chính đáng, đó là trên nền tảng của tư duy kinh tế thống trị. Tư duy này quan niệm kinh tế học như một khoa học “cứng” mà tính chất chẽ thẽ hiện qua ngôn ngữ của học thuyết tân cổ điển. Trong tư duy đó, nạn thất nghiệp chỉ có một giải thích : đó là mức giá quá cao của lao động mà nguyên nhân là những qui chế cứng nhắc (*rigidité*) của thị trường lao động (thương lượng tập thể, trợ cấp thất nghiệp, tiền lương tối thiểu, đóng góp bảo hiểm xã hội). Một số tác giả, xuất phát từ học thuyết tự do kinh tế, cho rằng phải xoá bỏ tính cứng nhắc của thị trường lao động bằng cách trả tự do, phi quy chế hoá thị trường này. Một số tác giả khác, tự xưng theo Keynes — điều mà theo tôi là lạm dụng — cho rằng tính cứng nhắc đó của thị trường lao động là một khuyết tật vốn có của nền kinh tế, và đề nghị những biện pháp bổ khuyết như là trợ cấp các doanh nghiệp hay giảm nhẹ gánh nặng về các đóng góp xã hội. Dù những phân tích có khác nhau, song hai lập luận trên đều nhầm cùng một

mục đích : giảm mức giá của lao động, và khuếch từ một sự thay đổi trong phân phối thu nhập theo hướng mà tôi đã trình bày. Cho rằng nạn thất nghiệp bắt nguồn từ tính không hoàn hảo của thị trường lao động, tư duy độc nhất không thể quan niệm những chính sách tái khởi động thông qua ngân sách, tiền tệ, tiền lương, cũng như nó không thể tính tới việc giảm thời gian lao động. Chính vì thế, tư duy này bằng lòng với công cuộc xây dựng châu Âu hiện hành và chỉ đưa ra những đề nghị bảo thủ về mặt xã hội.

Phê phán tư duy độc nhất, đối với chúng tôi, là, một mặt, vạch rõ tính không mấy gì khoa học của nó. Những thử nghiệm toán kinh tế về liên hệ giữa tiền công và nhân dụng đều đưa đến những kết quả không thuyết phục. Chưa một công trình nào đã có thể chứng minh rằng, tại Pháp chẳng hạn, thất nghiệp là do giá quá cao của lao động gây ra.

Mặt khác, chúng tôi cho rằng kinh tế trước tiên là chính trị, tức là nói lên những lựa chọn về xã hội, đặc biệt là về phép phân phối thu nhập trong xã hội. Cho nên, phê phán tư duy độc nhất không phải là đối lập nó với một diễn văn kinh tế khác cũng “độc nhất”, mà là đẩy mạnh cuộc tranh luận công cộng nhằm khẳng định tính đa nguyên trong tư duy kinh tế và vạch rõ những lựa chọn về xã hội đãng sau mỗi chính sách kinh tế được đề xuất. Đây là mục tiêu mà lời kêu gọi các nhà kinh tế chống lại tư duy độc nhất nhắm tới trong bước đầu (9). Bước đi tiếp của chúng tôi sẽ là cuộc giáp mặt với các tác nhân xã hội nhằm thảo luận về một số nghiên cứu đầu tiên của chúng tôi, và để cùng nhau thăm dò những con đường khả dĩ đưa châu Âu thoát ra khỏi ngõ cụt của nạn thất nghiệp và loại trừ xã hội.

phỏng vấn do Hải Văn thực hiện

(8) **Nguyên tắc bổ trợ** (*principe de subsidiarité*). Nguyên tắc phân định quyền hạn theo đó những điều gì đã có thể giải quyết ở một cấp thấp thì không còn thuộc quyền hạn của cấp trên. Dựa trên nguyên tắc này, thẩm quyền của những thể chế cộng đồng châu Âu được giới hạn vào các lĩnh vực trong đó quyền quyết định của những thể chế quốc gia không có tính tối ưu.

(9) **Lời kêu gọi của các nhà kinh tế nhằm thoát ra khỏi tư duy độc nhất.** Xuất hiện vào đầu năm 1996 — tiếp theo đợt đình công, bãi khoá lớn cuối năm 1995 ở Pháp — lời kêu gọi của hơn 300 nhà kinh tế Pháp, hiện nay, đã tổ chức thành hội đoàn. Hai cuộc hội thảo lớn đã được tiến hành tại Paris trong năm 1996, đưa tới xuất bản hai tập sách : *Appel des économistes pour sortir de la pensée unique* (tác giả tập thể), *La monnaie unique en débat* (*Tranh luận về tiền tệ duy nhất*, Nxb Syros, Paris 1997) và *L'emploi en débat* (*Tranh luận về nhân dụng*, Nxb Syros, Paris 1997).

Địa chỉ liên lạc của *Lời kêu gọi* :

Hoàng Ngọc Liêm, Université Paris 1,

90 rue de Tolbiac, 75013 Paris.

Điện thoại và Fax (33) 01 43 55 09 36.

Vũ Thu Hiên

trại quân pháp Bất Bạt

hồi ký (trích)

LTS. Từ hơn một năm nay, bạn đọc Diễn Đàn đã làm quen với nhà văn Vũ Thu Hiên qua những trang viết đặc sắc trích từ hồi ký MIỀN THÔ ÁU (ĐĐ số 47, tháng 12.95) và bút ký SUỐNG XUÂN VÀ HOA ĐÀO (ĐĐ số 50, tháng 2.1996). Với thế hệ thanh niên miền Bắc từ đầu thập niên 1960, tên tuổi của ông gắn liền với bản dịch tuyệt vời của cuốn tiểu thuyết Bông hồng vàng (Pautovsky) : ngay giữa thành phố Paris này, chúng tôi đã được nghe hai bạn trẻ đọc thuộc lòng những đoạn văn dịch mà, ba mươi năm sau, âm hưởng vẫn nguyên khôi trong hồn ức, vang vọng trong lòng người. Thời học phổ thông Chu Văn An (Hà Nội), hai bạn trẻ được chuyền tay Bông hồng vàng, mê văn của dịch giả mà không biết ông là ai, chỉ nghe nể tài ông bị tù...

Vũ Thu Hiên bị bắt sáng ngày chủ nhật 24 tháng 12 năm 1967 khi ông đang xe đạp gần Bờ Hồ. Phải gọi là bắt cóc, vì suốt 6 tháng trời, gia đình ông đi tìm khắp nơi, từ đồn công an tới Bờ nội vụ đều nói không bắt, không biết. Cha ông, nhà cách mạng lão thành Vũ Đình Huỳnh, đã bị bắt từ tháng 10. Từ tháng 8 đến cuối năm 67, bắt đầu từ viện trưởng Hoàng Minh Chính, thiếu tướng Đặng Kim Giang... tổng cộng hơn 30 đảng viên cán bộ cao cấp và trung cấp đã bị giam cầm, không xét xử trong vụ án gọi là xét lại - chống đảng. Hầu hết những người bị cầm tù đã được trả tự do năm 1973, bị quản thúc thêm 3 năm.

Riêng ông Vũ Thu Hiên, không phải đảng viên, bị giam tù mãi đến năm 1976 sau 9 năm biệt giam ở Hoả Lò, Bất Bạt, Tân Lập, Phong Quang... Mấy năm gần đây, ông sống ở Nga và Ba Lan. Vừa qua, sau khi hoàn thành tập hồi ký ĐÊM GIỮA BAN NGÀY, ông đã tới Pháp. Đây là một chặng từ chính trị trung thực đồng thời là một tác phẩm văn học giá trị. Diễn Đàn cảm ơn tác giả đã cho phép công bố, lần đầu tiên, một chương hồi ký và xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc. Chương này kể lại lúc tác giả đổi Hoả Lò lên trại giam Bất Bạt, tháng 7 năm 1968.

Nơi tôi bị đưa tới là một trại giam quân đội. Bên ngoài nó giống hệt một trại lính. Giống đến nỗi khi chiếc GAZ¹ từ từ leo lên dốc để qua cái cổng chào với hai vòng quân hiệu hai bên tôi còn nghĩ : hay người ta đưa chúng tôi đến đây để giáo dục rồi thả ?

Những nạn nhân Cải cách ruộng đất kể lại rằng sau thời gian chịu cảnh đấu tố và giam cầm, cho tới ngày Đảng tuyên bố sửa sai rồi họ vẫn chưa được về nhà ngay, mà còn bị gom lại một chỗ để học tập chính sách cải dã. Hay chuyện xảy ra trong Cải cách ruộng đất bây giờ lại lặp lại ?

Tôi nhanh chóng xác định được vị trí trại giam : nó nằm trong vùng bán sơn địa khô cằn với rất nhiều đồi sắn, nương khoai ở phía Nam huyện Bất Bạt. Đầu thập niên 60 tôi đã tới vùng này vài lần. Đất ở đây bạc màu vèo vèo, nhanh như cam tẩu mã, bởi sự trực lợi hối hả của dân chúng ít học dưới sự dắt dẫn của những nhà lãnh đạo khinh học. Thưa thót giữa thiên nhiên cằn cỗi mẩy con đường đất đỏ bị cả Trời lẫn người bỏ quên nằm vắt vẻo qua những đồi trọc khô khốc, nơi có những mỏ đá ong khổng lồ. Những vòng bụi đỏ cuồn cuộn bốc lên đàng sau những xe tải họa hoằn, mai không chịu lảng xuống.

Lê Thanh Tài sai lính tháo còng cho tôi rồi hối hả đi đâu đó, bỏ mặc tôi cả tiếng đồng hồ trong phòng thường trực trống

rỗng. Trên cái bàn gỗ mộc bụi bặm và mốc thêch lăn lóc mấy tờ Quân đội Nhân dân nhau nát. Tôi vồ lấy chúng, đọc ngấu nghiến để rồi ngồi thử ra, thất vọng — tin tức trong báo chẳng nói với tôi điều gì mới.

Thời gian không đứng về phía chúng tôi. Những tờ báo giống y như những tờ này tôi đọc hàng ngày, một năm trước. Chúng sẽ giống y nhu thế một năm sau, hoặc nhiều năm sau. Thế giới đã mắc bệnh bại liệt.

Tôi lơ đãng nhìn ra sân trại. Ngoài mấy người lính quân phục xộc xệch, áo phanh rộng ngoài quần, lê bước uể oải trong nắng trưa rực lửa, chồng tranh nứa nặng chiu trên đầu, quanh đây chẳng còn bóng ai khác.

Sau những ngày dằng dặc ở xà lim Hoả Lò việc chuyển trại làm tôi khấp khởi mừng thầm. Thế là xong, tôi nghĩ, cuối cùng rồi cái sự diên khùng này đã kết thúc. Tôi sẽ được gặp cha tôi và những người cùng vu.

Viên y sĩ công an trông nom sức khoẻ chúng tôi ở Hoả Lò xuất hiện, vẫy tôi theo y.

Bước ra khỏi căn phòng, tôi rời tôm vào biển lửa của nắng trưa. Tháng bảy thường là tháng nóng nhất trong năm, ở

(1) Một loại com-măng-ca của Liên Xô.

vùng bán sơn địa cái nóng còn được nhân lên thêm vài lần nữa.

Tôi thở hổn hển. Tôi yếu quá rồi. Mà có mang vác gì nặng cho cam. Tòn ten mỗi hai bộ quần áo với cái chăn len vợ gửi vào cho những mùa đông sau này (ai biết được sẽ còn bao nhiêu mùa đông nữa). Thế mà mệt.

Chúng tôi bước thấp bước cao theo một lối mòn lổn nhổn sỏi đá nằm men bức tường gạch chạy dài không dứt trong lầu sây um tùm. Bức tường không thẳng, nó uốn khúc nhấp nhô theo địa mạo triền đồi. Tôi một cánh cổng bằng sắt tấm hoen rỉ, tên y sĩ mở khóa, dẫn tôi vào một cái sân nhỏ khô cằn, không có lấy một ngọn cỏ. Bên trong cái sân này là một ngôi nhà bé xíu, kiểu nhà ở bình thường với kích thước mini.

Cửa vào được mở ra.

Thì ra vẫn nó, vẫn là xà lim.

Tôi nhầm trại giam với trại lính là phải — từ ngoài đường, chỗ cổng doanh trại nhìn vào không thể thấy được khu vực này¹. Hi vọng được ở chung với các bạn đồng vụ tắt ngấm.

Thế mới biết cái sự giáo dục của Đảng ăn sâu thật ! Vừa mới thấy cái cổng trại lính tôi đã nghĩ ngay đến chuyện được Đảng cho về với vợ con. Tôi nghiệp, tôi bao giờ cũng nghĩ về Đảng tốt hơn nó có trong thực tế.

Xà lim mới làm tôi nhớ đến trại phòng các tu sĩ dòng Châu Sơn. Cũng chiếc giường gỗ mộc nằm tro bên trong bốn bức tường trần trụi, cũng cái trần thấp cuốn thành vòm, chứ không phải trần tú giác phẳng như ở Hoả Lò. Chỉ thiếu một thập giá bằng gỗ mun lạnh lẽo trên mảng tường hậu và một tu sĩ khổ hạnh xác ve với chiếc thùng đáy thay thắt lưng. Tôi đã tới Nho Quan, Ninh Bình vào đầu năm 1947, nơi có những kho muối lớn dự trữ cho cuộc kháng chiến của Công ty Nam Tiến². Không xa những kho muối này, nằm kín đáo trong một khu rừng ẩm ướt, là tu viện của những tu sĩ có lời nguyện câm nín. Quần mình trong tấm áo choàng đen khâu tay, bạc phếch và rách ruồi, những tu sĩ tiếp tôi bằng nụ cười mơ hồ trên gương mặt bất động. Như những cái bóng, họ lặng lẽ đi lại thấp thoáng trong u tịch rừng già. Đêm đêm họ ngồi xếp bằng tròn quay mặt vào tường hậu, lặng lẽ cầu nguyện. Tôi ngạc nhiên — như thế mà là sống ư ? Mà sống như thế để làm gì kia chứ ?

Thế mà giờ đây tôi cũng sống như họ. Cô đơn. Khổ hạnh. Còn tệ hơn họ, tôi không được phép bước ra khỏi cái trại phòng đặc biệt, bị bỏ vào chung không phải tự nguyện đến ở, không được phép gặp đồng loại, không được phép để đồng loại nhìn thấy mình.

Sau hết, và là cái khác cơ bản giữa chúng tôi — họ có Chúa, còn tôi thì không.

Tôi mệt mỏi quăng đồ đặc lên phản. Xà lim là xà lim, cho dù có vài nét phân biệt. Tính về diện tích nó còn nhỏ hơn xà lim Hoả Lò. So với tiêu chuẩn của thực dân thì ở đây đã xảy ra một sự cắt xén được đặt tên là cải tiến. Cái phản gỗ mộc bào cấu thả còn lõm xõm sơ gỗ được gắn chết vào bốn trụ xi măng. Không thấy mặt cái cùm muôn thuở. Gầm phản là một hố sâu — một cái hầm trú ẩn.

Tôi trườn lên phản, nằm nghỉ vẩn vơ. Sự vắng bóng cái cùm sắt chứng tỏ nhà tù bộ đội có khác nhà tù công an. Sự hiện diện của cái hầm trú ẩn chứng tỏ người ta còn tình nghĩa với đồng đội cũ, còn lo cho mạng sống của họ.

Một điểm khác nữa, rất bình thường, nhưng cũng cứ phải coi như ưu điểm của trại này là cái cửa sổ. Nó không phải là *le judas* đặc trưng cho xà lim, mà to gần bằng cửa sổ nhà nông thôn, với những song sắt to hơn, được gắn chặt vào bệ tông kiên cố.

Thoạt đầu, nhìn nơi ở mới thậm chí tôi còn hài lòng, còn tự hào về cái xà lim của trại giam quân đội. Dù sao nó cũng không đến nỗi tệ hại như xà lim Hoả Lò.

Quan sát kỹ thì mới thấy mình nhầm. Nó không phải là một cái xà lim bình thường mà là một sáng tạo độc đáo trong nghề làm chuồng người. Căn nhà nhỏ gồm bốn căn phòng được thiết kế giống hệt nhau dưới một mái chung, cửa mỗi phòng quay về một hướng. Ở chỗ tiếp giáp giữa hai xà lim mọc ra một mảng tường tú giác với một đường vát thượng thu hạ thêch chia ngôi nhà thành bốn ô riêng biệt, để người bên này không nhìn thấy người bên kia, kể cả khi *quản giáo* cho ra ngoài tắm rửa. Ở Hoả Lò xà lim nằm thành hai dãy dài trong hành lang, một người ho khan cả dãy nghe thấy. Trong một nhà xà lim Bất Bạt chỉ có bốn phòng, nếu ba phòng kia không có người thì cảm giác cô đơn thật kinh khủng.

Mỗi ngôi nhà lại bị bao quanh bởi bốn bức tường con kiến không cao và không kiên cố, làm thành một khu biệt giam, với một cánh cổng bằng tôn mỏng xộc xệch. Hết thấy những khu nhà như thế (không biết là bao nhiêu) bị bọc trong một bức tường cao chạy chung quanh, có vọng gác ở mỗi cạnh³.

Cánh cửa xà lim vừa khép lại là tôi rơi vào một vùng tĩnh lặng hoàn toàn. Ngoài tiếng gió chạy trên đồi, không còn tiếng động nào khác trong buổi trưa hè.

Hôm sau, tôi thấy có tiếng động ở xà lim bên cạnh. Thì ra bên đó có người. Hai hôm sau, tôi giật mình nghe người đó gọi tôi :

— *Bóng hồng vàng ! Bóng hồng vàng !*⁴

— Ai đó ?

Tôi chồm ra cửa sổ, khẽ kêu lên.

— Bác sĩ ! Bác sĩ đây ! — người đó trả lời.

— Chào bạn ! — tôi trả lời thận trọng

(1) Nghe nói về sau trại quân pháp Bất Bạt được sử dụng làm nơi giam giữ tù binh Mỹ.

(2) Mật danh một cơ sở kinh tài của Đảng trong kháng chiến chống Pháp.

(3) Thiếu tá Trần Thư cũng bị giam ở trại này năm 1973 trước khi được tha. Anh miêu tả nơi ở thấy có khác (xem Trần Thư, *Câu chuyện của tên tù xử lý nội bộ*). Anh không phải ở trong xà lim mà được ở trong một ngôi nhà nhỏ như điểm canh đê, có một mảnh vườn con bên trong hàng rào dây thép gai vây bốn bề. Đây là nơi cư trú trung chuyển giữa chế độ giam giữ và sự thả cho về, làm thành một khu riêng biệt, cách khu xà lim và khu trại chung. Lại một sáng tạo độc đáo của hệ thống giam tù “xử lý nội bộ”.

(4) Tên một tác phẩm của nhà văn xô-viết K. Pautovsky (bản dịch của Vũ Thư Hiên).

– Tất-cả-ở-đây-hết !

Người xưng là bác sĩ lai kêu lên. Giọng anh ta lần này có nhỏ hơn, nhưng vẫn bị phát hiện. Mấy tên lính gác rầm rập chạy đến. Tôi nghe tiếng cãi vã, tiếng mở cửa, đóng cửa xầm xầm.

Tôi căng óc, cố đoán xem người xưng bác sĩ kia là ai, mà không nghĩ ra.

Trong số bạn làm nghề y chỉ có bác sĩ Phan là thân với tôi hơn cả. Nếu là anh thì tôi nhận ra ngay. Tôi quen giọng Phan lắm. Nhưng làm sao anh bị bắt được ? Anh nổi tiếng phi chính trị. Hơn thế, anh còn là ân nhân của một số cán bộ cõi kha khá. Những người này sẽ bảo vệ anh, ít nhất thì cũng vì anh cần cho họ. Vài người trong bọn họ đã nhờ anh chữa bệnh phong tinh. Anh không thích cái xã hội nhố nhăng với một lũ Cẩm Bá Nhạ¹, một lũ hủi, ở trên đầu. Mà với hủi thì tốt nhất là không dây. Anh biết giữ mồm giữ miệng cho nên đám công an theo dõi trí thức vẫn định Phan là một bác sĩ giỏi nhưng mít đắc về chính trị.

Nhưng đến cả trung tá công an Hồng Sĩ mà còn bị bắt thì Phan cũng có thể bị bắt lắm. Anh có tội chơi thân với tôi và Văn Cao. Theo ngôn từ công an, chơi thân với nhau gọi là *lien quan*.

Tôi hi vọng Văn Cao bình an vô sự. Văn Cao rất yếu. Anh khó lòng chịu đựng cuộc sống tù ngục. Anh đã may mắn một lần. Trong đợt đánh Nhân văn – Giai phẩm người ta ám chỉ Văn Cao khi nói tới Đinh Linh, Trần Xí-hà², để nhẫn nუ anh coi chừng, anh có thể chịu chung số phận với họ đấy. Sau vụ này Văn Cao dìm nỗi buồn của anh trong rượu. Anh kể anh đã bị bọn công an giả dạng lưu manh gây sự rồi thượng cẳng chân hạ cẳng tay với anh mấy lần trong những quán rượu bình dân. Từ đó chị Băng, vợ anh, không cho chồng ra khỏi nhà nữa. Chị bẩm bụng mua rượu về cho anh, hiểu rằng anh sẽ chết vì rượu, nhưng anh sẽ chết nhanh hơn nếu phải sống với nỗi buồn.

Huỳnh Ngự cũng có lần hỏi tôi về Phan. Y đưa ra một danh sách những tên sách, truyện ngắn, hỏi tôi có biết những tác phẩm này không ? Tôi giật mình : đó chính là tên những truyện Phan dự định viết.

Làm sao chúng có được danh sách này ? Phan đã bị bắt, đã khai ? Hay chúng đột nhập vào nhà lục lọi khi anh đi vắng ?

Hồi đó Phan chưa phải là người viết văn. Anh yêu văn học bằng một tình yêu lười biếng. Sau khi đặt tên cho một tác phẩm tương lai, anh viết nguêch ngoạc vài ba trang rồi vứt đấy. Những trang bản thảo vương vãi khắp nơi trong căn phòng lộn xộn, trong đó có nhiều trang tuyệt vời. Lần nào Phan cũng tự hẹn với mình sẽ viết tiếp vào một lúc khác. Tiếc rằng cái lúc khác ấy hiếm khi xảy ra. Tôi giật mình vì riêng những cái tên sách không thôi trong danh sách Huỳnh Ngự cho tôi xem đã không ổn rồi, đã bốc mùi bẩn mân rồi.

Đáp lại câu hỏi của Huỳnh Ngự, tôi chỉ cười.

– Anh cười chi ?

– Phan không phải là nhà văn. Xin đừng nghi anh ấy chuyện văn chương. Anh ấy cũng có lúc bốc lên muôn viết

thật, nhưng rồi chỉ thành công được một lần. Cuốn sách duy nhất được in của anh Phan là một cuốn sách loại *người tốt việc tốt* in ở Nhà xuất bản Kinh Nguyệt Không Đều...

Huỳnh Ngự gắt lên :

– Anh nói cái chi ? Nhà xuất bản chi... ?

Tôi giải thích rằng chúng tôi gọi dùa Nhà xuất bản Phụ nữ là Nhà xuất bản Kinh Nguyệt Không Đều vì sách ở đây ra loạc choạc, khi có khi không, khi nhiều khi ít.

Huỳnh Ngự túm tím cười.

– Tôi chơi với Phan vì cái khác. — tôi nói thêm — Phan rất chiều bạn. Thỉnh thoảng có món gì ngon anh lại ối tụi tôi đến ăn. Tiết canh vịt Phan đánh thì tuyệt, Văn Cao gọi là tiết canh xâu lạt...

Huỳnh Ngự ngẩn người :

– Nghĩa là sao ?

– Nghĩa là tiết canh đông đến nỗi có thể lấy lạt xâu vào mà xách được.

– Bià.

– Văn Cao vốn thích nói thậm xưng. Nhưng thật sự là thế – tiết canh anh Phan đánh đông lắm, tôi chưa thấy ai đánh tiết canh tài bằng anh ấy.

– Đánh thế nào ?

Tôi nhẫn nha kể cho Huỳnh Ngự cách đánh tiết canh mà Phan dạy tôi. Đành phải hy sinh bí quyết nhà nghề của anh để đưa Huỳnh Ngự ra xa cái đề tài nguy hiểm. Huỳnh Ngự nghe chăm chú, sau đó không vặn vẹo thêm nữa. Tôi đồ rằng trả về nhà y sẽ ghi công thức đánh tiết canh vào sổ tay.

Còn ai nữa là bác sĩ trong số người quen tôi ? Mãi rồi tôi cũng nhớ ra bác sĩ Phan Thế Văn. Nhưng với Văn thì không thể nói rằng tôi quen. Chúng tôi có gặp nhau đôi lần ở nhà bạn bè, không nhớ là ở nhà Vũ Huy Cường hay nhà ai. Mọi người nhận xét Văn là một tay Ivan. « Ivan » là một cách nói vui hồi ấy, chỉ một người không thích lối sống giáo điều, công thức, không chịu uốn mình theo khuôn phép của Đảng, không cứ là một người theo Liên Xô, như bọn tự xưng *mác-xít chân chính* chụp mũ.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp Phan Thế Văn ở Hà Nội. Anh hoạt động trong phong trào thanh niên học sinh. Năm 1956 anh được đi dự *festival* thanh niên và sinh viên thế giới ở Moskva. Đó là vinh dự lớn cho một thanh niên trước kia ở trong vùng tạm chiếm, cho dù có hoạt động cho kháng chiến.

Vấn thì có thể bị bắt, tôi đoán.

Tôi không gặp Văn lần nào nữa trong thời gian ở Bất Bạt, cũng như trong thời gian ở tù nói chung. Gặp lại anh tại Sài Gòn năm 1989, tôi hỏi có phải anh đã gọi tôi hồi ở Bất Bạt không thì anh nói không. Tôi ngạc nhiên : vậy còn ai trong những người bị bắt là bác sĩ ? Hay đó là một bác sĩ quân y nào mà tôi không quen, nhưng biết tôi. Anh nhìn thấy tôi qua một khe hở phòng anh và anh muốn cho tôi biết tôi không đơn

(1) Cách nói chại đi từ tiếng Pháp *campagnard* = tên nhà quê.

(2) Hai nhà văn Trung Quốc bị hạ ngục vì những phát biểu bất đồng với đường lối văn nghệ của đảng.

độc. Mà cũng có thể không phải thế. Nhưng nếu đây là trò của công an thì tại sao bị phát hiện nói chuyện với tôi anh ta lại bị chuyển đi ngay ?

Trong trại giam – xà lim này, *quản giáo bộ* đội đối với chúng tôi tử tế hơn *quản giáo Hoà Lò*. Họ mở cửa, đóng cửa, cho chúng tôi với nét mặt vô can – người ta bắt anh chứ không phải tôi bắt anh, tôi với anh không thù không oán, tôi cũng chẳng muốn thế này.

Trong nhà tù nét mặt, cách đối xử của *quản giáo* ảnh hưởng đến tâm lý người tù nhiều lắm. Một bộ mặt lầm lì, một cái nhìn hờn học cũng gây ra *stress*.

Tôi nhanh chóng làm quen được với một anh tù nhà bếp làm công việc gánh cơm cho các xà lim. Khi cho tôi ăn sáng, anh tù trẻ, mặt mũi sáng sủa, được phép đến sát cửa sổ để đưa cho tôi vài củ khoai hoặc mấy khúc sắn. Bữa trưa anh đặt phòng cơm trên bể nước.

Anh tù thì thào cho tôi biết anh bị toà quân sự kết án ba năm tù vì tội để xe bọc thép lăn xuống vực, làm chết đồng đội. Quen rồi, tôi mới lân la hỏi anh về những người tù không phải phạm binh trong trại.

- Tôi có thấy hai ông già. — anh nói.
- Một trong hai ông già là cha tôi đấy.
- Cụ nhà trông thế nào ?
- Cụ tôi hói đầu.

Mỗi cuộc nói chuyện xảy ra nhiều nhất một lần trong một ngày, mà cũng chỉ giới hạn trong vài ba câu. Phải nói cho nhanh. Dứt lời, anh lại lắc lè quang gánh chạy đi.

– Cụ hói đầu có sẹo ở bụng, phải không ? — một buổi sáng khác anh hỏi.

- Đúng. Cụ tôi đấy. Cụ bị cắt mệt.

Trong xà lim nóng, cha tôi cởi trần, nhở đó anh bạn trẻ nhận ra đặc điểm.

- Còn cụ kia ?
- Là thiếp tướng Đặng Kim Giang.
- Cha mẹ ơi, vậy mà tôi không biết.

Hôm sau, anh móc trong lưng quần ra gói Tam Đảo, ngó trước ngó sau rồi ném vào phòng :

- Cụ gửi cho anh.

Thì ra anh đã tự động báo cho cha tôi biết anh liên lạc với tôi.

Tôi xem xét cẩn thận gói thuốc. Nó có vẻ còn nguyên lành. Để ý thật kỹ thì thấy nó có bị bóc ra rồi dán lại. Tôi mê mẩn từng điều. Không thấy gì. Đó là gói thuốc kiểm tra. Cha tôi vốn cẩn thận. Ông không hấp tấp tin ai, trong hoàn cảnh này lại càng phải cẩn thận.

Một tuần sau, tôi lại nhận được gói thuốc nữa. Trong gói thuốc lần này có một điều đáng ngờ. Giốc thuốc ở hai đầu đũi được một mẩu giấy cuộn tròn, trong đó có những hàng chữ nhỏ li ti :

« Nợ nước đùi tôi trả đã tròn
Việc nhà gửi mẹ với đàn con
Trăm năm đầu bạc dành sai hẹn
Thủy chung tôi giữ tấm lòng son.

Con học thuộc mấy câu thơ này rồi đốt đi. Nếu bố không trả về thì đây là mấy lời cuối cùng bố gửi mẹ. Nói với mẹ bố xin mẹ tha lỗi vì đã làm khổ mẹ, nhưng bố không thể sống khác được. Cố gắng tập khí công, tập yoga để giữ sức khỏe chờ một ngày tươi sáng. Đêm tối rồi sẽ qua, ma quỷ rồi phải biến theo đêm trước mặt trời trí tuệ, cái ác sẽ phải quỳ gối trước lòng nhân ái. Bố của con. »

Tôi úa nước mắt. Cầu Trời Phật cho cha tôi sống được đến ngày gặp lại mẹ tôi và chúng tôi.

Nhờ anh bạn tù tốt bụng ¹, tôi chuyển được một bức thư cho cha tôi. Tôi hứa với cha sẽ thực hiện lời người dặn. Đến đó liên lạc giữa hai cha con chấm dứt.

Thỉnh thoảng Huỳnh Ngự gọi tôi ra, không phải để hỏi cung mà hỏi thăm sức khoẻ. Y lúng túng lắm mỗi lần bị tôi hỏi về thời hạn giam giữ. Nó kéo dài quá rồi, vượt qua mọi giới hạn rồi. Không thể cứ một mực gầm thét, mà y biết là vô ích. Chính y cũng cảm thấy mệt. Giờ đây, như một y tá bên giường bệnh, y an ủi tôi, nói những lời sáo rỗng về lòng tin ở lượng khoan hồng của Đảng, Đảng sáng suốt, Đảng là cha mẹ vv... Tôi thậm chí ái ngại cho y — y không đến nỗi quá ngu để không biết tí gì về pháp luật. Nhưng y không biết phải xử sự thế nào. Sự vi phạm pháp luật của các ông chủ y quá trắng trợn.

Trong những ngày ở xà lim Bất Bạt tôi thỉnh thoảng lại nhớ tới một câu nói của Hoàng :

– Tôi không muốn dọa anh. Dọa anh cũng chẳng được, tôi biết. Tôi tin anh dũng cảm, anh không sợ — anh đã bắt tay Thần Chết nhiều lần, như anh nói. Nhưng anh chưa biết đấy thôi — ở đời có nhiều cái còn đáng sợ hơn cái chết.

Hoàng đúng.

Chúng tôi không bị đánh đập, không bị giết. Chúng tôi chỉ bị chôn sống mà thôi.

Tôi không tưởng tượng nỗi mình có thể sống trong một cái cũi hẹp, đúng hơn là một cái huyệt kim tĩnh kiên cố, với một tấm phản, một cái bô, một ống buồng đựng nước. Không phải vài ngày, vài tháng, mà hàng năm. Một mình.

Trong một lần đi cung tôi gặp cô bộ đội dắt đứa con trai. Cháu bé chừng ba tuổi, lùn cùn bên mẹ. Nó nhìn tôi, nhoẻn cười. Tôi cười đáp, lấy tay vỗ. Nó cũng vỗ lại. Thằng bé mới khóc làm sao ! Tôi ngây người ngắm nó. Như thế nó là một kỳ quan của thế giới. Như thế trên đời này tôi chưa từng nhìn thấy một đứa bé. Tôi đi chậm lại để được ngắm nó lâu hơn. Tôi cảm thấy mắt tôi dung dung.

– Đi nhanh lên ! — viên *quản giáo* giục.

Mặc. Tôi đi ngang cháu bé. Tôi nhìn thấy những lông tơ trên đôi má phính mịn màng của nó. Tôi đi qua nó. Thật chậm. Cháu ngược nhìn tôi, đôi mắt trong veo, miệng lại nhoẻn cười. Người mẹ trẻ bồng nó lên tay. Cô nhìn tôi, cái nhìn đầy thương cảm.

(1) Cần phải ở trong nhà tù Việt Nam mới đáng giá được tấm lòng của người tù khi giúp bạn tù không quen biết như vậy. Bị bắt quả tang phạm tội, người tù đang được hưởng chế độ tù tự giác sẽ bị giam xà lim, bị cùm, mất mọi ưu đãi đang được hưởng.

Tôi ngoảnh lại, vẫy cháu bé. Nó vẫn nhìn theo, bàn tay tí xíu vẫn vẫy.

— Nhanh lên !

Viên quản giáo lại giục.

Đứa bé xa dần.

Tôi đã biết ăn đè, tiêu đè. Khốn nạn, thì ra cuộc đời còn có cái đè khác — *nhin đè*.

Một hôm, bên ngoài có tiếng cuốc lục cục, xoèn xoẹt trên mặt đất. Nhìn qua khe cửa sổ khép chặt, tôi thấy những bàn chân người den đùi bước tới bước lui — đó là tù ở trại chung được đưa vào khu xà lim làm vệ sinh. Khi họ đi khỏi, cửa sổ lại được mở. Trước mắt tôi là một khoảng đất trống, không còn lấy một nhúm cỏ. Ngay trước cửa sổ phòng tôi chừng hai mét có một cây con mới được trồng, loe hoe mấy cái lá.

Thế là màu xanh cuối cùng của sự sống bị tước nốt. Mắt đất bệch ra những sỏi cùng đá. Tôi buồn xỉu.

Sau nhiều ngày sống lay lút dưới nắng quái dữ dội, đặc biệt dữ dội ở trung du, cái cây quặt queo tưởng bị thiêu chết rồi đã đứng thẳng dậy, ngang ngạnh, bất khuất. Tôi thường ngâm nước trong miệng để phun cho nó. Việc tưới cây kiểu này chẳng dễ dàng — phải biết cách khéo léo để phun cho mạnh, phun cho xa và phải phun trúng.

Tôi đã ở đây với cái cây từ lúc nó bé tẹo cho tới khi nó toả bóng mát. Trong cái huyệt kim tĩnh ấy.

Cái cây con ngang bướng cũng là ân nhân của tôi trong những năm tháng bị giam cầm. Nó dạy tôi phải biết nghiên rãnh lại mà sống.

Người « đồng vụ » đầu tiên mà tôi gặp ở đây là Trần Minh Việt. Chúng tôi háo hức thông tin cho nhau.

Để hình dung tù xà lim nói chuyện với nhau bằng cách nào, trước tiên phải kể đến cái tường ở Bất Bạt. Không hiểu tên khốn kiếp nào đã sáng tạo ra lối vẩy xi măng lên tường như thế ? Phải là một tên kiến trúc sư cực kỳ dếu ciego, với trái tim thú dữ, mới làm ra được một bức tường ghê tởm như vậy. Nó xù xì, đầy gai nhọn và sắc. Người tù ngồi mỗi không dám dựa lưng vào đấy, dựa vào lưng sẽ ròm máu. Dùng tay gỗ vào tường có thể gây thương tích. Tôi phải bọc vải vào tay mà gỗ.

Cái khó là chúng tôi không sao thống nhất được ám hiệu truyền tin. Trước Cách mạng Tháng Tám tôi là một sói con¹ ở bầy Hồng Đức. Anh sói già Vương Trọng Thành chẳng những dạy dỗ chúng tôi trở thành những đứa trẻ từ tâm với phương châm « mỗi ngày làm một điều thiện », mà còn dạy chúng tôi biết nhiều cái vật vãnh mà hữu dụng khác, trong đó có ngôn ngữ Morse. Trần Minh Việt chưa bao giờ là sói, là huống đạo sinh, anh không biết đánh Morse như thế nào.

(1) Tổ chức thiểu nhi của huống đạo, rất phổ biến trên thế giới được xây dựng thành đội gọi là bầy sói gồm có huynh trưởng là sói già và các thiếu nhi trong đội là sói con như trong chuyện « Rừng » của Rudyard Kipling. Sau năm 1954 tổ chức này không tồn tại ở nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa nữa. Nó bị coi là của các giai cấp bóc lột.

(2) Nhà báo lão thành, được biết đến bởi những phóng sự chiến tranh trong kháng chiến chống Pháp.

Thành thủ chúng tôi dành dùng thử tín hiệu thủ công, trong đó các chữ cái cứ dài mãi ra theo thứ tự, chẳng hạn chữ a gỗ một tiếng thì chữ k phải gỗ mười tiếng, chữ v gỗ hai mươi mốt tiếng. Giữa các chữ là một khoảng lặng, kết thúc một từ là một tiếng gỗ thật mạnh. Nói chuyện như vậy rất chậm. Thế mà trong một tháng ở bên cạnh nhau tôi đã thông tin cho anh được hết những gì xảy ra bên ngoài kể từ tháng 7 cho tới tháng 12 năm 1967. Khi anh được biết về thông báo số 1, số 2 của Lê Đức Thọ, Trần Minh Việt đậm rầm rầm vào tường:

— Đồ chó đẻ ! Thằng khốn nạn !

Hai tháng sau bỗng nhiên tôi bị chuyển đi nơi khác. Không lý do. Chắc chắn không phải việc chúng tôi liên lạc với nhau bị lộ.

Chúng tôi mỗi ngày một thô lỗ thêm cùng với thời gian bị nhốt. Một hôm tôi nghe tiếng Lưu Động² oang oang vang động cả một vùng :

— Cút mẹ mày đi ! Đừng có mang mẩy thằng mất dạy nhà mày ra doạ tao. Bảo cho thằng Lê Đức Thọ khốn kiếp của chúng mày biết, tao ịa vào mồm nó ! Cả cái thằng Lê Duẩn ăn cút nữa ! Tao nguyên rủa con đĩ ngựa đẻ ra nó. Tiên sư chúng mày ! Tổ bố chúng mày !

Nghe Lưu Động chửi thật đăc con ráy ! Tiếng Lưu Động ồm ồm không lẫn với tiếng người khác được. Nền văn hoá làm cho con người bớt thật đi, bớt được là mình đi trong sự bộc lộ cảm xúc. Thỉnh thoảng phải được sống nguyên sơ, sống hoang dã như thế mới sướng. Tôi còn muốn nghe Lưu Động chửi nữa, nhưng đang chửi àm àm anh bỗng im bặt. Cơn giận dữ bùng lên qua nhanh, anh thấy ngượng với mình, thấy mình xử sự không xứng với tư cách trí thức.

Từ trong khúc ngoặt, viên y sĩ công an mặt xám ngoét, chạy như ma đuổi. Lính gác rầm rập chạy tới. Các cửa sổ đóng lại rầm rầm. Tôi ngồi trong bóng tối, lắng tai nghe những tiếng động từ bên ngoài. Có vẻ như không có gì xảy ra.

Chúng không đánh Lưu Động. Nếu chúng đánh anh tôi phải nghe thấy — căn cứ tiếng chửi vọng tới phòng tôi thì anh ở gần tôi, cách một ô là cùng. Từ đó tôi không nghe tiếng Lưu Động nữa — anh đã bị chuyển đi ô khác.

Tại trại Bất Bạt, chúng tôi còn được hưởng chế độ phơi nắng. Đó là một chế độ đặc biệt, được dành riêng cho tù nhân xét lại. Nó không phải giờ đi dạo của tù nhân các nước khác mà ta thường thấy trên màn ảnh. Một tuần một lần, quản giáo mở cửa cho tôi bước ra ngoài xà lim, nhưng không được đi quá bức tường ngắn, không được đi bách bộ ngắm cảnh, mà chọn lấy một chỗ có ánh nắng để đứng hoặc ngồi đấy mà... phơi. Như cách ta phơi đồ đặc để lâu ngày trong kho, cho khói mốc. Người trông chúng tôi phơi nắng không phải là quản giáo quân đội, mà là quản giáo công an, thường là một anh chàng bุง ra sữa, đã trở thành người quen, tên là Phiếu. Thỉnh thoảng viên quản giáo hiền lành đã đưa tôi lên dây cung để trống. Tôi đoán anh ta là một thầy giáo lảng. Thế mà đúng. Anh ta tên Quỳnh, trước dạy tiểu học ở Thanh Hóa, sau đi bộ đội, sang Lào, rồi sau mới chuyển ngành sang công an. Tính dễ dãi, hiền lành, thỉnh thoảng anh ta còn nói chuyện với tôi đôi câu. Có vẻ Quỳnh cũng chán ngấy cái thung lũng sỏi.

Trong một buổi phơi nắng như vậy, tôi nghe có tiếng phụ nữ hát ru bằng tiếng Anh trong chòi gác cách ô xà lim tôi không xa. Tôi sững sốt : chẳng lẽ ở đây có đàn bà bị giam ? Mà sao lại ở trên chòi gác ? Tôi lắng nghe và nhận ra tiếng người phát ra hình như từ lô cốt bên dưới chòi canh. Thôi chết rồi, tiếng chị Lan, vợ anh Phạm Viết¹. Tiếng chị Lan rất đặc biệt, trong và cao, nhưng không theo thé, mà đầm ấm, nghe một lần là nhớ.

Trời hỡi, thì ra không phải chỉ một gia đình tôi bị bắt cả cha lẫn con, bọn Duẩn — Thợ dã bắt Phạm Viết rồi, lại còn bắt cả vợ Phạm Viết nữa, mặc dầu chị đang phải nuôi các con nhỏ !

Tôi nhặt được một cái đinh. Mài nó đi tôi có một cái dùi. Bỏ ra một tuần tôi dùi một lỗ ở cửa ra vào. Nhờ lỗ này tôi quan sát được đường đi bên ngoài (người trong các ô xa phải đi men theo tường qua nhiều ô khác mới ra khỏi khu xà lim để đến chỗ làm việc).

Khi nào lính gác bỗng dừng chạy tới đóng cửa sổ là tôi biết chúng sắp giải tù đi ngang. Tôi nhìn thấy Vũ Huy Cương, Hồng Sĩ, Phạm Viết, Trần Minh Việt, Trần Thư, Huy Vân và những người khác tôi không quen. Thấy họ không đi cùng quần giáo bộ đội mà đi với quần giáo công an thì biết là người đồng vụ, thế thôi. Khốn nạn, thế mà chúng nó gọi là nhóm chống Đảng, là chống đối có tổ chức, không biết do.

Bây giờ tôi mới hiểu cái sự vu khống chính trị được tiến hành như thế nào. Thời kỳ Nhân văn – Giai phẩm nghe vậy biết vậy chứ tôi không hiểu.

Văn Cao, được dư luận chính thống coi như một trong những tên đầu xỏ đám trí thức mưu toan đoạt quyền lãnh đạo của Đảng, nói với tôi rằng toàn bộ vụ Nhân văn – Giai phẩm chỉ là trò đánh lận con đen.

« Hồi ấy, nhìn chung văn nghệ sĩ còn tin Đảng lắm, Văn Cao nói, còn yêu Đảng lắm. Gi thì gì Đảng vẫn là Đảng của mình. Là ruột thịt của mình. Nhưng là trí thức, bọn mình cũng nhìn thấy xã hội có những khuyết tật, những cái cần sửa chữa. Mỗi lần tiếng đề xuất . Đảng cầm quyền thì phải đề xuất với Đảng, còn đề xuất với ai ? Chuyện đề xuất bằng hình thức nào là cái không nên bắt bẻ. Không phải lúc nào cũng phải kính đơn. Phát biểu cũng được chứ sao. Viết báo cũng được chứ sao. Chẳng ai hô hào lật đổ các ông ấy cả. Chỉ có các ông ấy chu chéo lên : ôi giờ ơi, có địch, có địch ngay trong hàng ngũ chúng ta, rồi dựng thành vụ để trấn áp. Nguyễn Mạnh Tường chỉ ra cái sai trong sự thi hành luật pháp cũng bị đánh. Họ đánh tuốt trí thức, chứ không phải chỉ văn nghệ sĩ không thôđầu. Đánh để trị, để đe. Cậu muôn hỏi trong vụ này ai là tác giả à ? Không phải Hồ Chí Minh đâu, Ông Cụ không nghĩ ra cái đó, Ông Cụ không tệ đến thế. Cũng không phải Nguyễn Chí Thanh. Đừng vì vụ Trần Dần bị giam vào cải hối thất mà đổ cho luý. Thằng cha vô biền này lúc ấy còn bận củng cố địa vị vừa chiếm được của général Giáp. Tác giả chính là Longue Marche², là-Trường

Vì bài vở số này quá phong phú, chúng tôi phải tạm gác loạt bài về Cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Xin các tác giả và độc giả thông cảm.

Chinh. Tố Hữu ấy à ? Không, không phải đâu. Cần phải công bằng. Tố Hữu có không ưa mình, có làm khổ mình thật, do lòng đố kỵ mà ra. Mình cũng ghét cái thằng bắng nhắng ấy lắm. Nhưng có thể nào nói thế ấy. Tố Hữu chỉ là kẻ thừa hành thôi. Nói gì thì nói, trong lòng Tố Hữu vẫn còn một chút gì của nhà thơ chủ. Bề ngoài thì thế đấy – Tố Hữu lãnh đạo cuộc đánh từ đầu chí cuối. Người ta tưởng vụ Nhân văn – Giai phẩm nổ ra là bởi báo Nhân văn đăng mấy bài phê bình thơ Tố Hữu, Tố Hữu tức, Tố Hữu đánh. Nhầm hết. Longue Marche mới là kẻ sáng tác ra Nhân văn – Giai phẩm. Để chạy tội Cải cách ruộng đất. Để tạo ra cái hổ rác mà trút mọi tội lỗi của luý vào đấy. Chính Longue Marche chứ không ai khác. Đừng tước bản quyền của luý, tội nghiệp ! Longue Marche còn cho mồi mình và Nguyễn Tuân đến gặp. Luý nói cả tiếng đồng hồ về đảng tính, về trách nhiệm đảng viên. Chiêu hồi mà. Nguyễn Tuân nghe, mặt hất lên, ngáp không cần che miệng. Nguyễn Tuân vẫn thế — bất cần đời. Đôi lúc cũng có hèn một tí, hèn có mức độ thôi, trong đại đa số trường hợp là kẻ bất chấp. Mình nói với Longue Marche : « Nếu trong vườn hồng có sâu thì ta phải chịu khó mà bắt bằng tay, từng con một. Đổ ụp cả đống thuốc trừ sâu vào đấy thì chết cả vườn hồng. Rồi anh sẽ thấy : qua đợt đánh phá này không biết bao giờ nền văn nghệ Việt Nam mới ngóc đầu dậy được ! ». Luý nghe, mặt căng cẳng. Cái cách của Trường Chinh là thế. Luý gọi mình đến còn có ý này nữa : luý muốn mình phải hiểu — tôi đã chịu khó nghe các anh rồi đấy nhá, tôi dân chủ lắm rồi đấy nhá ! Chú còn cái nền văn nghệ của các anh, nó đáng giá mấy xu ? ».

Tôi ghi lại lời nói của Văn Cao ở đây để sau này có ai nghiên cứu thời kỳ Nhân văn – Giai phẩm có thể tìm thấy trong đó một chứng cứ của người trong cuộc.

Một hôm, tôi thấy Trần Minh Việt đi cung, khoảng vài giờ sau anh trở về, lúng củng những gói cùng bọc, vẻ mặt buồn rượi. Sau đó đến lượt Huy Vân, Trần Thư, Lưu Động, rồi mấy người nữa.

Họ được gặp gia đình, tôi kết luận.

Vụ án, theo tôi phán đoán, đã sang một chương mới không có lợi cho chúng tôi. Sau gần ba năm giám cầm không cần tuyên bố lý do, không cho chúng tôi gặp gia đình, mà không bị phản ứng cả trong Đảng lẫn ngoài xã hội, giờ đây nhà cầm quyền nhơn nhơn coi sự bỏ tù chúng tôi, những phần tử chống Đảng, là việc đương nhiên họ có quyền làm.

Vũ Thư Hiên

(1) Chị Nguyễn Thị Ngọc Lan hoạt động trong nội thành Hà Nội từ 1949 khi mới 17 tuổi. Bị địch bắt, bị tra tấn vẫn giữ khí tiết cách mạng. Khi bị bắt chị là giảng viên trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Người ta buộc tội chị làm tình báo cho thực dân Pháp (do năm 1953 chị có sang Pháp để chữa bệnh, năm 1954 được tổ chức gọi về để tiếp quản thành phố Hà Nội), làm tay sai cho Đảng cộng sản Anh (mà người trực tiếp chỉ đạo chị là bà Freda Cook, chuyên gia tiếng Anh tại Đại học Sư phạm Hà Nội !). Chị bị giam 2 năm rưỡi. Chị kể chị chỉ được tha sau khi bị bắt buộc phải “sáng tác” hai số đỗ tổ chức chống Đảng và tổ chức tình báo của Liên Xô tại Việt Nam. Về sau Đào Duy Tùng chưng những sơ đồ này ra như những bằng chứng về tội làm gián điệp của chị và của nhóm xét lại chống Đảng.
(2) Trường Chinh, tiếng Pháp.

Một mùa lăng mạn trong kháng chiến

Nguyễn Thắng

Đọc Nguyễn Hùng

Nguyễn Bình huyền thoại và sự thật, nxb Văn học, Hà Nội 1995, 494 tr.

Qua bến, truyện vừa 167 tr., trong tập truyện ký **Trên đất này ngày ấy**, Hội văn học nghệ thuật Sông Bé, 1995.

Đệ nhất cù lao, nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh 1995, 330 tr.

Những năm tháng buổi đầu kháng chiến đi vào ký ức tập thể người miền Nam trong ánh hào quang huyền thoại. Với những nhân vật vào ra xuất quỷ nhập thần trước mũi bọn chó săn, cõi mõi đạo quân xâm lược Pháp rải đầy đường, khắp chợ. Như thách thức, như đùa giỡn với cái chết. Những nhân vật hào hùng, thi vị, kịch tính hệt các nhân vật kiểu "hội vường đào anh hùng kết nghĩa" trong tiểu thuyết chương hồi Tam quốc chí diễn nghĩa.

Do cái nhìn thiên kiến? Hay phần nào cũng là có thật, những nét "yêu hùng" trong một vài con người dọc ngang nào biết trên đầu có ai, nổi lên trong những trang lịch sử buổi ban đầu này?

Nguyễn Hùng làm sống lại trong non nghìn trang sách của anh những con người ấy, những năm tháng ấy.

Từ những con người ngày nay chẳng mấy ai còn nhớ đến tên tuổi, đã âm thầm xây dựng phong trào cộng sản. Để cho, tại đồng bằng sông Cửu Long – ở cù lao Giêng, giữa sông Tiền và sông Hậu – cậu học trò trường trung học Cần Thơ Ung Văn Khiêm dẫn thân vào con đường cách mạng (**Đệ nhất cù lao**). Hành trình đã dẫn cậu đến chức vụ bộ trưởng ngoại giao cho đến khi bị liên lụy trong "vụ án xét lại".

Qua Bến kể chuyện anh Tám Nghệ – khu trưởng khu 7 Huỳnh Văn Nghệ. Trước khi lãnh chức vụ khu trưởng khu 7, anh là chi đội trưởng chi đội 10, có vai trò then chốt trong công cuộc xây dựng chiến khu Đ nơi anh sinh thành, khu phó khu 7 mà khu trưởng đầu tiên là Nguyễn Bình.

Nguyễn Bình, huyền thoại trong huyền thoại. Bí mật dày đặc khi trung ương phái vào, với danh nghĩa đặc phái viên. Bí mật trong hành tung ra vào Chợ Lớn, Sài Gòn thành lập các đội công tác thành. Bí mật bao trùm bức điện trung ương gọi về, và cái chết âm thầm trên đường ra Bắc.

Nguyễn Hùng báo cho ta rõ ngay từ đầu. Anh viết truyện: **Đệ nhất cù lao** là truyện dài tư liệu; **Nguyễn Bình** là một tiểu thuyết chương hồi.

Lá bài đã lật ngửa, Nguyễn Hùng viết truyện. Anh không phải là sử gia. Xin bạn nào có máu mê sử gia chớ quên!

Tuy nhiên điểm danh sách nhân chứng của anh thì hầu

như mỗi chương hồi đều mỗi có chứng nhân. Mà chẳng phải làm chứng để cho lấy có: thường là những người thấy tận mắt, từng vào sinh ra tử trong cái giai đoạn anh hùng.

Những hồi "Huyện Đông Triều mở rộng chiến khu", "Chiếm Hải Phòng, đặt đại bản doanh, Tiếp sứ giả Nguyễn Bình phản nỗ" có thể là ta đã được nghe qua, nhưng sao khỏi nửa tin nửa ngờ. Vì chẳng biết từ đâu nó tới: Phòng nhì của Pháp? Tuyên truyền của chính vị đặc phái viên? Nhân chứng giai đoạn này là thư ký của Nguyễn Bình ở chiến khu Đông Triều Vũ Đình Thiệp.

Cái lần xe đò chở mười hai người trong đó có Nguyễn Bình, Huỳnh Văn Nghệ, bị lính Nhật chặn lại xét hỏi lấy mất giấy giới thiệu Nguyễn Bình của bộ tổng tư lệnh trung ương trên đường đi họp Bưng Cầu, những lần đột nhập vào Chợ Lớn có khi ở lại cả nửa tháng "Nhà bị vây Nguyễn Bình vẫn thoát, Trở về khu suýt chết dọc đường", những nhân chứng chẳng ai khác là cô liên lạc thành mà cũng là người tình, người vợ của Nguyễn Bình, Hoàng Thị Thanh, là luật sư Nguyễn Thành Vĩnh, uỷ viên tài chính Nam bộ, một người bạn Nguyễn Bình tin cậy đến nhà tá túc khi bí mật vào Sài Gòn lần đầu, v.v...

Và cứ như thế Nguyễn Hùng kể lại công cuộc vị đặc phái viên từ trung ương vào với hai bàn tay trắng thống nhất các sứ quân mỗi người nắm bộ đội của mình mà dọc ngang một cõi. Với phong cách một giang hồ hảo hán. Mà chẳng phải là hảo hán thì đã chẳng tập hợp nổi những tay "yêu hùng" chọc trời quấy nước thời Pháp thuộc thành lực lượng vũ trang có tổ chức, có kỷ luật chiến lược chung.

Chuyện chẳng hiển nhiên chút nào vào thời ấy: chỉ cần nhắc lại vụ một bác sĩ người Pháp đi xe hơi qua Chánh Hưng coi mạch trị bệnh cho thân chủ, bộ đội Bình Xuyên bắt lại toan cho đi mò tôm. May sao gặp được Bảy Trần – Nguyễn Văn Trần đã từng theo học Đông Phương đại học Moscou khoá 1927-30, khi ấy là ủy viên trưởng quân sự Mặt trận số 4, Chánh Hưng thuộc khu vực mặt trận này – chặn lại, quyết định thả cho người Pháp về. Bỗng thấy một anh bộ đội Bình Xuyên xách súng lại cự nự "Bắt được Tây thì phải giết". Bảy Trần còn đang giải thích "Có Tây tốt, Tây xấu. Minh chỉ đánh Tây xấu thôi", anh lính đã chĩa súng qua nách ông uỷ viên trưởng quân sự mà bόp cό. Súng nổ, bác sĩ Pháp ngã gục. Bảy Trần đe đơn từ chúc, lý do không thể chỉ huy được mấy tay Bình Xuyên.

Và cũng chẳng thiếu mưu mô giết ngầm quỷ quái: mạo thư của chi đội trưởng chi đội 4 Mười Trí mời Nguyễn Bình đến dùng cơm, để đón đường ám sát. Đạn xuyên qua bả vai ngay loạt súng đầu, Nguyễn Bình ngã lăn. May sao có Hứa Văn Yến – sau này làm thủ trưởng bộ xây dựng – khi ấy là đại đội trưởng đem quân chạy tới cứu nguy đúng lúc.

Có những tình tiết chưa nhiều người biết, nhưng nó khắc hoạ không khí thời buổi ban đầu cách mạng. Như cái hồi "Giết ngựa khu trưởng nuôi đại đội, Võ Cương sợ quở lại được khen".

Tuy là viết truyện, Nguyễn Hùng góp nhặt được những dữ kiện có tính cách thuyết phục. Chẳng hạn cho câu hỏi cựu đảng viên Việt Nam quốc dân đảng Nguyễn Bình có gia

nhập Đảng cộng sản Việt Nam hay không ? Nguyễn Hùng đưa thời điểm tháng 2.1947, địa điểm Giồng Lức ở rìa Đồng tháp Mười, người làm lễ kết nạp là nhân chứng Vũ Huy Xứng, khi ấy ở trong Phòng tham mưu khu 7.

Tuy nhiên chớ quên là bạn đọc truyện đấy nhé ! Đã được voi thì đừng đòi tiên. Chẳng hạn nhưở trò đi tìm một cái nhìn về vai trò của vị trung tướng đầu tiên Nguyễn Bình trong chiến lược trên toàn thể đất nước. Sử gia Stein Tonnesson hé cho thấy, dù rằng chỉ viết về một thời điểm ngắn ngủi : tiến trình đưa đến ngày chiến tranh Đông Dương bùng nổ : 19.12.1946. Điện của Nguyễn Bình cho Võ Nguyên Giáp ngày 28.11.46 – mật thám báo cho nhà chức trách Pháp ngày 2.12.46 – gợi ý nếu có tấn công Hà Nội thì nên phá hoại nhà máy nước, nhà máy điện, phá cầu Gia Lâm, lập chướng ngại vật trên đường phố. Nguyễn Bình nói thế nào thì ba tuần lễ sau đó sự việc xảy ra y như vậy. Pháp cũng chặn được bức điện ngày 30.11.46 của Võ Nguyên Giáp đáp lại. Nội dung : Hoàn toàn nhất trí với ý định của anh. Chúng tôi đang chuẩn bị. Khi nào tin quân đội Pháp tấn công Hà Nội được xác nhận thì tất cả các mặt trận ở Nam Bộ đồng loạt tấn công (**1946 : Déclenchement de la guerre d'Indochine**, L'Harmattan, Paris 1987, tr. 169, 160, 172).

Câu truyện cứ chảy như dòng nước. Người đọc phải lưu ý mới thấy khúc quanh quan trọng tháng 7.1947. Thời điểm mà xứ ủy Nam bộ, có Lê Duẩn, Phạm Hùng khi ấy là bí thư, Ung Văn Khiêm, Trần Văn Trà, quyết định thống nhất Uỷ ban Hành chính và Uỷ ban kháng chiến Nam bộ.

Ông Bảy Trấn là người huy chốt. Khui thẳng “ *Lê Duẩn với tư cách uỷ viên trung ương đặc phái viên siêu lãnh đạo. Anh nêu ra vấn đề nâng cấp Nguyễn Bình làm tổng tư lệnh Nam bộ với Lê Duẩn làm chánh uỷ.* ”

Bốc Nguyễn Bình ra khỏi chức vị có thực quyền” (Nguyễn Văn Trấn, *Viết Cho Mẹ & Quốc Hội*, nxb Văn Nghệ, California, Hoa Kỳ, 1995, tr. 138).

Mùa kháng chiến lặng mẠn dường như chấm dứt vào cái tháng 7.47 này. Một mùa thu hoạch thật lớn. Những chiến thắng La Ngà, Đồng Xoài, Bàu Cá... Với sự thống nhất của các lực lượng vũ trang, lớn mạnh của kháng chiến.

Tuy nhiên lớn mạnh và thắng lợi lớn bao nhiêu lại lộ ra rõ bấy nhiêu các thiếu sót sờ hở trong tổ chức. Uỷ ban kháng chiến, Uỷ ban hành chính dẫm chân lên nhau. Các ban công tác thành của Nguyễn Bình hoạt động qua mặt thành uỷ Sài Gòn Chợ Lớn.

Mười Cúc – Nguyễn Văn Linh – kêu trời khiếu nại.

Đã đến lúc phải sắp xếp lại. Và bắt đầu một thời khác. Thời của những con người lạnh lùng cơ cǎn, của Lê Duẩn, Lê Đức Thọ. Chấm hết cái hào hùng lẳng lặng của một Nguyễn Bình khu trưởng biết thủ thi với tinh thần :

Em oi có phải em đi vắng

Chiều nay anh thấy ngẩn ngơ buồn

Đá Nguyễn Bình lên rồi. Còn mưu điệu hổ ly sơn cho Bảy Viễn ra khỏi Rừng Sát về làm khu trưởng khu 7. Truyền Nguyễn Hùng kể lờ mờ. Nhưng cũng Bảy Trấn nói thẳng ra chủ mưu chẳng ai khác là anh Ba Lê Duẩn. Và khẳng định

chính bản thân Bảy Trấn cùng Mười Trí thừa lệnh anh Ba đi thuyết khách mời Bảy Viễn phó hội (sđd tr. 138-139).

Tôi tin chuyện ông Bảy Trấn nói là có thật. Nhưng không vì thế mà gạt bỏ thoại của Nguyễn Hùng kể Tám Nghệ đơn thương độc mã đến Rừng Sát khích cho Bảy Viễn nhận lời. Vì khu 7 là khu 7, nó có độc lập của nó.

Và không khỏi có mâu thuẫn với Lê Duẩn. Bộ đội khu 7 thừa dịp Bảy Viễn về Đồng Tháp phó hội, lòn vào Rừng Sát tảo thanh tước vũ khí Bình Xuyên, hạ sát chi đội trưởng chi đội 25 Tư Ty và chi đội trưởng chi đội 7 Tư Hoạch. Mưu kế ít ra cũng phải là do chính uỷ khu 7 Hai Trí, và khó mà tin là không có sự đồng ý của Nguyễn Bình. Còn Lê Duẩn có được biết trước hay chăng, và biết tới đâu ?

Vụ này nổ ra, Bảy Viễn bỏ kháng chiến về hàng Pháp. Lê Duẩn, Nguyễn Bình mỗi người một ý : Khu trưởng khu 7 phải bộ đội của mình đuổi theo, còn uỷ viên trung ương Lê Duẩn ra lệnh rút, cho Bảy Viễn thông thả đi về thành.

Kết luận của ông Bảy Trấn : nhị vị tướng quân (Nguyễn Bình và Hai Trí) đã thắng Lê Duẩn.

Sau đấy cuộc sống chung giữa tổng tư lệnh Nam Bộ Nguyễn Bình và chính uỷ Lê Duẩn ra sao nhỉ ? Cho đến tháng sáu 1951, có lệnh trung ương gọi Nguyễn Bình ra Bắc. Chị Thanh đêm cuối cùng không được tâm sự với chồng. Vì có “ ông khách vô duyên ” kỳ đà cản mũi giăng võng nói chuyện suốt đêm với Nguyễn Bình. Chị mãi mãi ôm mối thất vọng. Người đọc cũng ngẩn ngơ. Ông khách là ai ? Có phải chính là ông Sáu Búa Lê Đức Thọ chăng ? Không biết được. Và day dứt những câu hỏi : bức điện trung ương gọi Nguyễn Bình về vì lý do gì ; tại sao đoàn bị phục kích trên đường ra Bắc, tình cờ hay đâu đó có tiết lộ bí mật ? Nguyễn Bình bị bắn chết trong trường hợp nào ? Những câu hỏi bỏ ngỏ, trong khi những người cùng đoàn ra Bắc chuyến ấy vẫn còn đó : Võ Bá Nhạc, chánh văn phòng bộ tư lệnh Nam bộ, người lớn tuổi lớn chức nhất sau Nguyễn Bình ; trưởng đoàn Sĩ Kiếng, thiếu tướng Nguyễn Văn Sỹ khi ấy là cán bộ trung đoàn được chọn ra học khoá quân sự trung cao cấp. Cả hai đều là nhân chứng của Nguyễn Hùng.

Này, bạn nào có máu mê sử gia xin hãy dẹp nó qua một bên nhé ! Có thời cho truyện, có thời cho sử. Thời sử chưa đến mà tay cầm truyện hay thì hãy cứ châm một bình trà ngọt, nhâm nhi thưởng thức.

Biết đâu bạn lại chẳng như tôi, gật gù tự nhủ : Ô ! Ra nhà văn Nguyễn Hùng có cái lý của anh. Giọng truyện chuong hồi xem ra lại hợp với những nhân vật hào hùng mà lẳng lặng như Nguyễn Bình, như Huỳnh Văn Nghệ. Không khéo cái khách quan lạnh lùng của sử lai giết chết mất đi nét hào hoa của những con người anh hùng trong một thời thế dị thường. Đầy say mê và phẫn nộ, đã cuốn theo chiều gió.

Dường như vị tướng thi sĩ Huỳnh Văn Nghệ có linh cảm :

Gởi lại bạn mấy văn thơ trên cát

Và giờ đây, tôi qua bến lên đường.

Hai câu thơ này đồng chí, bạn bè tưởng nhớ anh Tám Nghệ đã cho khắc trên bia trước mộ anh.

Nguyễn Thắng (1.1997)

Thiên Nam

THẦY

chuyện kể

Ai lên ải Bắc ngày xưa ấy
Khóc tiễn cha đi mấy dặm đường

Tố Hữu

Tự nhiên nước mắt tôi cứ úa ra khi ngồi nhìn thầy dùng bàn là điện cẩn trọng là phẳng tùng tờ đố. "Phải chọn nấc nhiệt độ thích hợp — thầy giảng giải — người quá, các nếp gấp trên giấy bạc sẽ khó mất. Nguoi lại, chỉ hơi nóng quá một tí thôi là sẽ để lai vết là nhăn bồng, khi mua hàng, chủ hàng khó tính nó sẽ không nhận". Cứ sau vài phút là, thầy lại cầm tờ đố giơ cao lên, ngắm nghiêng, ngắm phẳng, hệt như ông thợ mộc lành nghề đang bào để vào mộng một chi tiết khó trong chiếc tủ gương. À, mà sao tôi lại phải đi ví von khập khiễng thế nhỉ. Không cần phải ví với ông thợ mộc nào cả. Tôi nhớ lại từng động tác của thầy trên bức giảng: những đường phấn kẻ rất thẳng, dấu tích phân⁽¹⁾ lượn thật gọn mà thật khéo. Và, giọng giảng bài của thầy: điềm đạm, từ tốn.

Hết mấy tờ đố phải là, thầy thận trọng đặt dựng chiếc bàn là lên mặt bàn, không tắt điện mà vặn xuống nấc thấp để chờ mè đố mới chị bạn thầy đang rửa trong toalet. Xong, thầy ngẩng lên đưa tay vuốt ngược mồ tóc bết mồ hôi trên trán. Chao, tóc thầy đã bạc nhiều thế ư? Tôi nhắc lại cùng thầy vài kí niệm cũ và rưng rưng đọc thầy nghe một đoạn thơ của bạn Cầm, trong đó có câu: "Ôi tóc thầy, tóc chờ có bạc thêm". Thầy nhìn tôi, cười rất vui. Đôi mắt thăm quan sau một đêm căng thẳng, thiếu ngủ, ánh lên những nét tươi tắn, trẻ trung — là một nhà toán học nhưng thầy rất yêu thơ.

Chị bạn thầy từ trong phòng toalet bước ra, tay cầm một tập đố dày, ướt sũng, gồm có tờ năm mươi, hai mươi, mươi, thậm chí có cả tờ năm đố! Vừa đi, chị vừa vẩy vẩy tập đố cho ráo bớt nước, không để ý, suýt nữa chị vấp vào tôi vốn đang ngồi bệt giữa sàn nhà, ngay lối vào, với cốc bia, và thơ. Nhận ra tôi là người lạ, chị có vẻ ngượng với cái mùi thức ăn ở ruột già thum thùm bốc ra từ mấy tờ đố. Để chị đỡ ngượng, thầy đón lấy tập đố từ tay chị và nhanh nhẹn với hộp xịt Hungari để trên nóc tủ. Vừa say sưa nghe tôi đọc những câu thơ đắc ý, thầy vừa dàn lật mở đố la và cẩn trọng xịt thứ nước thơm Hungari lên khắp tùng tờ đố. Rồi, ván bàn là lên đúng nấc, thầy tiếp tục công việc. Khi bàn là chạm vào tờ đố, hơi nóng làm *thăng hoa* chùng ấy thứ mùi cùng một lúc: mùi nước thơm Hungari, mùi thức ăn đã tiêu hoá kỹ, và thơ. Tất cả quyện vào nhau trong căn phòng nhỏ đóng kín cửa, và, không biết do ơn huệ từ đâu, lò sưởi cực nóng. Ngột ngạt. Ngoài trời tuyet rơi dày, bám đầy lên cửa sổ.

Tôi biết thầy đã lâu, khi tôi mới ngồi ngang bước chân vào đại học. Khi ấy tôi là sinh viên nông dân mặc áo lính: danh hiệu sinh viên, bản chất nông dân, áo quần bộ đội. Sau năm năm, trải ba số phận: số phận Thằng Bờm, số

phận cụ Tú Xương, số phận Đoàn Viên; giữ ba chức danh: Trí thức cày ruộng, Dân công hoả tuyến, Bộ đội tình nguyện, từ cao nguyên Xiêng Khoảng tôi được giải ngũ về quê. Rồi, không biết do sự sơ xuất của ông phó chủ tịch xã phụ trách nội chính, hay do sự rộng lượng của chính quyền địa phương, mà tôi nhận được giấy báo vào đại học, cắt chuyển hộ khẩu, lương thực rất sớm và cực kỳ trót lọt. Vào trường, nhận phòng, nhận giường xong xuôi rồi mà tôi cứ không tin là thật.

Chúng tôi, những người bộ đội, thanh niên xung phong về học, được trường gọi nhập học sớm hơn các bạn từ học sinh phổ thông lên một tháng. Trường tổ chức chúng tôi thành hai lớp ôn tập: tự nhiên và xã hội. Người hướng dẫn bọn tôi ôn tập môn hình học là một thầy giáo trẻ. Những cậu thạo tin trong lớp cho hay: thầy tốt nghiệp bằng đỗ trường Lômô-nôxốp về. Những bài hình học khó, dưới viên phấn của thầy, trở nên minh bạch, thật đáng yêu. Tôi vốn xuất thân ở xó rừng Con Cuông. Thầy dạy toán giỏi nhất trường cấp ba của chúng tôi hè nào cũng phải về Vinh sỏi kinh nấu súp cho kỳ thi tốt nghiệp cử nhân. Có lẽ vì vậy mà tôi ngồi nghe thầy bằng đỗ giảng hình cứ như là được ăn cơm thịt (từ bé tôi vốn không biết là thịt rất ngon). Những lúc đắc ý, ngồi dưới lớp tôi cứ thầm thì: thế mới gọi là bằng đỗ chứ, thế mới là Liên Xô, thế mới là nước Nga! Có những lúc nghe giảng say sưa quá, tôi há hốc mồm ngồi... mơ nước Nga, đến nỗi thằng bạn người Nam Hà ngồi bên cạnh phải lấy quyển vở che khéo miệng tôi lại và nhắc: mày quê quá.

Nhưng, thầy của tôi không phải ông thầy trẻ ấy. Ông thầy trẻ không biết giảng đại số, chỉ biết giảng hình học, hay ít ra ông ấy tỏ ra như vậy. Còn một tuần nữa thì kết thúc khóa ôn tập, cô giáo chủ nhiệm (cũng tốt nghiệp bằng đỗ ở Nga về, hình như ở Kiếp — xin bạn đọc lượng thứ, trong tiềm thức của chúng tôi và của không ít người dân Đông Âu, tất cả các xứ của Liên bang Xô Viết cũ đều là Nga, là Rusia tuốt) — xin nhắc lại — cô giáo chủ nhiệm trân trọng giới thiệu với chúng tôi một ông thầy mới. Cô bảo: tuần cuối này tất cả các giờ toán sẽ do thầy mới giảng. Chao: cả hình học, cả đại số, cả lượng giác — một vị bách khoa! Các nguồn thao tin cho hay: thầy là cán bộ đầu đàn của ngành toán, phó tiến sĩ toán học vào loại sớm nhất của nước ta tốt nghiệp ở Liên Xô. Ôi, nước Nga, cái nôi của văn minh, thành trì của khoa học! Chúng tôi hồi hộp chờ thầy như trẻ con ngồi chờ xem ông khổng lồ hiện ra từ những trang cổ tích. Nhưng, thầy không phải là ông khổng lồ. Thầy giản dị lắm. Thầy muốn góp phần giúp chúng tôi, những người bị thiệt thòi, sớm theo kịp chúng bạn trên con đường học vấn. Trong ba tiết học đầu, thầy tóm tắt gọn gàng tất cả các điểm chốt của cả ba môn: hình, đại, lượng của bậc phổ thông. Sáu tiết sau, thầy đưa chúng tôi lạc vào thế giới của toán học cao cấp lúc nào không hay. Dưới viên phấn của thầy hoá ra toán học cao cấp cũng chẳng phải là cái gì ghê gớm lắm. Cái dấu tích phân⁽¹⁾ gọn và khéo mà tôi nhắc đến ở đầu chuyện chính là từ sáu tiết giảng này đây. Giờ giải lao, thầy không ra ngoài mà ở lại trong lớp hỏi chuyện chúng tôi. Thầy hỏi về rệp ở ký túc xá và những con sốt rét còn dây dưa ở một vài người, trong đó có tôi. Lúc đó tôi cảm động ứa nước mắt. Chúng tôi háo hức đề nghị thầy kể cho nghe về nước Nga văn minh và vĩ đại. Thầy từ tốn bảo: nước Nga tiến cách chúng ta rất xa. Nước Nga có một nền khoa học kinh viện hàng đầu, một nền kỹ thuật tương đối

(1) *Signe d'intégrale*, ký hiệu toán học, hình chữ S dài, thon.

phát triển. Nhưng, thầy nói chữ *nhưng* gần như thầm thì, về trình độ văn minh thì nước Nga thấp hơn nhiều nước, chẳng hạn Ba Lan, Cộng hoà Dân chủ Đức, Pháp. Mặc dù rất kính trọng thầy, ngưỡng mộ là điều khác, nhưng những kiến thức tôi đã ki cớp được từ tấm bé cho đến lúc ấy cứ lặng lẽ vê lên trong đầu tôi một dấu hỏi lớn : Liệu thầy có tư tưởng xét lại không ?

Là dân *cá gỗ* nên tôi học rất chăm chỉ. Tuy chưa lần nào tôi được kiến diện một ông đồ xứ Nghệ nào, nhưng tôi tự thấy trong mình có giòng máu của họ : trọng sự học, coi thường nghèo khó. Nhờ thế, ơn trời, hai năm đầu tôi là học sinh xuất sắc của trường. Và cũng nhờ thế, ơn trời, thầy biết và quen đến tôi.

Số là vào năm học thứ ba, nhân dịp lễ 20 tháng 11 (2), một thầy thuộc chán loong toong ở phòng giáo vụ (lúc ấy tôi nghĩ thầy này chức to lắm chứ không phải là chán loong toong) mới gọi tôi lên giao cho nhiệm vụ thay mặt học sinh toàn trường đọc một bài *dít cua* dài mười phút chúc mừng các thầy cô giáo ở hội trường lớn. Tôi chuẩn bị bài *dít cua* rất kỹ, rất văn chương, mặc dù tôi học ngành khoa học tự nhiên. Có lẽ đấy là tại cái máu xứ Nghệ của tôi (cũng lạ, cái xứ quanh năm ngày tháng toàn *nhút* (3) với *tương* mà, cứ mười người thì chí ít cũng phải có bảy người thích thơ và tập tọng làm thơ). Tôi còn nhớ rõ cảnh toàn hội trường im lặng cảm động ngồi nghe bài *dít cua* của tôi, nhất là đoạn tôi nhắc lại về tình cảm thầy trò trong chiến tranh, có mượn đoạn thơ sau đây của bạn Đỗ Minh Tuấn :

Ngả ba lô tôi đi tìm đồng hương
Quân đồng nén cái nhín rất vội
Từ cuối hàng quân bồng bung ra tiếng gọi
Bóng tô châu ùa lại phía tôi
Sung sướng run người, tôi reo khẽ : Thầy !
Nòng súng AK và hai cánh tay
Cùng choàng lên tôi âu yếm
Trí óc tôi chợt bừng sôi kỷ niệm
Năm tháng sinh viên và những mái trường
Tiếng giảng bài của thầy át tiếng bom rung

Hai tai nóng bừng, tôi trở về hàng ghế đại biểu trong tiếng hoan hô ran hội trường. Một bàn tay dịu dàng đặt lên vai tôi và giọng nói thật hiền : “ Nam đọc bài phát biểu thật hay ” (Nam là tên tôi). Tôi ngẩng lên : thầy ! Vậy là thầy đã biết tên tôi, thầy quen đến tôi. Vinh dự và cảm động làm tôi quên hẳn thắc mắc về tư tưởng xét lại có thể có ở thầy thuở xưa.

Thầy rất mồ phạm. Mặc dù đảm nhiệm nhiều chức vụ nhưng thầy không bao giờ chịu giảm giờ lên lớp. Tuy không trực tiếp học với thầy, nhưng từ sau buổi 20 tháng 11 ấy, tôi rất được thầy ưu ái. Thầy sống chùng mực, gương mẫu, giản dị và đại chúng. Thỉnh thoảng được thầy mời đến nhà chơi, nên tôi được chứng kiến nhiều hình diện tiếp xúc của thầy. Vối ai cũng vẫn một phong thái ấy, một niềm tự tin ấy. Nhìn ngoài bộ trưởng, ánh mắt thầy không ngưỡng mộ, không khâm numen. Nhìn bà nhà ăn, ánh mắt thầy không thương hại, không ban ơn. Chẳng bù cho ông hiệu phó trường tôi (sau này lên chức cốp) : có lần tôi thấy ông tiếp một chuyên gia Nga. Tan học, tôi đi từ trên giảng đường xuống, gặp ông cùng ông

(2) Ngày thầy giáo

(3) Món chua làm bằng xo mít

(4) Equations différentielles

(5) Mậu dịch quốc doanh

chuyên gia nọ đi từ dưới cầu thang lên. Ông Ta người thấp bé, ông Tây người cao to. Họ vừa đi vừa nói chuyện với nhau bằng tiếng Nga. Bất chợt tôi bắt gặp ánh mắt ông Ta nhìn ông Tây. Suốt đời tôi không quên được ánh mắt ấy : nó đầy ngưỡng mộ và đầy kỳ vọng của một tinh thần nhược tiểu. Thầy của tôi không thế.

Là một nhà toán học nhưng thầy rất yêu thơ. Thầy rủ tôi đến nhà cũng chủ yếu là để nói chuyện thơ. Thầy bảo : nói chuyện với Nam vừa tầm mình, nói chuyện với mấy câu khoa Văn sợ không hợp. Lần thầy được in cuốn giáo trình *Phương trình vi phân* (4), thầy làm một bữa liên hoan nhỏ bằng phần tiền nhuận bút khiêm tốn, và, khách mời chỉ có mỗi mình tôi. Căn hộ trong toà nhà lợp giấy dầu ở khu tập thể Bách Khoa gồm chái bếp, phòng ở và hiên nhà. Đêm mất điện. Vợ con thầy ăn ở dưới bếp. Tôi và thầy trải chiếu coi ngồi ngoài hiên. Một trời đầy trăng. Một cút rượu nút lá chuối khô. Hai cái chén hạt mít. Một bát chiết yêu đầy chuối xanh với ốc bươu nấu giả ba ba. Một đĩa lạc rang rất khéo. Và tất nhiên, một âu đầy cơm gạo quê (ngày thường, cũng như lũ sinh viên chúng tôi, gia đình thầy ăn gạo *mâu* (5)). Chúng tôi mừng một công trình toán học bằng một... đêm thơ. Mở đầu, vì ngồi ngoài hiên nên tôi đọc thầy nghe mấy câu của bạn Cầm :

Tôi cay đắng nhiều năm...

Thôi chẳng kể

Trăm ngàn đêm trú tạm mái hiên người

Đi qua vạn hội hè, ôm mặt khóc

Cỏ xanh trầm, cảm lặng, búp da roi.

Không ngờ thầy ôm mặt khóc thật. Tôi bàng hoàng : hoá ra đời thầy cũng có uẩn khúc ? Rồi, thầy đọc tôi nghe một số bài thơ thầy làm ở quê hương Pushkin, ở quê hương Anatole France. Thơ thầy không hay nhưng có hồn. Một hồn thơ tự tin, không vay mượn và đượm tình cõi hương. Vui chuyện, thầy bảo : người Việt mình không ngu, chỉ có điều hoàn cảnh lịch sử nó làm mình dốt, mình lạc hậu. Phải học thôi Nam ạ. Chỉ có khoa học và kỹ thuật mới làm người Việt mình mở mày mở mặt ra được. Tôi chưa ra nước ngoài lần nào nên không có được cái tầm nhìn của thầy. Lúc ấy tôi chỉ nghĩ như các cụ đồ : cái chữ là cái quý, lắm chữ hơn nhiều tiền. Và, cố làm cái bằng đại học, hay cao hơn, cái bằng phó tiến sĩ, để đem tiếng thơm lại cho gia đình và cho xứ Con Cuông khỉ ho cò gáy của tôi. Tuyệt nhiên không đến tầm yêu nước. Cũng không có chuyện tiền nong.

Năm tháng cắn đuôi nhau trôi đi. Các cụ bảo “ *Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng* ”, quả có vậy. Thầy có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành tư cách của tôi sau này : không ngạo mạn, nhưng không nhược tiểu. Ra trường, tôi theo gót thầy : cũng sự phạm và mồ phạm. Có lần, ở chợ Xanh, tôi tự duy quá lâu trước mớ rau muống già, làm chị hàng rau phát cáu mèn buột miệng : “ *Nghe giọng nói biết ngay không mua được rau bà đâu* ”. Tôi điếc người. Thật “ *com áo không đùa với khách thơ* ”.

Rồi số phận run rủi tôi đi Tây. Từ đó tôi xa thầy và gần như quên thầy. Nền văn minh vật chất phương Tây nó làm hư tôi. Bảo vệ xong cái phó tiến sĩ, thay vì về làm rạng rỡ xứ Con Cuông khỉ ho cò gáy của tôi, thay vì làm khoa học, tôi ở lại đi buôn, hay nói theo ngôn ngữ mới là làm *nhà doanh nghiệp*. Nhưng, nhoc nhẫn lắm bạn đọc thân mến ạ. Chắc bạn đã nghe câu, hình như của cụ Mác, đại ý nói : thời kỳ tích luỹ tư bản được ghi bằng máu và nước mắt. Về thời kỳ

tích luỹ tư bản của tôi và chúng bạn, có dịp tôi sẽ kể bạn nghe. Đây đang nói chuyện thầy tôi. Sau khi Đông Âu đổi mới, thầy có qua lại đây mấy lần, nhưng tôi chỉ nghe tin mà không gặp. Nghe đâu một lần thầy đi dự hội nghị toán học quốc tế ở Hà Lan về ngang qua, một lần thì thầy được mời sang giảng một chuyên đề ở trung tâm Banach. Số tôi sinh ra ở xó rùng nên đi Tây cũng lại phải ở nơi heo hút, không được ở thủ đô. Vậy nên thầy trò mới không được gặp nhau. Lần này thầy ở được lâu. Tôi thì cũng đã chuyển lên thủ đô để thuận tiện doanh nghiệp. Gặp lại thầy, cái máu mê thơ tưởng đã chết lạnh trong tôi bỗng lại thức dậy. Thầy trò tâm đắc lắm. Thầy vẫn như xưa : điềm đạm, từ tốn, tự tin và... yêu thơ.

Tối đó tôi ngủ lại cùng thầy. Nhà có mỗi một chiếc ghế bành ngả ra làm giường, chúng tôi ưu tiên phụ nữ. Hai thầy trò tôi hút bụi thảm, trải ga ra, đắp chung cái chăn chiên, nầm tẩm sụ. Tho đọc chán cả chiều rồi, tôi nói chuyện làm ăn. Thầy kể, hai chuyến đi vừa rồi thầy cũng kết hợp đi lại kiểm được ít tiền, về đủ xây một ngôi nhà hai tầng khang trang trên mảnh đất trường chia cho. Phần trang trí sắm sửa nội thất trông cậy vào chuyến này. Thầy rủ rỉ : Nam ạ, phải đứng trên chính đôi chân của mình thì mới vươn lên được, mới tiến nhanh, mạnh và vững chắc được. Trước kia ý lại, trông chờ vào đồng lương nhà nước nên suốt đời nghèo. Hai đợt đi trước, mình chỉ thuần làm *cửu vạn*⁽⁶⁾, với cái hộ chiếu xanh⁽⁷⁾, đi lại mang hàng cho mấy cậu học trò cũ và họ trả thù lao, nên không ăn thua. Lại còn bị sĩ nhục chứ. Rồi thầy kể tôi nghe chuyện thầy bị cậu học sinh cũ mắng cho té tát mà đành ngồi cúi đầu nghe. Chuyện này dài, xứng để viết nên thiênh truyện *Luật thương mại*, tôi đang để dành, xin chưa kể ra đây. Về khuya, khi chỉ bạn thầy đã ngủ say, tiếng ngáy vo vo, thầy mới mạnh dạn kể tôi nghe chuyện hai người vượt ải đêm qua.

Thầy bảo : Cái bọn bên Mát⁽⁸⁾ nó tệ. Đều là học trò cũ của mình cả mà nó cho mình toàn tiền lẻ. Các chuyến trước máy tính đang khan, họ săn đón *thầy cô* thịnh tình. Tiền *tươi*, mà *tươi rái* nhé, lại toàn tiền một trăm đô, nên thao tác đơn giản, gọn nhẹ, qua ải bình yên. Lần này *thẻ xanh*⁽⁷⁾ từ Angiê về nhiều, hàng bộn, đi chậm. Máy của bọn mình không bị *xu khôi*⁽⁹⁾ nhưng là tiền héo. Ai đòi, cậu bảo, được dăm tờ một trăm, còn toàn là tiền năm, hai, một chục. Thậm chí cô bạn mình còn phải nhận một cặp dày tờ năm đô. Ngoài tiền bán máy tính của bọn mình ra, bọn mình còn nhận *cửu vạn*, tải thêm tiền về cho các *soái*⁽⁶⁾, để kiểm bù cái vé tàu năm hai chiều. Thế nên mới nặng gánh. Khâu chuẩn bị cũng không được tốt. Đang ngồi ở Đêm Năm⁽¹⁰⁾ gói tiền thì cậu chạy vé vào giục đi. Đành phải bốc nhét tiền vào túi, nhảy ra tắc xi cho kịp giờ tàu về đây. Lên tàu mới loay hoay. Mình già yếu ở giường dưới. Cô ấy trẻ khoẻ lên giường trên. May mà giường giữa không có ai. Bọn mình loay hoay cuộn gói tiền thành nhiều lọn. Mỗi lọn lấy giây chỉ buộc trong, bao cao

(6) *Cửu vạn* : nghĩa đen là con bài tổ tôm hay chấn, vẽ hình người xác hàng nặng trên vai, nghĩa bóng là người chuyển hàng thuê qua biên giới cho cái *soái* (lái buôn lớn).

(7) *Hộ chiếu xanh* hay *thẻ xanh* : hộ chiếu công vụ.

(8) Mátxcova (Moscou/Moscow) thủ đô Nga.

(9) *Xukhôi* (tiếng Nga “bồi”) : mua chịu.

(10) Ngôi nhà ở của nghiên cứu sinh ở Mátxcova, nay trở thành một chợ Việt Nam nổi tiếng.

(11) túi tránh thai (condom, préservatif)

su⁽¹¹⁾ bọc ngoài. Phải làm giấu giếm giếm dưới ánh điện tù mù. Đường sắt thì xấu. Tàu lắc kinh. Mãi đến nửa đêm hôm qua mới gói xong. Mỗi người sáu lọn, mỗi lọn ba mươi tờ, vị chi ba sáu mươi tấm, một trăm tấm mươi tờ. Bao cao su thiếu, cô ấy ưu tiên phần mình. Phần cô ấy có ba lọn phải bọc bằng bao nilon. Xong, đến phần nhét. Mình nhét khoảng một tiếng thì xong cả sáu lọn. Cứ như là *chúng* tan biến mất trong dịch ruột già, không cảm thấy gì cả. Thấy giường cô ấy lặng tờ, mình yên tâm chợp đi được một lúc. Bỗng nghe cô ấy gọi : “ Anh ! Anh ! Làm sao bây giờ ? Ba lọn bọc nilon cứng quá, em cố mãi mà chả nhét được lọn nào ”. Mình bảo : phải cố xem. Cô ấy bảo : đau lắm. Tàu lao nhanh trong đêm. Cửa ải mỗi lúc lại gần. Mình bảo cô ấy đưa thủ mình một lọn. Cố lựa, nhét. Đau ơi là đau. Mãi rồi mình cũng nhét vào được. Sờ tay xuống thấy dít dính ướt, chắc chảy máu. Cô ấy vẫn không nhét vào được. Hình như phụ nữ họ khó vượt qua ngưỡng tâm lí hơn đàn ông. Mình bảo : hay là giấu vào chấn. Cô ấy cự : không được, hải quan nó khám ra ngay.

Chắc vì quá lo nên khi tàu kéo còi vào ải thì cô ấy nhét liên tiếp được cả hai lọn vào. Hú vía ! Tàu dừng nơi ga ải. Bọn mình trống ngực to hơn trống trường. Hải quan Nga rất hách. Thấy hai đứa bọn mình chúng ò lên thô lỗ và xúm vào khám xét như sấp bắt được của. Chúng khám kỹ lắm : xoi hết các ngách, giật rèm cửa, sờ nắn người, đổ cả lọ mắm tôm ra lấy que khều, làm cả toa ngọt thở. Không thấy gì, chúng ức lấm, đã định bỏ đi. Bỗng một thằng quay lại cầm tay mình lôi xèn xéch đến ngán toa lét. Minh giả vờ không biết tiếng Nga, chỉ xổ toàn tiếng Pháp, mặt tái dại, giọng lắp bắp. Chúng gọi một tay bập bẹ biết tiếng Pháp đến. Nó bắt mình cởi quần, chổng mông. Nó bành lỗ dít mình ra, soi đèn pin vào. Chúng nó ngu. Cửa ấy có nắm đâu ở ngoài mà soi đèn thấy được. Tha mình, chúng định đưa cô bạn mình đi soi, không hiểu sao lại thôi. Tàu chuyển bánh, vẫn chưa hết lo. Mãi khi một đoàn lính biên phòng đến khám hộ chiếu, nghe tiếng nói vang lên không phải tiếng Nga bọn mình mới thở phào.

Tiên sư nó chứ — thầy chửi tục, lần đầu tiên tôi nghe thầy chửi tục — mình mang máy tính là thứ máy móc văn minh vào khai sáng cho nước nó, nó đánh thuế đắt đàng hoàng, mà nó không cho mình mang tiền ra, phải cho tiền đi *đường ruột* thế này, bức lấm. Trình độ văn minh nước Nga còn thấp quá.

Nói xong, thầy nằm im. Tự dung tôi thấy thương thầy vô hạn. Phần tôi đã dành : xuất thân từ xứ khỉ ho cò gáy, bản chất nông dân lam lũ, nghèo đói, nên khi kiểm ăn “ thân lươn bao quản lấm đầu ”. Còn thầy. Tôi quay sang : thầy đã ngủ tự bao giờ, mặt hướng thẳng lên trần nhà, hai tay bắt chéo trước bụng. Tư thế rất là mê phạm. Tôi kéo chấn đắp cho thầy và nằm nghe hai điệu ngáy vo vo. Ngoài kia tuyêt vẫn rơi dày. Mai lạnh, chắc thầy nghỉ ở nhà, và thầy trò sẽ lại tiếp tục bình thường.

Viết xong ngày 20.03.1996 tại Warszawa
Ngâm ngùi sửa chép lại ngày 20.11.1996

Thiên Nam

Thơ gửi em

Ánh sáng của cái-không-nhìn-thấy

Lý Sơn

Em không biết anh lúng túng đến đâu khi em nói là em không hiểu gì về tranh anh. Rất nhiều người đã nói như vậy, anh quen rồi. Nhưng với em thì khác, em yêu hội họa, và anh chỉ có hội họa để dâng tặng mọi người, dâng tặng những người mình yêu. Câu nói của em lại gọi trong anh nỗi băn khoăn từ lâu ám ảnh : vẽ cho ai ? Hồi mới hai mươi tuổi, trong một lần tranh luận với mọi người về nghệ thuật và quần chúng anh đã nói : “ Mẹ tôi không hiểu và không quan tâm đến tranh tôi vẽ ” rồi lặng người đi.

Năm tháng trôi qua, anh vẫn vẽ và đi theo đường không chọn là trừu tượng. Và anh vẫn muốn dâng tặng mẹ anh và em tất cả những gì anh có thể đạt tới. Không đủ can đảm để nói về tranh mình (anh sợ người làm nghệ thuật luôn tìm dịp ca ngợi “ tác phẩm ” của mình) anh sẽ chuyện trò lan man với em về hội họa, trước hết là hội họa trừu tượng, với hy vọng giúp em, qua những gợi ý, tiếp cận với loại nghệ thuật “ không hiểu được ” này. Nếu anh thành công, em sẽ đánh giá được cái anh muốn dâng tặng em, không những vậy cả nền hội họa trừu tượng cũng là của em luôn. Vậy nghe nhé baby.

Em hãy hình dung nghệ thuật trừu tượng như một cuộc hành hương từ cái không thấy về miền chưa biết để tìm cái đẹp. Người ta không xác định được cái không thấy, người ta không chỉ ra được ở đâu xú sở chưa biết và sau hết người ta không quyết đoán được thế nào là cái đẹp. Rắc rối và mù mờ. Nhưng tất cả mọi hoạt động nghệ thuật đều bắt đầu ở đó.

Chúng ta sống trên mặt đất nhưng không thấy được lòng đất, nơi cất giấu biết bao vật quý, nơi những trận động đất âm thầm chuẩn bị... Chúng ta thấy cái cây xanh tươi, nở hoa kết trái nhưng không thấy bộ rẽ của nó. Chúng ta không thấy được phần chìm của tảng băng trôi. Chúng ta thấy con người nhưng không thấy được số phận của họ, chúng ta thấy những đôi tình nhân nhưng không thấy được tình yêu. Anh thấy em, nhưng anh không thấy được sự vắng mặt của em. Bằng mắt, anh không thấy được thế giới bên trong của anh, niềm vui, nỗi đau, hy vọng, thất vọng... và cái gì đó nữa không hẳn như những tình cảm, những tâm trạng có thể gọi tên được, cái mà khi thật tĩnh anh thấy như nhìn qua mặt nước trong và lặng đáy hồ, cái mà khi lòng anh xao xuyến rung động như gió thổi giật những vòm lá trong rừng già âm u cho ánh sáng lọt tận mặt đất, không buồn vui, không đớn đau, không hạnh phúc, nhưng nặng tim, không chịu được, và bắt buộc anh phải vẽ một cái gì đó. Thật khó diễn đạt một vấn đề tương tự bằng lời, em cố mà hiểu ngầm nhé. Anh rất sợ nghe em hát nhưng anh biết em yêu âm nhạc và thích thơ ca. Còn anh, nhiều khi bị nhấn chìm vào nhạc vào thơ, anh có cảm giác

nó như nhìn thấy và sờ vào được âm điệu và từ ngữ. Anh đã nói là không thấy được sự vắng mặt của em nhưng trong anh đó là một khoảng trống mênh mông tràn một ánh sáng quên lãng màu hồng cerné d'une ténèbre aussi noire que ta chevelure...

Lúng túng, nhưng có lẽ anh đã nói được với em một trong những nguồn mạch sâu xa nhất của hội họa trừu tượng. Böyle giờ anh nói với em về sự phân biệt giữa hội họa trừu tượng và hội họa không trừu tượng. Anh gọi hội họa không trừu tượng tất cả các thể loại trào lưu, trường phái hội họa hoặc phản ánh diễn tả đối tượng nhìn thấy hoặc sử dụng chúng làm phương tiện diễn đạt ý tưởng ; ở đó họa sĩ càng vẽ chân thực và chính xác, càng làm cho đồng nhất cái đẹp trong đời thực với cái đẹp của bức tranh. Với người ít hiểu biết về hội họa, dù đó là một nhà triết học, nhà tư tưởng hoặc viện sĩ hàn lâm (là họa sĩ) việc công nhận một bức tranh tiền phục hưng, một bức tranh của Gauguin, của Van Gogh, một bức tranh dân gian khó hơn là tranh Léonard de Vinci, Rafael hoặc Delacroix. Em nhớ lại bức La Joconde nhé. Trên tranh ta thấy người đàn bà kiêu diễm với nụ cười xa xăm, cái nhìn lóe lánh trong khung cảnh thiên nhiên chìm trong bóng tối nhẹ nhàng và thơ mộng, tất cả được thể hiện với bàn tay thiên tài của họa sĩ. Rất nhiều người sẽ khen tranh đẹp nhưng số đông nhầm vào khen Mona Lisa đẹp, nếu người mẫu của Léonard de Vinci ở ngoài đời kém đẹp thì liệu kiệt tác này có giữ được vị trí độc tôn như ngày nay đánh giá không ? Ở tranh của Van Gogh và Gauguin vấn đề đã khác đi nhiều. Không còn thiên nhiên và con người như ngoài đời nữa, sự thanh lịch điệu dàng ẩn tượng bị loại bỏ. Người ta bắt buộc phải xem tranh cách khác, phải huy động nhiều suy nghĩ và tình cảm riêng của mình để chiêm nghiệm. Cái cửa vô hình của nghệ thuật đã hé ra để người xem tranh bước vào cùng họa sĩ đàm luận và xem xét một cách sáng tạo một bức tranh.

Tôi lượt tranh trừu tượng, nơi mà đến cả con người và thiên nhiên, tất cả những gì đều bị loại bỏ, nghệ thuật có còn phản ánh cuộc sống nữa không ? Nếu có thì ở chỗ nào và như thế nào ?

Rất có thể nhiều họa sĩ trừu tượng trả lời thẳng thừng là họ không hề phản ánh cái gì trên tranh tất cả, là họ chỉ sáng tạo, họ chỉ làm ra cái đẹp. Điều đó không đủ, nhưng vẫn đúng. Anh tin số đông sẽ trả lời rằng tôi tìm cách thể hiện ý tưởng, quan niệm hoặc rõ ràng hoặc mơ hồ, nhưng chúng phải xuất hiện trực tiếp không thông qua một trung gian nào cả. Anh ở trong số người này. Một họa sĩ lớn đầu thế kỷ đã vẽ bức tranh nổi tiếng “ *tiếng kêu* ” thể hiện một người đàn bà trên một cái cầu, hai tay khum lại trước miệng và thét lên. Người xem lạnh người và có cảm giác nghe được tiếng kêu gọi khẩn thiết tuyệt vọng. Đó là một bức tranh thể hiện cái không thấy qua trung gian nhìn thấy. Nhưng người ta hoàn toàn biểu hiện được tiếng kêu không cần người đàn bà ấy, mà chỉ dùng những tập hợp màu sắc, đường nét, hình mảng hoặc dấu hiệu. Như thế là một bức tranh trừu tượng. Và những ý kiến này không vô lý. Âm nhạc chỉ sử dụng có bấy nốt mà chúng ta được nghe không biết bao nhiêu giao hưởng, concerto, ca khúc, chèo tuồng...

(xem tiếp trang 32)

Nhong nhong cưỡi ngựa “Bình Kho”

Kinh tặng các ông đã từng
lâm mưa lâm gió trong làng đáo

Nguyễn Dư

Ai đã sống quãng đời từ sáu, bảy, đến mười hai, mười ba tuổi, trên dải đất Việt Nam, từ Bắc vào Nam, chắc đều biết vài ba kiểu đáo.

Đáo là trò chơi của con trai. Con gái thì nhảy giây, đánh chuyền... Còn gì vui nhộn cho bằng một sân trường trong giờ ra chơi. Dưới bóng mát của cây bàng, cây sấu hay cây phượng, cây me, chỗ này một nhóm đánh đáo, chỗ kia một đám đá cầu, bắn bi. Reo hò cứ như là mổ bò... Giờ chơi bao giờ cũng quá ngắn ngủi. Lũ trẻ còn tiếc rẻ ván đáo dở dang, hẹn nhau hôm sau tiếp tục. Nếu hôm sau là chủ nhật thì sao ?

“*Em ơi ! Lâu thế thì làm sao đợi được ?*”. Phải hẹn tới nhà nhau mà “đánh” tiếp chứ.

Trẻ con ham mê đánh đáo lắm... Chả cứ gì trẻ con, ngay cả người lớn cũng có nhiều người mê tới vì đáo ! “Đáo” là cái trò gì mà quyến rũ như vậy ? Muốn biết là trò gì thì ta lật... Mà thôi hãy khoan... Chuyện chữ nghĩa lát nữa hãy bàn...

Mời bạn đi xem đánh đáo kéo muộn (1)(2).

Huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, hàng năm tổ chức chơi “đáo đá” vào ngày mồng 6 tháng giêng, để chọn người làm chủ tế ở đình suốt năm. Những người được làng cử ra chơi phải hội đủ ba điều kiện : trên 50 tuổi, đồng con cháu, già đình đạo đức, không tang chế.

Tại sân đình, người ta đào một cái hào. Đào xong, chính ông lí trưởng tự tay trổng hai cái cọc trong hào. Lúc chơi đáo, cứ hai cụ một ra chơi. Từ bờ hào, mỗi cụ được dùng sáu viên đá để ném vào cọc của mình. Cụ nào ném trúng giữa thân cọc, chỗ có dán tờ giấy điều là thắng cuộc, được làm chủ tế.

Làng Lũng Ngoại, tỉnh Vĩnh Yên chơi “đáo hú”, gần giống đáo đá. Người chơi vừa hú vừa ném viên đá sao cho trúng cọc. Mỗi người chỉ được ném một viên đá.

Làng Vọng Nguyệt tỉnh Bắc Ninh có tục tổ chức đánh “đáo lỗ” tại sân đình ngày mồng bốn tháng giêng.

Tại mỗi đầu sân người ta đào bốn lỗ đủ rộng và sâu để có thể ném một viên gạch vào. Làng chọn tám người có chức sắc ra chơi đáo. Những người này mặc bộ quần áo tế, chia làm hai phe, mỗi phe bốn người. Một hồi chiêng trống nổi lên báo hiệu bắt đầu trò chơi. Mỗi người cầm một viên gạch nhắm ném vào lỗ của đối phương. Ai ném trúng, được vào ngồi chiếu cổ của làng. Ném không trúng thì phải lấy tà áo bọc viên gạch, đem đến bỏ vào lỗ. Bỏ rồi, đến trước bàn thành hoàng làng khấn : “*Con trót vụng về để thua ván đáo, van lạy ngài, xin ngài xá tội cho con*”.

Nổi tiếng và bình dân nhất có lẽ là “đáo đĩa” được tổ chức ở Bắc Ninh và Bắc Giang.



Dáo đĩa

Người chơi đáo đứng ở vách cẩm, ném đồng tiền vào một chiếc đĩa đặt trong một cái mít. Nếu đồng tiền nằm trong đĩa thì người chơi (nhà con) thắng giải. Văng ra mít thì thua, người tổ chức (nhà cái) ăn đồng tiền ấy. Văng ra khỏi mít, rơi xuống đất thì hoà, người chơi được lấy lại đồng tiền.

Đáo đĩa khó hay dễ, tùy theo đĩa nhỏ hay lớn, vách cẩm xa hay gần. Giải thường có thể bằng tiền hay gói trà tàu, hoặc vuông nhiều điều.

Có nơi thay đổi cách chơi, biến đáo đĩa thành “đáo ô”. Chiếc đĩa được thay bằng khay kê ô. Mỗi ô được sơn màu trắng hay đen để phân biệt ô được, ô thua. Người chơi đứng ở vách cẩm ném đồng tiền vào khay. Tiền nằm trong khay thì theo ô mà định được thua. Tiền văng ra ngoài khay thì hoà.

Đáo đĩa, đáo ô là hai trò chơi thường có ăn thua tiền bạc giữa nhà cái và nhà con. Nếu chỉ muốn mua vui, thử thời vận đầu năm, hay chỉ muốn khoe tài giữa bạn bè thì chơi “đáo cọc” của làng Lũng Ngoại, tỉnh Vĩnh Yên.

Người ta trổng một cái cọc ở mé sân đình. Đầu cọc cẩm cờ ngũ sắc, vừa đẹp vừa dễ thấy từ xa. Sáng mồng ba Tết, ông tiên chỉ của làng làm lễ tại đình, rồi ra ném viên đá đầu tiên, khai mạc cuộc chơi. Người chơi đáo đứng ở vách cẩm, ném những viên đá tròn tới chân cọc. Viên đá của ai nằm gần chân cọc nhất thì người đó thắng cuộc. Trò chơi càng hào hứng, vui nhộn mỗi khi có ai nhắm đánh văng bật viên đá của người khác ra xa chân cọc !



Dáo cọc

Chơi đáo tại hội làng là thú vui của người lớn, đúng hơn là của các ông.

“*Phép vua thua lê làng*”. Lệ làng là như vậy ! Trẻ con chỉ được quyền chầu rìa, vỗ tay. Nghỉ cũng túc thật ! Chẳng lẽ con cháu cứ đứng nhìn cha ông vui chơi ? Bỗng một ngày nào đó, trong đám trẻ này ra một bộ óc thông minh đầy sáng tạo, đám nghĩ rằng “*Lệ làng phải hàng... luật trẻ*”. Bộ óc này đã cả gan cải tiến, đổi mới những kiểu chơi của người lớn thành

những trò tiêu khiển hoàn toàn của trẻ con : đó là những lối đánh đáo ngoạn mục và hào hứng.

Phổ biến nhất phải kể hai món “ **đáo lỗ** ” và “ **đáo tường** ”.

Đáo lỗ chơi chỗ nào cũng được, bao nhiêu người chơi cũng được, trừ... chơi một mình ! Chỉ cần khoét một cái lỗ dưới đất, to nhỏ, nông sâu tùy theo thỏa thuận giữa người chơi. Muốn dễ chơi thì khoét lỗ to và sâu nằm giữa bãi đất. Những tay lão luyện thì chỉ cần một lỗ vừa khít kích thước đồng cái, thường là đồng hai hào ngày xưa, xấp xỉ bằng đồng 1F (một quan Pháp) bây giờ. Để làm tăng thêm khó khăn, bậc “ **dàn anh** ” thường chọn chỗ đất nghiêng, khoét lỗ gần một chướng ngại vật, cạnh một gốc cây, sát một mảnh chai chẳng hạn ! Cạnh lỗ kẻ một lằn mức. Cách lằn mức này độ hai, ba mét là vạch cấm. Đáo lỗ có nhiều “ **luật lệ** ”, tùy giao ước giữa người chơi.

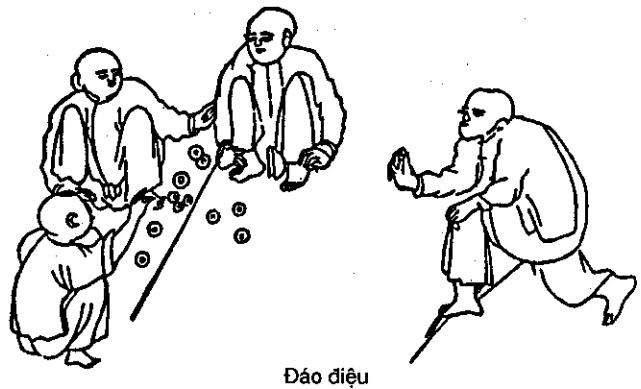
Bắt đầu “ **đi cái** ”. Từ vạch cấm, ai thấy đồng cái gần lỗ nhất (trường hợp lý tưởng là... bịt kín lỗ), được chơi trước. Người chơi đứng ở vạch cấm thấy tiền đáo (tiền góp) lên quá lằn mức. Nếu có đồng nằm dưới lằn mức thì bị thua hoặc bị phạt, phải góp thêm tiền. Đồng nào chạm hoặc rơi vào lỗ thì người khác được quyền đặt lại vào bất cứ vị trí nào. Trường hợp có nhiều đồng chồng dính lên nhau, người khác được tùy ý xếp lại thành đồng lớn. Nếu người chơi đánh tan hết đồng tiền thì thắng ván đáo, đánh tan một phần thì chỉ được những đồng đánh tan này. Đây là lúc phải “ **bày binh bố trận** ” sao cho khéo, phải nghĩ ra những mẫu “ **kiến trúc tân kì** ”, dụng đến là vung tung toé, va chạm lung tung, người chơi sẽ bị phạt. Nếu không có tiền chồng dính nhau, thì người khác được chỉ định bắt cứ đồng nào, người chơi phải đánh trúng đồng đó. Đặc biệt là đồng nằm đúng lằn mức, đánh trúng nhưng vẫn còn phải ném đúng lằn mức ! Lúc đánh, nếu chạm bắt cứ đồng nào khác, ngoài những đồng được chỉ định, là bị phạt. Đánh văng xuống dưới lằn mức hoặc chạm vào lỗ cũng bị phạt !

Lúc bắt đầu một ván đáo, mỗi đứa góp vài ba hào. Sau vài lần phạt, số tiền cứ tăng dần. Thỉnh thoảng có ván lên đến mấy đồng, bàn tay trẻ con cầm không hết, cả bọn phải đồng ý lấy bớt để ra ngoài ! Bắt đầu hồi hộp, gay cấn rồi đấy !

Có những cú đánh “ **thần sầu quý khốc** ”, đáng được ghi vào sách vở ! Có những ván “ **bất phân thắng bại** ”, cuối cùng phải hoà. Cao thủ gặp nhau mà li !

Kẻ mới “ **nhập môn** ” làng đáo, còn e ngại lỗ chơi khó, thường bắt đầu bằng “ **đáo diệu** ”, còn gọi là “ **đáo thủ** ”. Đáo diệu dễ hơn đáo lỗ ở chỗ... không có lỗ. chỉ cò lằn mức và vạch cấm. Giản dị hơn nữa thì chỉ khoét lỗ, không vạch lằn mức. Từ vạch cấm, thi nhau thấy đồng tiền vào lỗ. Trò chơi này có nơi gọi là “ **đáo lỗ** ”, có nơi chỉ gọi trống là đáo để phân biệt với “ **đáo lỗ** ” có nhiều luật lệ kể ở trên.

Tại các thành phố lớn, vỉa hè được tráng xi măng, nhiều lúc không tìm ra khoanh đất để khoét lỗ, đành phải vẽ một vòng tròn con con thay vào. Cách chơi tuy không thay đổi nhưng trò chơi đã giảm mất đôi phần thú vị. Thay đồng cái vào lỗ là cả một tích lũy kinh nghiệm, kết quả của luyện tập lâu ngày. Đất mềm hay cứng, nhẵn hay mấp mô ? tuỳ địa hình mà đưa ra lối chơi thích hợp. Thay tiền trên nền xi măng



Đáo diệu

thì còn gì là hứng thú, hấp dẫn ! Còn đâu cái khoảnh khắc hồi hộp nhìn đồng tiền lướt nhẹ trên mặt đất, từ từ bịt kín lỗ đáo ?

Đứa khó tính bùi môi “ **chán bỏ xù** ”. Thế là cả bọn nhao nhao “ **ù, chán bỏ xù, chơi đáo tường** ”.

“ **Đáo tường** ”, còn gọi là “ **đáo đậm** ”, chỉ cần một lằn mức. Lúc chơi đậm đồng tiền vào tường cho văng ra. Đồng nào gần lằn mức là hơn, vượt quá là thua. Đứa thứ nhất được lấy đồng tiền của mình chơi đồng của đứa thứ nhì. Chơi trúng thì được ăn đồng ấy và được chơi tiếp đồng của đứa thứ ba... Nếu chơi không trúng đồng nào thì đến lượt đứa có đồng ấy được chơi những đồng tiếp theo. Cứ lần lượt như vậy cho đến hết.

Đáo tường chơi mau chán vì ít có luật lệ. Nếu chán thì còn “ **đáo móc** ”, gần giống đáo tường, chỉ khác ở chỗ lúc đậm đồng tiền vào tường, bắt buộc phải đậm móc, nghĩa là phải vung tay theo chiều từ dưới lên trên. Đồng tiền văng theo đường cầu vồng trước khi chạm mặt đất.

Khó khăn lớn nhất của đáo tường, đáo móc là kiếm cho ra một bức tường để chơi mà không bị người lớn xua đuổi ! Nhiều khi không kiếm ra tường phải đậm tạm vào cột, vào gốc cây. “ **Cười gượng còn hơn mếu** ” !

Sau một buổi đáo sôi nổi, bức tường được trang điểm lấm tấm, đẹp như mặt rô hoa ! Bọn trẻ không hiểu nổi tại sao các bậc cha mẹ lại không ưa, không thích, thậm chí còn ghét hai món đáo này ?

Thỉnh thoảng gặp cơn khó khăn, cả bọn “ **trần như nhộng** ”, không có đồng xu dính túi, hoặc bị cấm “ **đánh bạc** ”, chỉ còn nước rủ nhau “ **giải trí lành mạnh** ”, đánh đáo bằng một nắm xèng. Đồng xèng là cái nắp bia bằng sắt được đậm cho thành hình tròn bằng phẳng. Đồng cái là một mảnh ngói hay một viên gạch con con.

Mấy đứa thua phải làm ngựa công đứa được, chạy nhòng nhòng quanh gốc cây, hay chạy “ **rồng rắn** ” lượn qua lượn lại một vòng.

Ngô Quý Sơn gọi con ngựa trẻ con này là “ **ngựa Bình Kho** ” (le cheval Bình Kho)⁽²⁾. Nhưng ông không cắt nghĩa, không nói tại sao lại gọi như vậy ? Ngô Quý Sơn đã treo lủng lẳng một cái dấu hỏi trước mặt mọi người.

Đã từng một thời mê đánh đáo, khoái chí quất ngựa nhòng nhòng bù lại những lúc phải cong lưng chờ nặng chạy loanh quanh, tôi cứ bứt rứt, muốn tìm cho ra con ngựa Bình Kho này.

Tôi tự đặt câu hỏi :

1) Bình Kho là tên người, tên mèo giống ngựa, hay tên một nơi nuôi ngựa nổi tiếng ?

Tìm kiếm trong mấy bộ sách sử kí, địa lí, phong tục đang có thì không thấy tên Bình Kho.

2) Bình Kho là do đọc trại từ tên nào khác ?

Tôi tìm được ba tên phát âm gần giống Bình Kho :

– Bình khấu, một chức quan đi dẹp quân làm loạn (Huỳnh Tịnh Của, **Đại Nam quắc âm tự vị**)

– Bình khung, một loại giường (Nguyễn Hồng, **Sóng gầm**)

– Bình Khang, nơi nổi tiếng nuôi “ ngựa người ” của... người lớn (Nguyễn Du, **Kiều**).

Trong ba tên, chỉ có “ bình khấu ” là tương đối sát nghĩa. “ Ngựa bình khấu ” có thể tạm hiểu là ngựa của ông quan có nhiệm vụ đi dẹp loạn. Hình ảnh ông quan cưỡi ngựa, có lính đi hầu, rất thích hợp với trò chơi của trẻ con. Mặc dù thuở nhỏ chúng tôi chỉ biết con ngựa :

*Nhong nhong ngựa ông đã về
Cắt cổ Bồ Đề cho ngựa ông ăn.*

Thật là may ! Phải reo lên là thích quá, sướng quá, gần đây tôi đã tìm ra tông tích con ngựa “ Bình Kho ”, trong bộ tranh dân gian Oger. Tấm tranh vẽ trẻ con làm ngựa chơi đùa. Tên tranh được viết là “ **làm ngựa Bình Vu** ” (hai chữ bình vu tôi tạm đọc theo chữ Hán).

Vậy “ Bình Vu ” là gì ?

a) tên Bình Vu cũng như Bình Kho, không có trong sách.

b) Chữ “ Bình ” có thể đọc ra tiếng nôm thành “ **Bằng** ”. Nếu vậy, phải trả lời câu hỏi : trẻ con làm ngựa bằng... gì ? Chỉ có thể bằng vai, bằng tay, bằng lưng, hay bằng kiệu. Mấy chữ nôm vai, tay, lưng, kiệu viết hoàn toàn khác chữ “ vu ” trong tranh.

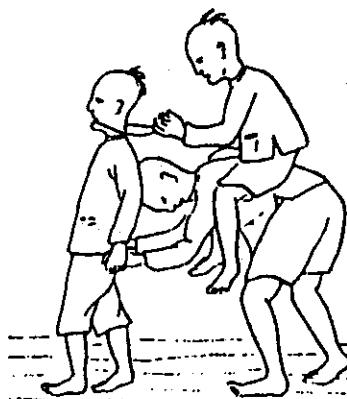
c) Chúng ta thử tra nghĩa của hai chữ “ **bình vu** ”

– Chữ bình 𠂔, nghĩa là bằng phẳng, yên ổn. Chữ bình có rất nhiều chữ đồng âm. Ngoài những chữ bình được ghi trong cả hai cuốn Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh⁽²⁾ và Hán Việt tự điển của Thiều Chủ⁽³⁾, cuốn Thiều Chủ còn có thêm một chữ bình mà cuốn Đào Duy Anh không có. Đó là chữ bình (bộ nhân) 𠂔, nghĩa là sai khiến bắt làm một việc gì.

– Chữ vu 𠂔 (cũng đọc là hu, Thiều Chủ), nghĩa là quanh co. Chữ này có đánh “ dấu cá ”, báo hiệu là không được đọc theo tiếng Hán.

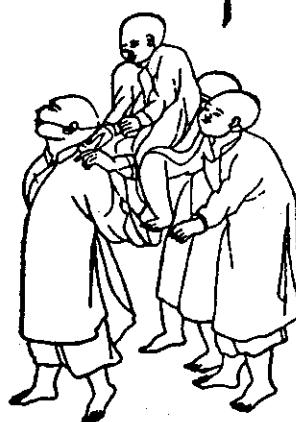
“ Bình vu ” đọc theo nghĩa, có thể là :

c1) Bằng phẳng, quanh co. Tên tranh trở thành “ làm ngựa chạy quanh co trên mặt bằng phẳng ” (sân, vỉa hè).



Ngựa Bình Kho

紓少馭平



Làm ngựa chạy quanh co

Rất đúng với hình học không gian ! Nhưng đặt trong bối cảnh bộ tranh dân gian, tả một trò chơi của trẻ con, tôi nghĩ rằng nghệ sĩ bình dân không giàu tưởng tượng, cầu kì đến mức đó !

c2) Sai khiến (hoặc bắt chạy) quanh co. Tên tranh bây giờ là “ làm ngựa, sai khiến hoặc

bắt chạy quanh co ”, nghĩa là “ **làm ngựa chạy quanh co** ”. Đúng là con ngựa nhong nhong thân yêu của chúng tôi. Đứa được bắt đưa thua công chạy một vòng. Nhóc nào đã chơi đáo giải trí hẳn đều biết con ngựa này.

Theo tôi, chữ bình trong tranh viết thiếu bộ nhân, thiếu “ dấu cá ” để lưu ý người đọc !

Tại sao Ngô Quý Sơn lại đọc chữ “ vu ” ra chữ “ kho ” ? Tôi phỏng đoán có thể Ngô Quý Sơn cho rằng chữ này là bộ mịch ghép với một phần của chữ khoai (chữ 𩷶, đọc là vu (Đào Duy Anh) hay dù (Thiều Chủ), nghĩa là khoai, nên đọc thành kho) ?

Trở lại chuyện đáo.

Đáo có từ thời nào ? Không ai có thể trả lời đích xác được. Nhưng chắc chắn là đáo đã xuất hiện từ lâu, được chơi trong lễ hội cổ truyền của nhiều làng quê miền Bắc. Có giả thuyết cho rằng “ **đáo hú** ” của Lũng Ngoại được tổ chức để tưởng nhớ bà Lê Ngọc Trinh, một nữ tướng của hai bà Trưng, người đã bày ra trò chơi trong khi luyện tập binh sĩ⁽¹⁾.

Tên đáo từ đâu mà ra ? Rất có thể là từ chữ đáo tiếng Hán, 𩷶, nghĩa là đến, đến nơi đến chốn. Chơi đáo chính là ném một vật gì đến cái đích.

Định nghĩa của đáo là gì ? Chúng ta lật từ điển :

– Đáo : cuộc chơi, đào lỗ dưới đất, đứng xa xa mà thả vật gì nhằm lỗ (Huỳnh Tịnh Của, 1896)⁽⁵⁾.

– Đáo : Jeu d'enfants consistant à lancer une sapèque contre un but (Gustave Hue, 1937)⁽⁶⁾.

– Đáo : Trò chơi của trẻ em, ném đồng tiền hoặc vật tương tự vào một cái đích (Hoàng Phê, 1988)⁽⁷⁾.

Định nghĩa của Hoàng Phê gần giống định nghĩa của Gustave Hue.

Cả ba định nghĩa trên đều còn thiếu sót. Huỳnh Tịnh Của chỉ nói đến “ **đáo lỗ** ”. Gustave Hue và Hoàng Phê lại bỏ quên mất người lớn. Vâng, chính người lớn, các ông lớn ở làng, đã bày ra trò chơi đáo trước trẻ con.

Văn Tân (1977) ⁽⁸⁾ định nghĩa một cách tổng quát hơn :

- Đáo : Trò chơi quăng đồng tiền hay một vật gì vào một cái đích.

Non nửa thế kỷ rồi mà đôi lúc còn bùi ngùi mường tượng đến cái dám tí nhau, được người đời liệt vào hàng thứ ba, sau quý và ma... Đứa còn đứa mất. Đứa lên ông, đứa xuống thằng. Phiêu bạt nơi đất Mỹ, trời Tây hay vẫn ngày ngày đi về mấy con đường năm xưa ?

Gặp lại, chắc chắn mấy mái tóc hoa râm chẳng ai nhận ra ai. Nhưng nếu gọi lại những buổi trưa hè, đánh đáo vã mồ hôi, thì có lẽ tất cả sẽ cười ô lèn, ôm chầm lấy nhau !

Nguyễn Dư (tháng 1.97)

(1) Phan Thanh Hiền và một nhóm : **Trò chơi dân gian Việt Nam**, nxb TP Hồ Chí Minh, 1990.

(2) Ngô Quý Sơn : – Activités de la société enfantine annamite du Tonkin, Hà Nội, 1944

– Jeux d'enfants du Vietnam, Sudestasie, Paris, 1985 (in lại).

(3) Đào Duy Anh : **Hán Việt từ điển**, nxb Trường Thi, Sài Gòn 1957.

(4) Thiều Chủ : **Hán Việt tự điển**, nxb TP Hồ Chí Minh, 1993 (in lại).

(5) Huỳnh Tịnh Của : **Đại Nam Quốc âm tự vị**, nxb Rey, Saigon, 1895.

(6) Gustave Hue : **Tự điển Việt-Hoa-Pháp**, nxb Trung Hoà, 1937.

(7) Hoàng Phê và một nhóm : **Từ điển tiếng Việt**, nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988.

(8) Văn Tân và một nhóm : **Từ điển tiếng Việt**, nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977.

Concert classique
Dimanche 9 Mars 1997 à 16 heures
Eglise Réformée de l'Oratoire du Louvre
145, rue Saint Honoré, 75001 Paris
Métro : Louvre

Vivaldi
“ Les Quatre Saisons ”
VINH PHAM : violon

ORCHESTRE SINFONIETTA DE PARIS
Direction : Dominique Fanal

DIỄN ĐÀN forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ
Imprimé par nos soins

Dépôt Légal : 178/91 • Commission Paritaire : AS 7 324
Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax : từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail) :

diendan_forum@compuserve.com

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg
Ba Lan : Anna Le Duc, 03-914 Warszawa, ul. Saska 44/19

Thể lệ mua báo : xin coi trang 3

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font ThinArt) hay PC (font VNI, PDT...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet)

Ánh sáng của cái-không-nhìn-thấy

(tiếp theo trang 28)

Quay lại với hội họa nhé. Em nói là em không hiểu tranh trừu tượng, nhưng ít ra em thấy chúng phong phú và khác nhau rất nhiều. Một tấm vải vuông hoặc chữ nhật trên khung chỉ vẽ một màu thôi đã là một bức tranh, ba nhát rách ngọt tạo thành ba nét sắc rợn người trên vải là một bức tranh. Có họa sĩ suốt đời gần như chỉ dùng một màu đen, có người chỉ dán và khâu bao tải, có người chỉ chia tấm vải thành những hình vuông nhiều màu khác nhau, có người chỉ đóng đinh lên mặt gỗ phủ vải... Và chỉ có như vậy thôi mà người xem vẫn bị chấn động, vẫn xao xuyến bởi cái đẹp của tranh. Anh không muốn miêu tả với em nhiều về diện mạo của tranh trừu tượng. Bấy nhiêu là đủ, vì em còn có thể xem và tự thấy. Cái cần cho em cách thức tiếp cận và cảm nhận chúng. Tiếc thay hội họa cũng nhu nhiều nghệ thuật khác rất khó giải thích, còn hội họa trừu tượng không cho phép giải thích. Việc không giải thích được nó không nằm ở chỗ nó bí hiểm, ngược lại nó đơn giản, trần trụi, và oái oăm nữa là tất cả những gì đơn giản, trần trụi, và gần gũi với con người nhất là cái khó hiểu, khó nắm bắt nhất. Anh cứ cố nói vậy.

Dù ở hình thức nào, tranh trừu tượng cũng là một cái cửa đã mở. Người xem một chùm tranh thì di tìm người gác cửa hoặc chìa khoá. Và họ luôn luôn nói “tôi không hiểu” như em hoặc tệ hơn là “tôi hiểu”. Có thể từ hiểu đã làm người ta nhầm lẫn nhiều. Không thể hiểu được một câu thơ nếu đó là một câu thơ. Cũng như vậy, người ta không thể hiểu được một bức tranh. Trong quá trình vẽ, họa sĩ không bao giờ đi thẳng được từ ý đồ tới mục đích anh ta muốn. Cái ý thúc đẩy anh ta vẽ rất mù mờ, rất không xác định, nó bí mật, nó không cho hiểu được. Cái huyền bí, cái không thấy được khi đã có được hình dạng trên mặt tranh vẫn cứ huyền bí và không thấy được, đương nhiên là không hiểu được, duy nó không trùng khớp với cái huyền bí và không thấy được đầu tiên. Nếu đó là một bức tranh tốt, nó không phải là phương tiện để ta hiểu họa sĩ muốn nói gì, mà là một ánh sáng giúp ta quay về với cái thế giới huyền bí, không thấy được của mình. Cái đẹp chính là ánh sáng đó. Em thấy không, một bức tranh trừu tượng không làm xúc động, không cung cấp một hiểu biết nào, nhưng bắt được thông điệp không lời của nó, sẽ có một cái gì kỳ diệu xảy ra, và em thấy cái đẹp, em đã đi qua cánh cửa mờ của hội họa.

Em có thể thấy trên bức tranh những màu sắc, đường nét, mảng hình tìm nhau, gọi nhau và trốn nhau, em có thể thấy được những tiếng vọng của chúng... em cũng có thể thấy sự im lặng tuyệt đối, thấy cái vô tận của không gian, và em sẽ thấy đó là thế giới của em, bây giờ em thấy được cái không nhìn thấy của anh. Anh tăng em toàn bộ nền hội họa trừu tượng đã có và chưa làm. Anh đã dắt em đi thật xa để cuối cùng nói với em cái miền chúng ta tìm kiếm ở ngay trong em, trong mỗi người chúng ta. Em hãy xem, hãy yêu tranh trừu tượng vì nó là của cải của em. Và ở đâu đó có một người xem tranh, tất cả mọi họa sĩ đều thấy bối rối đơn.

Còn anh, anh vẽ tranh trừu tượng và anh yêu hội họa trừu tượng, anh yêu nó nhiều hơn vì không bao giờ anh nói được những gì anh muốn nói qua tranh. Có cái gì đó như tiếng thét của người câm, như âm thanh trong sự khát khao muốn nghe của người điếc. Mong muốn lớn nhất của anh là thấy được và vẽ ra được màu sắc trong tưởng tượng tuyệt vọng của người mù.

Lý Sơn